NAMSUNG
ALUMINIUM CO.,LTD

BẢNG MẶT CẮT
NHÔM NAM SUNG
HỆ THÔNG DỤNG

(Cập nhật 19/05/2023)

www.nhomnamsung.com.vn

NÂNG TẦM CHẤT LƯỢNG NHÔM VIỆT



NAM SUNG Aluminium Company Limited

Add : Lô N1-3, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hoà Hạ, H.Đức Hoà, Tỉnh Long An

Tel : 0272 3777 815 - Fax : 0272 3768 967

Website : nhomnamsung.com.vn

NAMSUNG
ALUMINIUM CO.,LD

MỤC LỤC

Tên gọi chung	Hệ cửa	Trang
1. Cửa lùa 2 Ray	Hệ NS-93 (Dày)	01 - 02
2. Cửa lùa 3 Ray & Nẹp kính	Hệ NS-93 (Dày)	03 - 04
3. Cửa lùa 2 Ray	Hệ NS-93 (Mỏng)	05 - 06
4. Cửa đi	Hệ NS-55 (Dày)	07 - 08
5. Cửa đi khung bao 200	Hệ NS-55 khung bao 200	09
6. Cửa sổ & Vách kính	Hệ NS-55	10
7. Nẹp kính & Nan trang trí	Hệ NS-55	11
8. Pát liên kết & Ke ép góc	Hệ NS-55	12
9. Cửa sổ lùa	Hệ NS-55	13 - 14
10. Cửa sổ lùa	Hệ NS-TC55	15
11. Cửa đi & Cửa sổ	Hệ NS-X55 (Mỏng)	16 - 17
12. Cửa đi & Cửa sổ	Hệ NS-SS55 (Mỏng)	18
13. Cửa bản lề sàn	Hệ NS-FL	19
14. Cửa đi	Hệ NS-1000	20
15. Vách ngăn - Cửa lùa	Hệ NS-1000	21 - 22
16. Cửa đi	Hệ NS-1045	23
17. Cửa xếp lùa	Hệ NS-60	24
18. Mặt dựng	Hệ NS-65	25 - 27
19. Mặt dựng	Hệ NS-70	28
20. Mặt dựng	Hệ NS-50 (NS-1600)	29 - 32
21. Mặt dựng	Hệ Semi Unitized	33 - 34
22. Cửa sổ bật	Hệ NS-838 & NS-1038	35
23. Cửa sổ bật & Nẹp kính	Hệ NS-380	36
24. Cửa sổ lùa	Hệ NS-888	37 - 38

NAM SUNG Aluminium Company Limited

Add : Lô N1-3, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hoà Hạ, H.Đức Hoà, Tỉnh Long An

Tel : 0272 3777 815 - Fax : 0272 3768 967

Website : nhomnamsung.com.vn

NAMSUNG
ALUMINIUM CO.,LD

MỤC LỤC

Tên gọi chung	Hệ cửa	Trang
25. Cửa sổ lùa	Hệ NS-188	39 - 40
26. Cửa lùa	Hệ NS-500	41
27. Cửa đi	Hệ NS-700	42 - 43
28. Cửa đi lùa	Hệ NS-720	44 - 46
29. Cửa đi	Hệ NS-760	47
30. Hình Ø , ⊔ , ∟ ,⊔⊔		48
31. Hình hộp		49- 51
32. Mặt cắt thường dùng - Thang nhôm		52
33. Vách ngăn tấm nhựa compact - Tay vịn lan can		53
34. Tủ thường dùng		54
35. Tủ cao cấp		55
36. Lamri - Lam hộp		56
37. Lá sách cố định		57 - 58
38. Khung lá liễu tránh nắng / Lam Sun Louver		59- 60
39. Nẹp gài		61
40. Song chắn nhôm		62

NAM SUNG Aluminium Company Limited

Add : Lô N1-3, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hoà Hạ, H.Đức Hoà, Tỉnh Long An

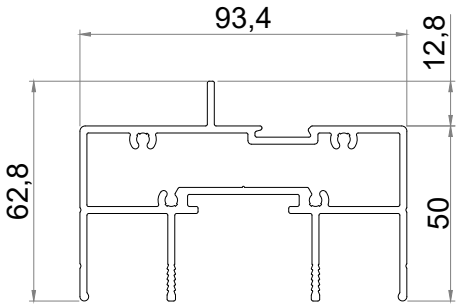
Tel : 0272 3777 815 - Fax : 0272 3768 967

Website : nhomnamsung.com.vn

NAMSUNG
ALUMINIUM CO.,LD

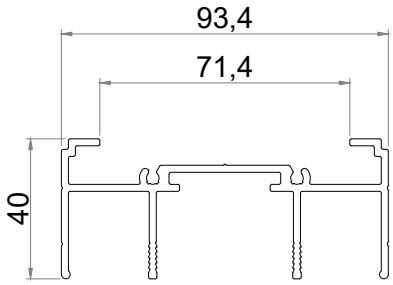
CỬA LÙA 2 RAY HỆ NS-93 (DÀY)

Máng lùa có cố định trên-2 ray



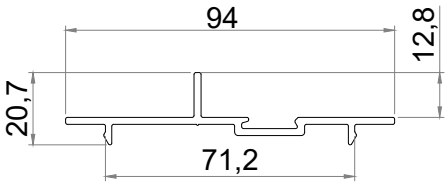
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-1551A	2.0	2.172 kg/m	02

Máng trên-2 ray



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-1541A	2.0	1.464 kg/m	02

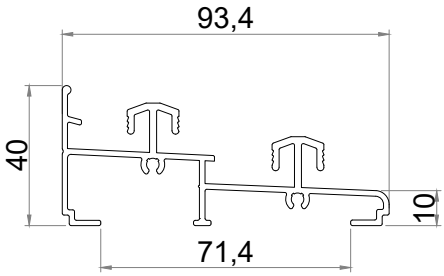
Ghép máng-2 ray



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-1578	2.0	0.678 kg/m	06

Ray cửa sổ-2 ray

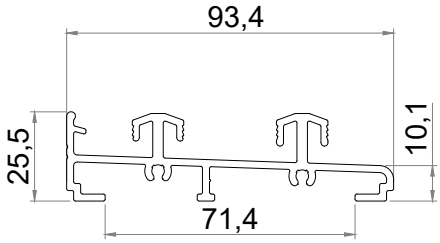
Cập nhật 23.2.2022



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-1942	1.5-2.0	1.287 kg/m	02

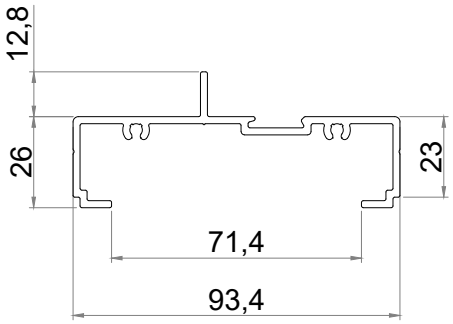
Ray cửa đi-2 ray

Cập nhật 23.2.2022



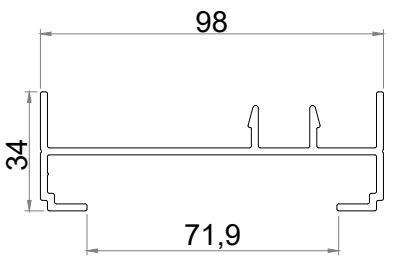
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-1942A	2.0	1.399 kg/m	02

Khung cố định cửa lùa-2 ray



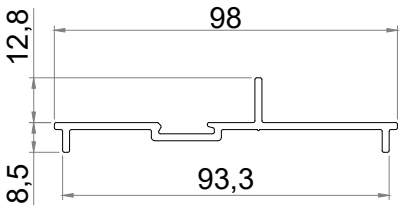
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-1559	2.0	1.074 kg/m	04

Đứng khung bao-2 ray



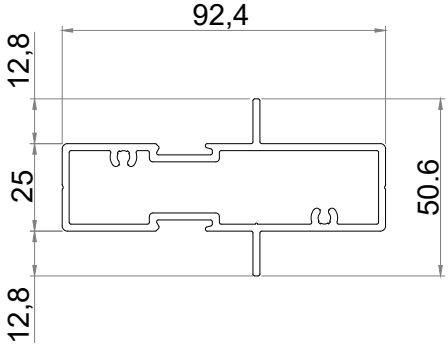
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-1543A	2.0	1.137 kg/m	02

Ghép đứng khung bao-2 ray



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-1549A	2.0	0.714 kg/m	06

Đố giữa trung gian-2 ray



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-2618	2.0	1.551 kg/m	02

(*) Ghi chú:Độ dày cho phép dung sai ± 8% (nhôm hệ), Độ dày cho phép dung sai ± 10% (nhôm thông dụng)

NAM SUNG Aluminium Company Limited

Add : Lô N1-3, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hoà Hạ, H.Đức Hoà, Tỉnh Long An

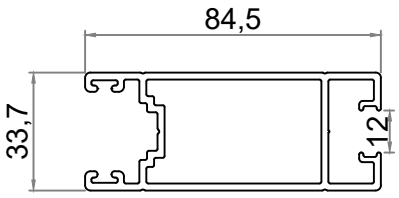
Tel : 0272 3777 815 - Fax : 0272 3768 967

Website : nhomnamsung.com.vn

NAMSUNG
ALUMINIUM CO.,LD

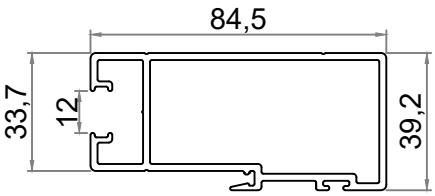
CỬA LÙA HỆ NS-93 (DÀY)

Đứng cánh trơn bản lớn



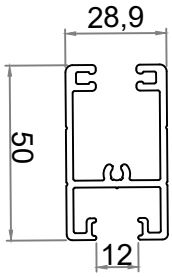
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-1546B	2.0	1.521 kg/m	02

Đứng cánh móc bản lớn - Trơn



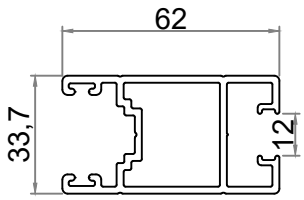
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-1547B	2.0	1.493 kg/m	02

Ngang cánh trên



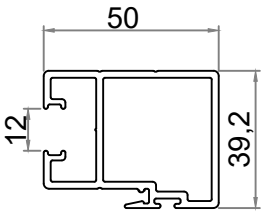
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-1544A	2.0	0.994 kg/m	04

Đứng cánh trơn bản nhỏ



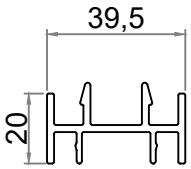
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-1546A	2.0	1.277 kg/m	04

Đứng cánh móc bản nhỏ



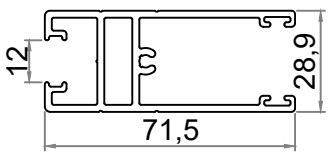
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-1547A	2.0	1.101 kg/m	04

Nắp gài khóa cửa 4 cánh



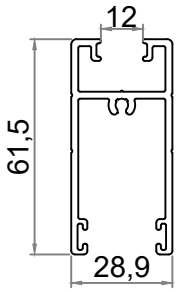
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-1548A	2.0	0.622 kg/m	08

Ngang cánh dưới lớn



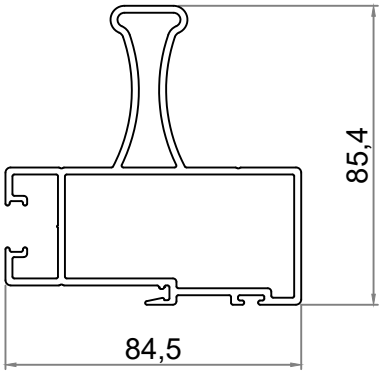
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-1555A	2.0	1.247 kg/m	04

Ngang cánh dưới nhỏ



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-1545A	2.0	1.000 kg/m	04

Đứng cánh móc bản lớn - Gờ



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-1547D	2.0	2.107 kg/m	01

(*) Ghi chú:Độ dày cho phép dung sai ± 8% (nhôm hệ), Độ dày cho phép dung sai ± 10% (nhôm thông dụng)

NAM SUNG Aluminium Company Limited

Add : Lô N1-3, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hoà Hạ, H.Đức Hoà, Tỉnh Long An

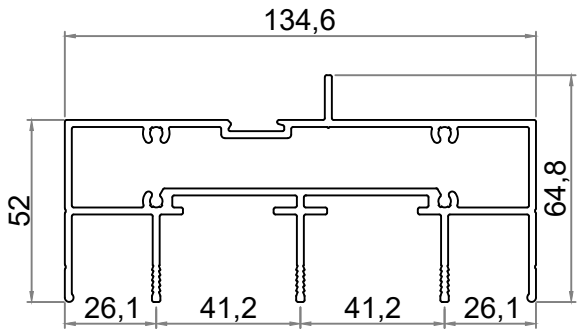
Tel : 0272 3777 815 - Fax : 0272 3768 967

Website : nhomnamsung.com.vn

NAMSUNG
ALUMINIUM CO.,LD

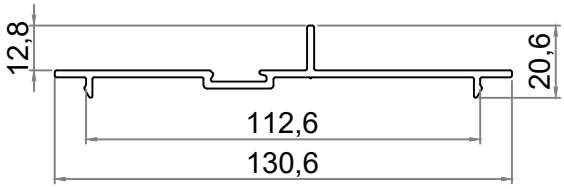
CỬA LÙA 3 RAY HỆ NS-93 (DÀY)

Máng lùa có cố định trên-3 ray



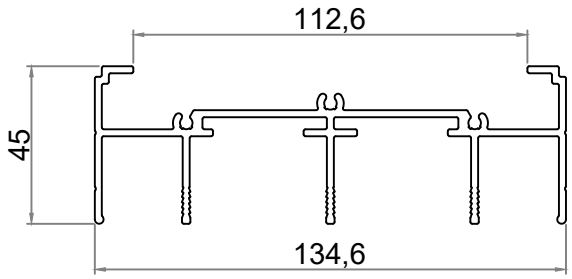
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-3211F	2.0	2.881 kg/m	02

Ghép máng / Ghép cố định trung gian-3 ray



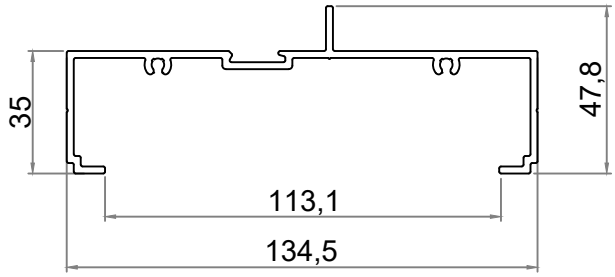
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-1578F	2.0	0.874 kg/m	04

Máng trên-3 ray



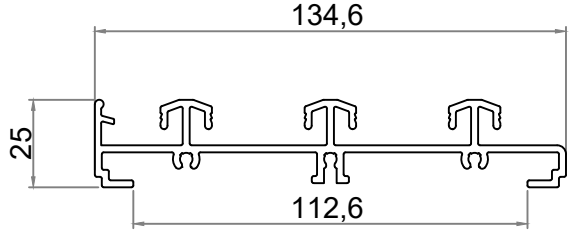
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-3211	2.0	2.033 kg/m	02

Khung cố định cửa lùa-3 ray



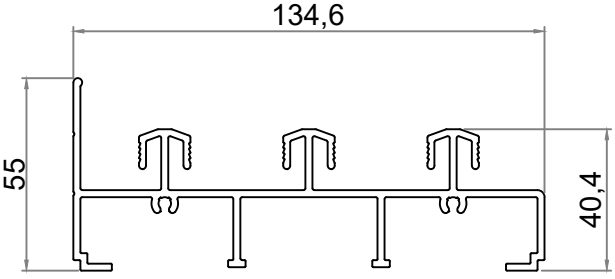
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-1559F	2.0	1.397 kg/m	02

Ray lùa-3 ray



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-3212	2.0	1.800 kg/m	02

Ray lùa-3 ray



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-3212B	2.0	2.302 kg/m	02

(*) Ghi chú:Độ dày cho phép dung sai ± 8% (nhôm hệ), Độ dày cho phép dung sai ± 10% (nhôm thông dụng)

NAM SUNG Aluminium Company Limited

Add : Lô N1-3, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hoà Hạ, H.Đức Hoà, Tỉnh Long An

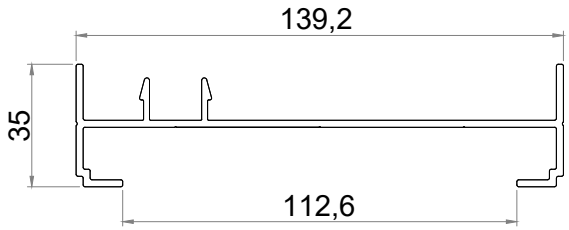
Tel : 0272 3777 815 - Fax : 0272 3768 967

Website : nhomnamsung.com.vn

NAMSUNG
ALUMINIUM CO.,LD

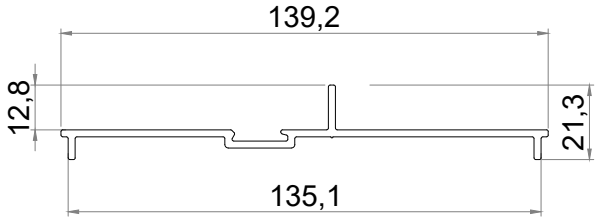
CỬA LÙA 3 RAY HỆ NS-93 (DÀY) & NẸP KÍNH

Đứng khung bao-3 ray



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-3213T	2.0	1.353 kg/m	02

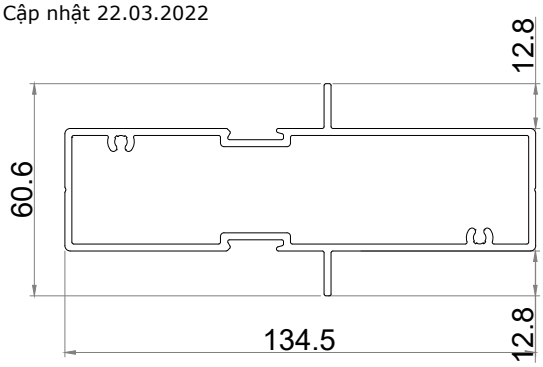
Ghép khung cố định-3 ray



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-3213F	2.0	0.935 kg/m	04

Đố giữa trung gian cố định-3 ray

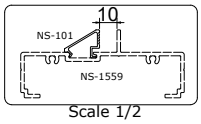
Cập nhật 22.03.2022

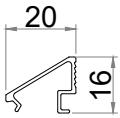


Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-2618F	2.0	2.116 kg/m	02

Nẹp kính

*Ghi chú : Sử dụng kính < 9 mm

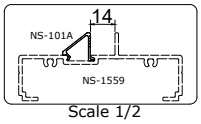


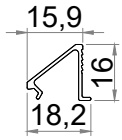


Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-101	0.9	0.132 kg/m	30

Nẹp kính

*Ghi chú : Sử dụng kính < 13 mm

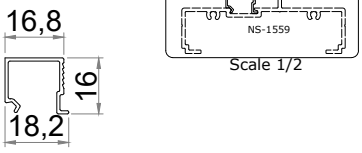




Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-101A	0.9	0.116 kg/m	30

Nẹp kính

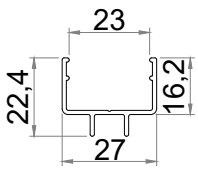
*Ghi chú : Sử dụng kính < 12 mm



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-101B	0.9	0.132 kg/m	30

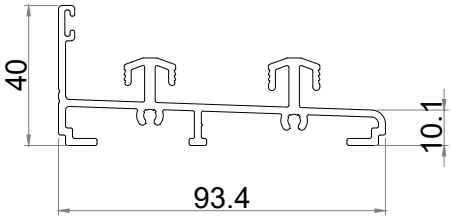
Nẹp kính hộp

*Ghi chú : Sử dụng kính < 22 mm



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-1508A	1.2	0.230 kg/m	20

Ray cửa sổ-2 ray



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-1942B	1.5-2.0	1.487 kg/m	02

(*) Ghi chú:Độ dày cho phép dung sai ± 8% (nhôm hệ), Độ dày cho phép dung sai ± 10% (nhôm thông dụng)

NAM SUNG Aluminium Company Limited

Add : Lô N1-3, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hoà Hạ, H.Đức Hoà, Tỉnh Long An

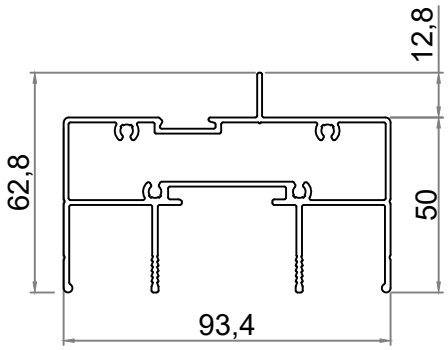
Tel : 0272 3777 815 - Fax : 0272 3768 967

Website : nhomnamsung.com.vn

NAMSUNG
ALUMINIUM CO.,LD

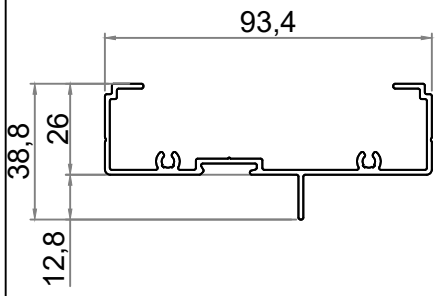
CỬA LÙA 2 RAY HỆ NS-93 (MỎNG)

Máng lùa có cố định trên-2 ray



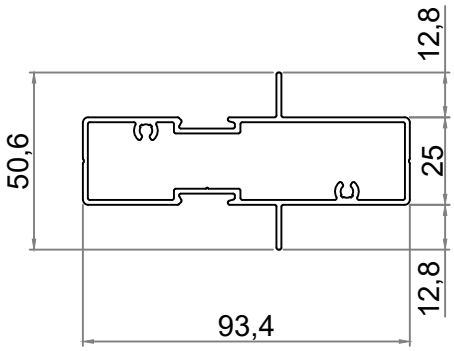
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-X1551A	1.4	1.652 kg/m	02

Khung cố định cửa lùa-2 ray



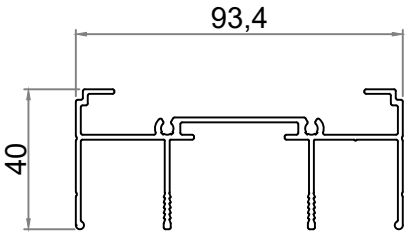
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-X1559	1.4	0.793 kg/m	04

Đố giữa trung gian cố định-2 ray



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-X2618	1.4-1.6	1.136 kg/m	02

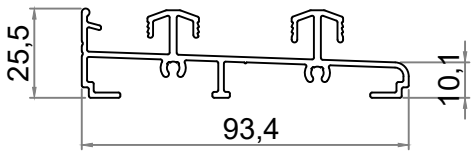
Máng trên-2 ray



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-X1541A	1.4	1.061 kg/m	02

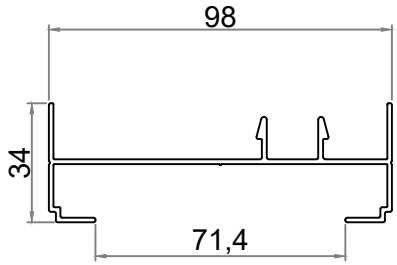
Ray lùa-2 ray

Cập nhật 23.2.2022



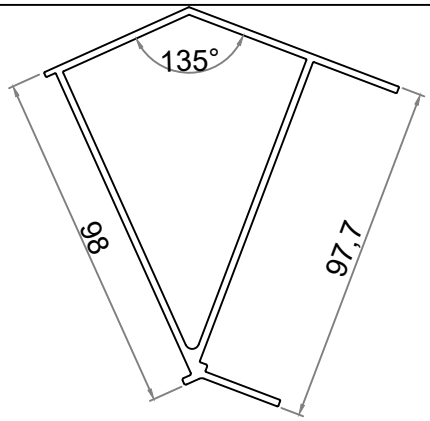
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-X1942A	1.4-1.6	1.103 kg/m	02

Đứng khung bao-2 ray



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-X1543A	1.3-1.4	0.798 kg/m	02

Thanh nối góc 135°-2 ray



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-1543B	2.0	1.787 kg/m	01

(*) Ghi chú:Độ dày cho phép dung sai ± 8% (nhôm hệ), Độ dày cho phép dung sai ± 10% (nhôm thông dụng)

NAM SUNG Aluminium Company Limited

Add : Lô N1-3, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hoà Hạ, H.Đức Hoà, Tỉnh Long An

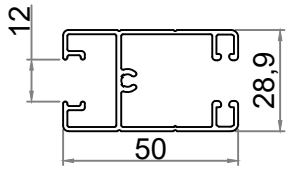
Tel : 0272 3777 815 - Fax : 0272 3768 967

Website : nhomnamsung.com.vn

NAMSUNG
ALUMINIUM CO.,LD

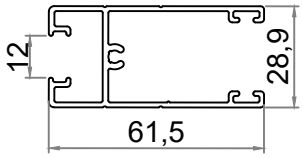
CỬA LÙA HỆ NS-93 (MỎNG)

Ngang cánh trên



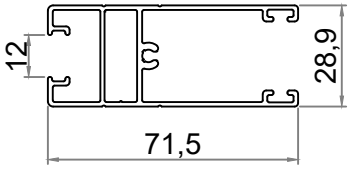
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-X1544A	1.2	0.660 kg/m	04

Ngang cánh dưới nhỏ



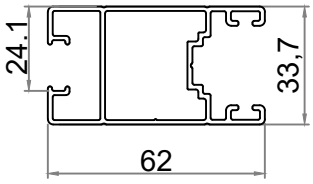
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-X1545A	1.4-1.6	0.784 kg/m	04

Ngang cánh dưới lớn



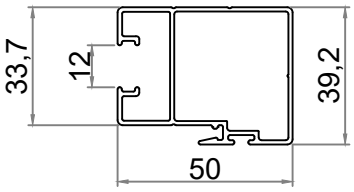
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-X1555A	1.2-1.3	0.893 kg/m	04

Đứng cánh trơn bản nhỏ



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-X1546A	1.2-1.4	0.887 kg/m	04

Đứng cánh móc bản nhỏ



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-X1547A	1.2	0.728 kg/m	04

(*) Ghi chú:Độ dày cho phép dung sai ± 8% (nhôm hệ), Độ dày cho phép dung sai ± 10% (nhôm thông dụng)

NAM SUNG Aluminium Company Limited

Add : Lô N1-3, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hoà Hạ, H.Đức Hoà, Tỉnh Long An

Tel : 0272 3777 815 - Fax : 0272 3768 967

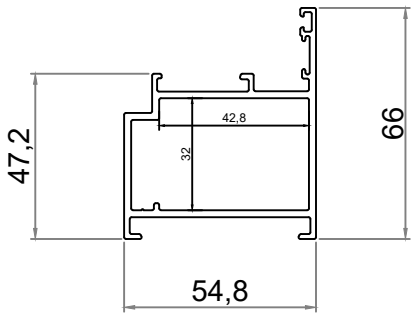
Website : nhomnamsung.com.vn

NAMSUNG
ALUMINIUM CO.,LD

CỬA ĐI HỆ NS-55 (DÀY)

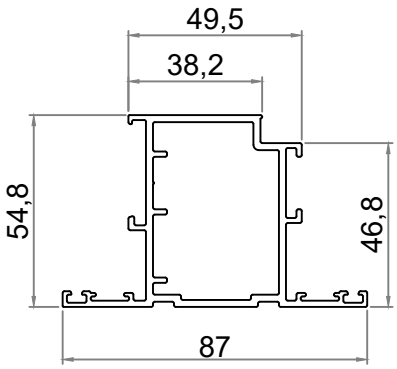
Khung bao cửa đi

Cập nhật 07.10.2021



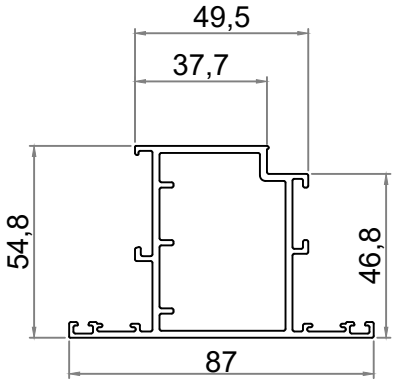
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-3328	2.0	1.223 kg/m	04

Cánh mở ra - gân



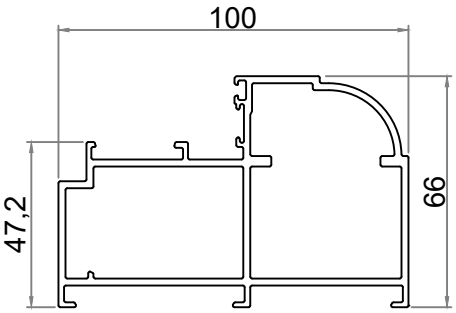
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-3303	2.0	1.446 kg/m	03

Cánh mở ra - không gân



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-3303A	2.0	1.432 kg/m	03

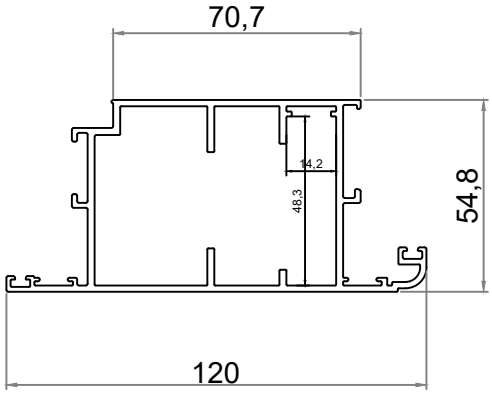
Khung bao cửa đi - Bản 100



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-3328A	2.0	2.113 kg/m	02

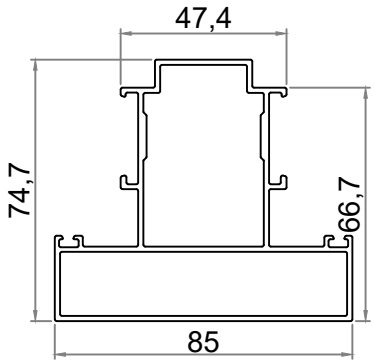
Khung cánh bầu

Cập nhật 03.07.2021



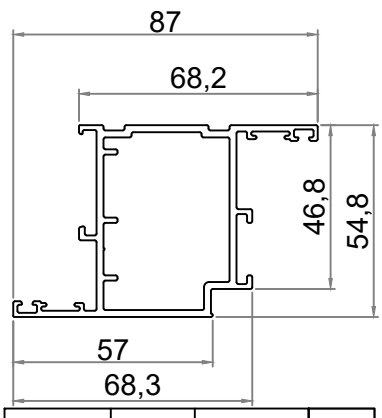
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-3303B	1.8-2.0	1.961 kg/m	02

Đố giữa hộp



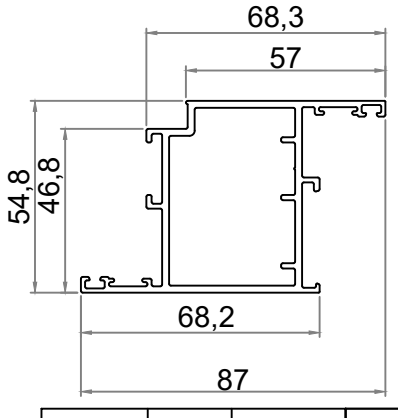
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-3313A	1.5	1.631 kg/m	03

Cánh mở vào trong - gân



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-3332	2.0	1.446 kg/m	03

Cánh mở vào trong - không gân



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-3332A	2.0	1.432 kg/m	03

(*) Ghi chú:Độ dày cho phép dung sai ± 8% (nhôm hệ), Độ dày cho phép dung sai ± 10% (nhôm thông dụng)

NAM SUNG Aluminium Company Limited

Add : Lô N1-3, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hoà Hạ, H.Đức Hoà, Tỉnh Long An

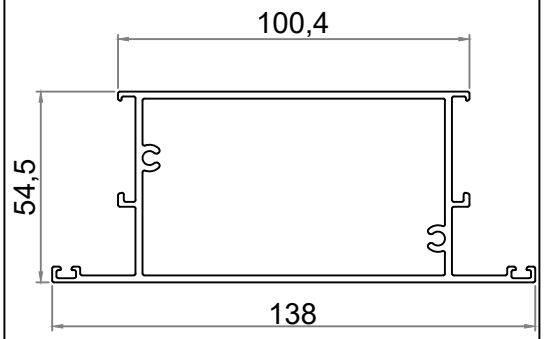
Tel : 0272 3777 815 - Fax : 0272 3768 967

Website : nhomnamsung.com.vn

NAMSUNG
ALUMINIUM CO.,LD

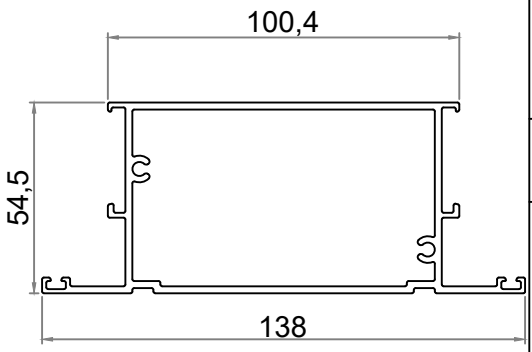
CỬA ĐI HỆ NS-55 (DÀY)

Ngang cánh dưới - không gân



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-3304A	2.0	2.014 kg/m	02

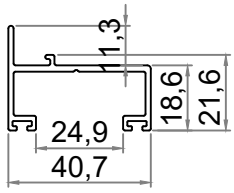
Ngang cánh dưới - gân



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-3304	2.0	2.030 kg/m	02

Nẹp dưới ngang cánh 45°

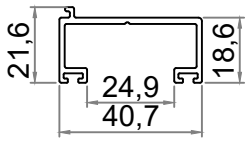
*Ghi chú : Dùng NS-3332; NS-3332A; NS-3303; NS-3303A



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-3329A	1.5-1.8	0.474 kg/m	10

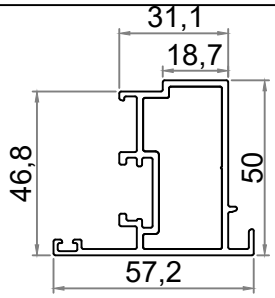
Nẹp dưới ngang cánh 90

*Ghi chú : Dùng NS-3304; NS-3304A



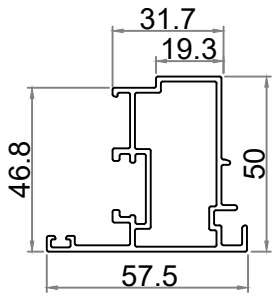
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-3329	1.5-1.8	0.428 kg/m	10

Đố động cửa đi



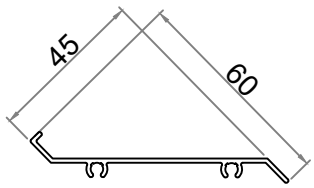
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-3323	1.8	1.056 kg/m	04

Đố động dùng chung



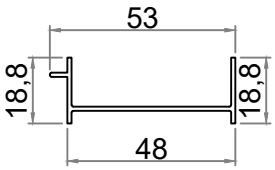
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-3323A	1.4	0.929 kg/m	04

Lá sách



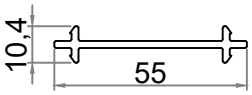
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-E192 (NS-LS01)	1.2	0.321 kg/m	10

Khung bao lá sách NS-E192 (NS-LS01)



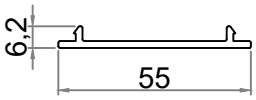
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-1283	1.2	0.286 kg/m	10

Thanh liên kết



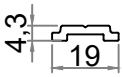
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-3300	2.0	0.384 kg/m	10

Thanh liên kết



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-3300A	2.0	0.339 kg/m	10

Thanh truyền khoá



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-459	2.5	0.143 kg/m	30

(*) Ghi chú:Độ dày cho phép dung sai ± 8% (nhôm hệ), Độ dày cho phép dung sai ± 10% (nhôm thông dụng)

NAM SUNG Aluminium Company Limited

Add : Lô N1-3, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hoà Hạ, H.Đức Hoà, Tỉnh Long An

Tel : 0272 3777 815 - Fax : 0272 3768 967

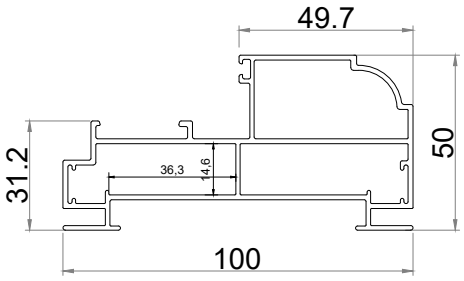
Website : nhomnamsung.com.vn

NAMSUNG
ALUMINIUM CO.,LD

CỬA ĐI HỆ NS-55 KHUNG BAO 200 mm

Khung bao cửa đi

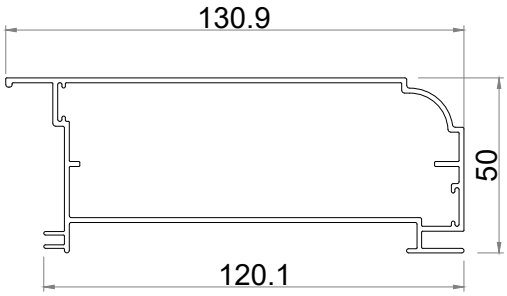
Cập nhật 10.10.2022



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-3318A	1.4	1.526 kg/m	02

Khung bao ghép

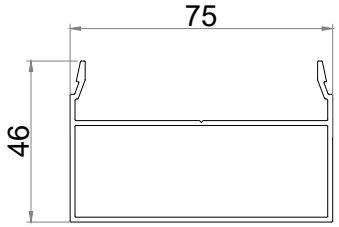
Cập nhật 10.10.2022



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-3318B	1.4	1.437 kg/m	02

Đố giữa hộp

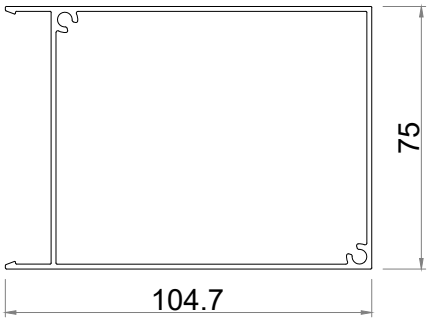
Cập nhật 09.04.2022



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T1609D	1.4	0.923 kg/m	02

Nắp chụp đố giữa hộp

Cập nhật 09.04.2022

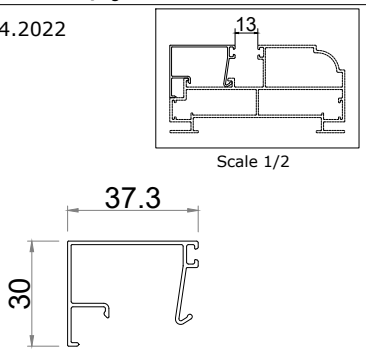


Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T1610D	1.4	1.415 kg/m	01

Nẹp kính

*Ghi chú : Sử dụng kính < 12 mm

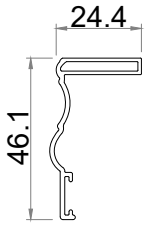
Cập nhật 09.04.2022



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-3296A	1.0	0.312 kg/m	12

Phào chỉ

Cập nhật 09.04.2022

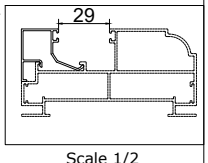


Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-PC01	1.0~1.3	0.329 kg/m	12

Nẹp kính

*Ghi chú : Sử dụng kính < 28 mm

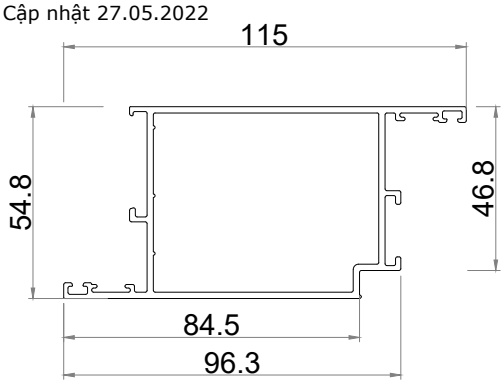
Cập nhật 27.05.2022



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-3296B	1.0	0.291 kg/m	12

Cánh lớn mở vào - không gân

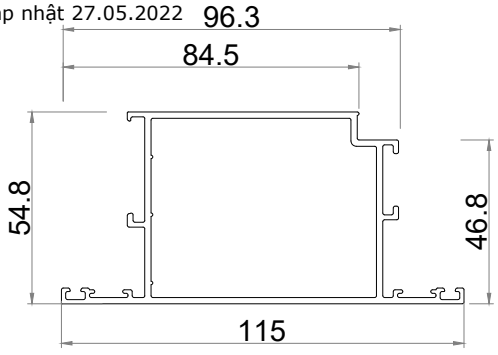
Cập nhật 27.05.2022



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-3332C	1.8	1.563 kg/m	02

Cánh lớn mở ra - không gân

Cập nhật 27.05.2022



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-3303C	1.8	1.563 kg/m	02

(*) Ghi chú:Độ dày cho phép dung sai ± 8% (nhôm hệ), Độ dày cho phép dung sai ± 10% (nhôm thông dụng)

NAM SUNG Aluminium Company Limited

Add : Lô N1-3, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hoà Hạ, H.Đức Hoà, Tỉnh Long An

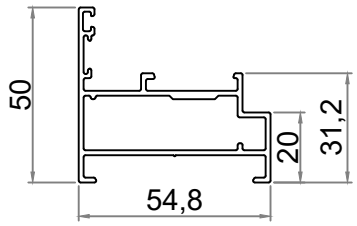
Tel : 0272 3777 815 - Fax : 0272 3768 967

Website : nhomnamsung.com.vn

NAMSUNG
ALUMINIUM CO.,LD

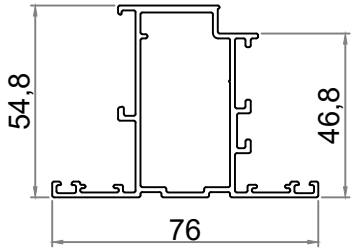
CỬA SỔ & VÁCH KÍNH HỆ NS-55 (DÀY)

Khung bao cửa sổ



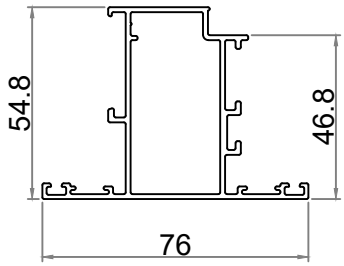
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-3318	1.4	0.849 kg/m	04

Thanh cánh - gân



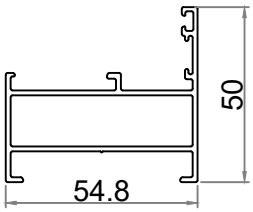
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-3202	1.4	1.092 kg/m	04

Thanh cánh - không gân



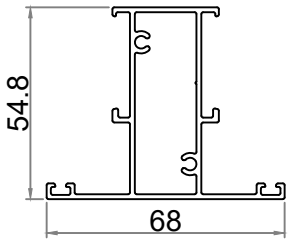
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-3202A	1.4	1.034 kg/m	04

Khung cố định



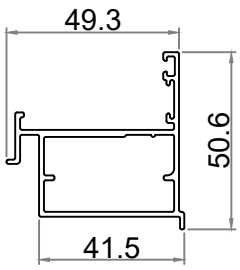
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-3209	1.4	0.804 kg/m	04

Đố chữ T - 2 lỗ vít



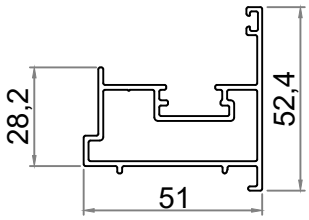
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-3203	1.4	0.953 kg/m	03

Thanh đảo chiều



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-3208	1.4	0.763 kg/m	04

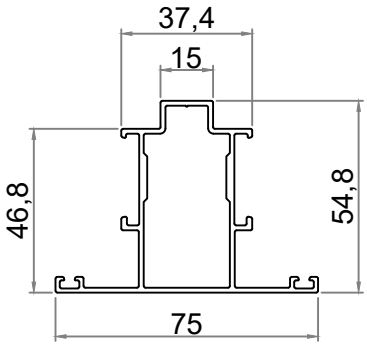
Đố động cửa sổ



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-3033	1.4	0.829 kg/m	04

Đố giữa

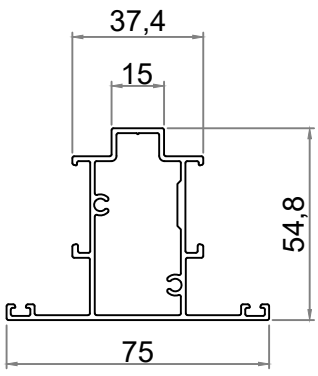
cập nhật 07.10.2021



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-3313	1.4	0.990 kg/m	04

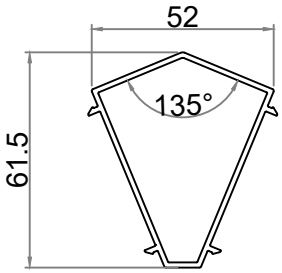
Đố giữa

cập nhật 07.10.2021



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-3313B	1.4	1.016 kg/m	04

Thanh nối góc 135°



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-C910	1.5	0.747 kg/m	03

(*) Ghi chú:Độ dày cho phép dung sai ± 8% (nhôm hệ), Độ dày cho phép dung sai ± 10% (nhôm thông dụng)

NAM SUNG Aluminium Company Limited

Add : Lô N1-3, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hoà Hạ, H.Đức Hoà, Tỉnh Long An

Tel : 0272 3777 815 - Fax : 0272 3768 967

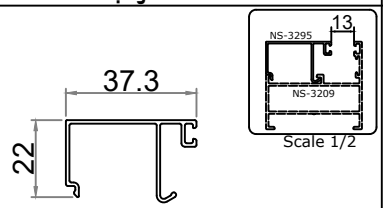
Website : nhomnamsung.com.vn

NAMSUNG
ALUMINIUM CO.,LD

NẸP KÍNH HỆ NS-55 & NAN TRANG TRÍ

Nẹp kính vuông

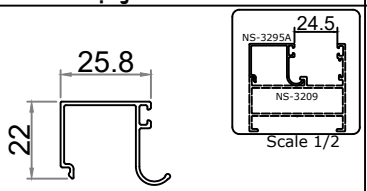
*Ghi chú : Sử dụng kính < 12 mm



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-3295	1.0	0.271 kg/m	12
NS-X3295	0.9	0.250 kg/m	12

Nẹp kính hộp

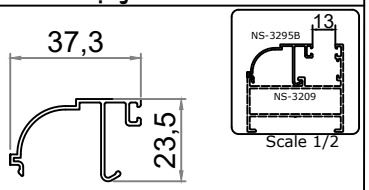
*Ghi chú : Sử dụng kính < 23 mm



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-3295A	1.0	0.233 kg/m	12

Nẹp kính bầu

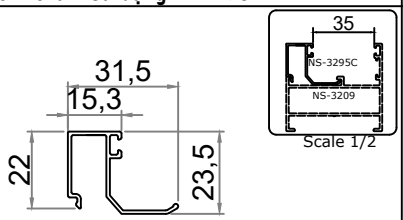
*Ghi chú : Sử dụng kính < 12 mm



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-3295B	1.0	0.256 kg/m	12

Nẹp kính hộp

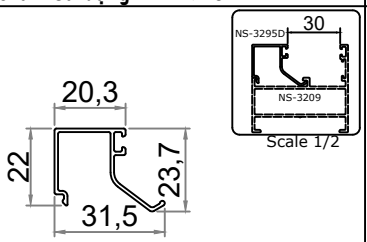
*Ghi chú : Sử dụng kính < 34 mm



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-3295C	1.0	0.229 kg/m	12

Nẹp kính hộp

*Ghi chú : Sử dụng kính < 29 mm

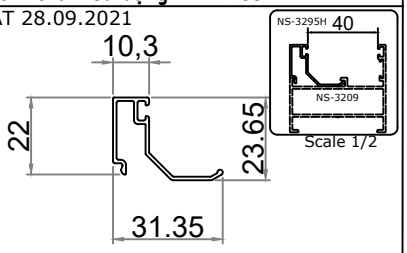


Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-3295D	1.0	0.221 kg/m	12

Nẹp kính hộp

*Ghi chú : Sử dụng kính < 39 mm

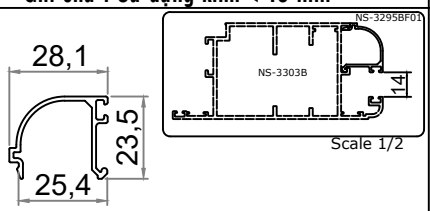
CẬP NHẬT 28.09.2021



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-3295H	1.0	0.217 kg/m	12

Nẹp kính

*Ghi chú : Sử dụng kính < 13 mm

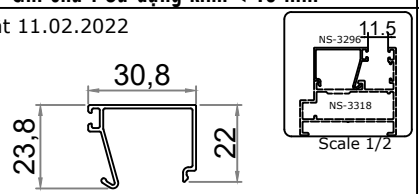


Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-3295BF01	1.2	0.257 kg/m	12

Nẹp kính

*Ghi chú : Sử dụng kính < 10 mm

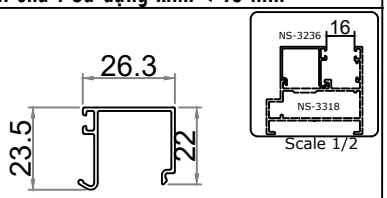
Cập nhật 11.02.2022



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-3296	1.0	0.237 kg/m	12

Nẹp kính

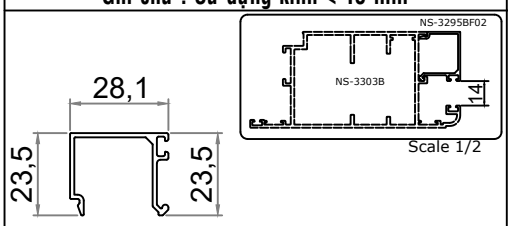
*Ghi chú : Sử dụng kính < 15 mm



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-3236	1.0	0.224 kg/m	12

Nẹp kính

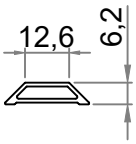
*Ghi chú : Sử dụng kính < 13 mm



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-3295BF02	1.2	0.276 kg/m	12

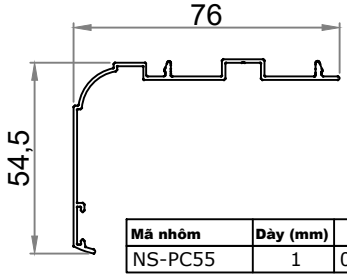
Nan trang trí

Lưu ý: Dùng cho tất cả hệ cửa- Nan gắn trực tiếp trên kính



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-B507	1.1	0.148 kg/m	20

Phào chỉ



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-PC55	1	0.435 kg/m	08

(*) Ghi chú:Độ dày cho phép dung sai ± 8% (nhôm hệ), Độ dày cho phép dung sai ± 10% (nhôm thông dụng)

NAM SUNG Aluminium Company Limited

Add : Lô N1-3, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hoà Hạ, H.Đức Hoà, Tỉnh Long An

Tel : 0272 3777 815 - Fax : 0272 3768 967

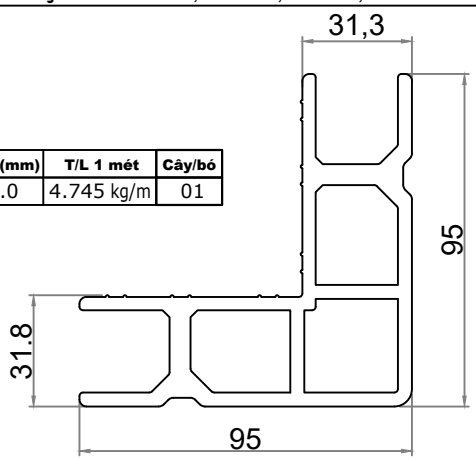
Website : nhomnamsung.com.vn

NAMSUNG
ALUMINIUM CO.,LD

PÁT LIÊN KẾT & KE ÉP GÓC HỆ NS-55

Ke góc cửa đi

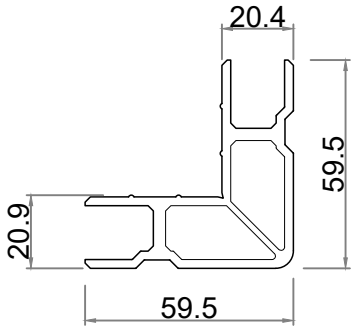
*Ghi chú : Dùng liên kết NS-3303 , NS-3303A, NS-3332 , NS-3332A



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-F347	4.0	4.745 kg/m	01

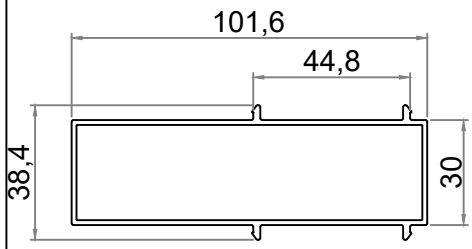
Ke góc

*Ghi chú : Sử dụng cho NS-3208



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-C1757	2.5-3.5	1.719 kg/m	02

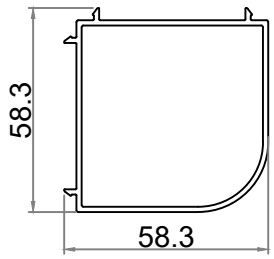
Nối khung - nổi



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-3310	1.4	1.061 kg/m	02

Nối khung - 90°

Cập nhật 05.01.2018

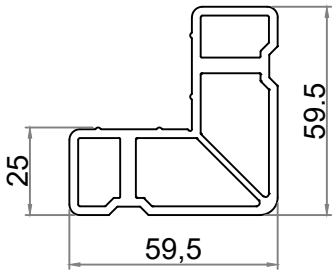


Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-3326	1.5	0.903 kg/m	04

Ke ép góc cánh cửa sổ

*Ghi chú : Dùng liên kết NS-3202, NS-3202A

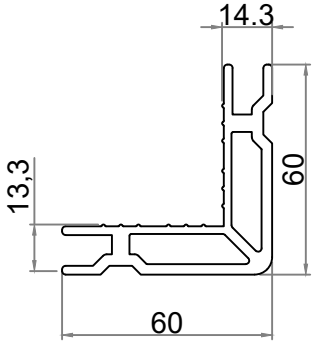
Cập nhật 18.04.2022



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-C1697	2.5	2.187 kg/m	02

Ke ép góc khung bao cửa sổ

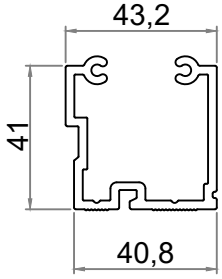
*Ghi chú : Dùng liên kết NS-3318 , NS-3209



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-C1687	3.0	1.831 kg/m	02

Đố liên kết khung bao

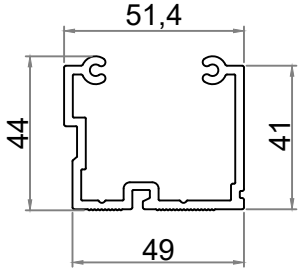
*Ghi chú : Dùng liên kết NS-3328 với NS-3313



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-3317	2.5	1.135 kg/m	02

Đố liên kết cánh

*Ghi chú : Dùng liên kết NS-3303 với NS-3204



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-3207	2.5	1.197 kg/m	02

(*) Ghi chú:Độ dày cho phép dung sai ± 8% (nhôm hệ), Độ dày cho phép dung sai ± 10% (nhôm thông dụng)

NAM SUNG Aluminium Company Limited

Add : Lô N1-3, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hoà Hạ, H.Đức Hoà, Tỉnh Long An

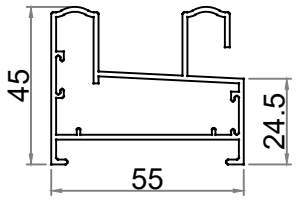
Tel : 0272 3777 815 - Fax : 0272 3768 967

Website : nhomnamsung.com.vn

NAMSUNG
ALUMINIUM CO.,LD

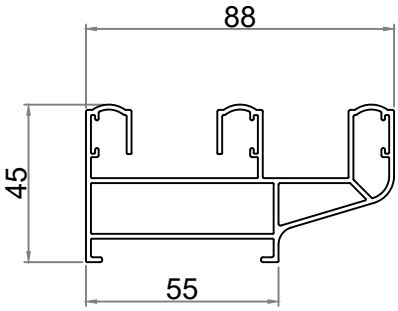
CỬA SỔ LÙA HỆ NS-55 CŨ

Khung bao



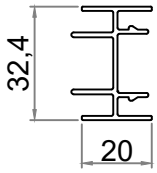
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-5501	1.4	0.947 kg/m	04

Khung bao - 3 ray



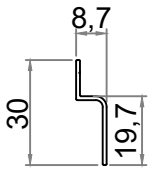
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-5501A	1.4	1.422 kg/m	02

Nắp gài khóa cửa 4 cánh



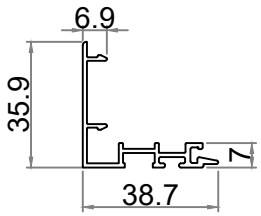
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-5504	1.2	0.384 kg/m	08

Thanh chắn nước



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-5505	1.1	0.108 kg/m	30

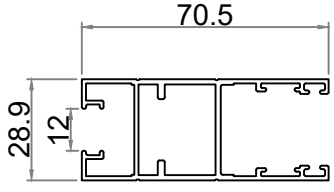
Thanh móc cánh



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-5503	1.2	0.371 kg/m	12

Khung cánh

*Ghi chú : Dùng ke magic



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-5502	1.2-1.5	0.906 kg/m	04

(*) Ghi chú:Độ dày cho phép dung sai ± 8% (nhôm hệ), Độ dày cho phép dung sai ± 10% (nhôm thông dụng)

NAM SUNG Aluminium Company Limited

Add : Lô N1-3, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hoà Hạ, H.Đức Hoà, Tỉnh Long An

Tel : 0272 3777 815 - Fax : 0272 3768 967

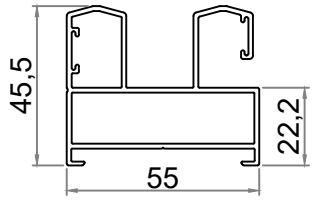
Website : nhomnamsung.com.vn

NAMSUNG
ALUMINIUM CO.,LD

CỬA SỔ LÙA HỆ NS-55 CẢI TIẾN

Khung bao dày - 2 ray

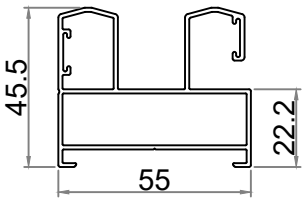
Cập nhật 06.09.2021



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-5501CT	1.4	1.013 kg/m	04

Khung bao mỏng - 2 ray

Cập nhật 22.03.2022

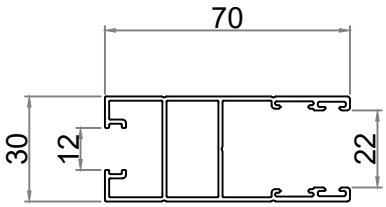


Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-X5501CT	1.2	0.903 kg/m	04

Khung cánh mỏng

*Ghi chú : Dùng ke magic

Cập nhật 22.03.2022

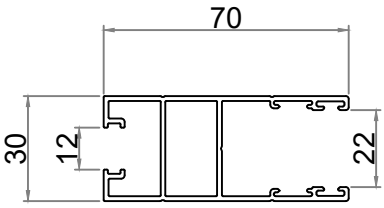


Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-X5502CT	1.2	0.829 kg/m	04

Khung cánh

*Ghi chú : Dùng ke magic

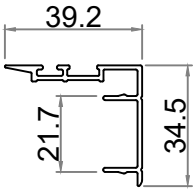
Cập nhật 06.09.2021



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-5502CT	1.4	0.909 kg/m	04

Thanh móc cánh

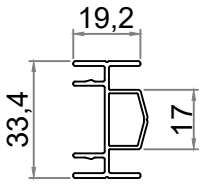
Cập nhật 27.09.2022



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-5503CTA	1.2-1.3	0.363 kg/m	12

Nắp gài khóa cửa 4 cánh

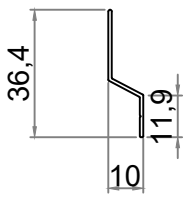
Cập nhật 22.09.2021



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-5504CT	1.2-1.4	0.400 kg/m	08

Thanh chắn nước

Cập nhật 06.09.2021



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-5505CT	1.0	0.112 kg/m	30

(*) Ghi chú:Độ dày cho phép dung sai ± 8% (nhôm hệ), Độ dày cho phép dung sai ± 10% (nhôm thông dụng)

NAM SUNG Aluminium Company Limited

Add : Lô N1-3, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hoà Hạ, H.Đức Hoà, Tỉnh Long An

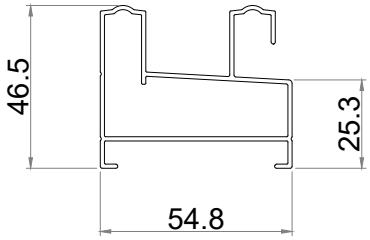
Tel : 0272 3777 815 - Fax : 0272 3768 967

Website : nhomnamsung.com.vn

NAMSUNG
ALUMINIUM CO.,LD

CỬA SỔ LÙA HỆ NS-TC55

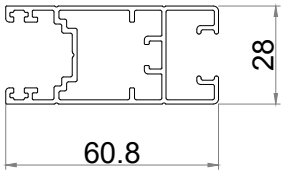
Khung bao dày - 2 ray



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-23151	1.2	0.786 kg/m	04

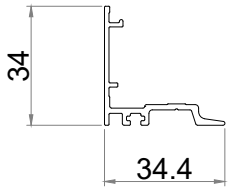
Khung cánh mỏng

*Ghi chú : Dùng ke magic



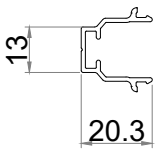
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-23156	1.2	0.843 kg/m	04

Thanh móc cánh



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-23157	1.2	0.339 kg/m	10

Nắp gài khóa cửa 4 cánh



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-23158	1.2	0.212 kg/m	12

(*) Ghi chú:Độ dày cho phép dung sai ± 8% (nhôm hệ), Độ dày cho phép dung sai ± 10% (nhôm thông dụng)

NAM SUNG Aluminium Company Limited

Add : Lô N1-3, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hoà Hạ, H.Đức Hoà, Tỉnh Long An

Tel : 0272 3777 815 - Fax : 0272 3768 967

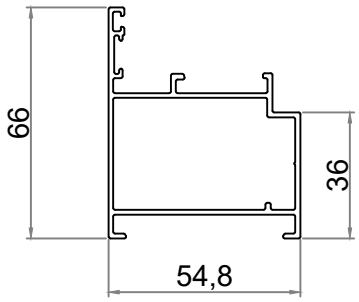
Website : nhomnamsung.com.vn

NAMSUNG
ALUMINIUM CO.,LD

CỬA HỆ NS-55 (MỎNG)

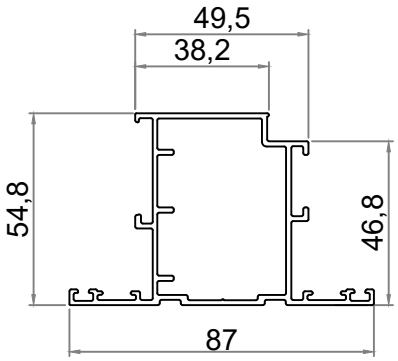
Khung bao cửa đi

Cập nhật 03.01.2023



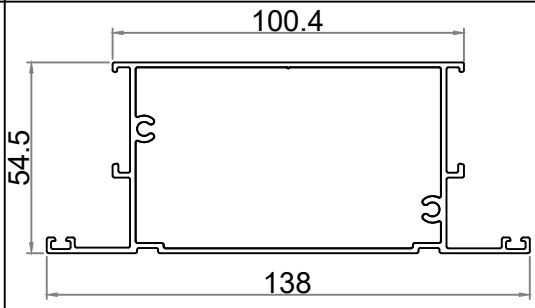
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-X3328	1.3-1.4	0.929 kg/m	04

Cánh mở ra - gân



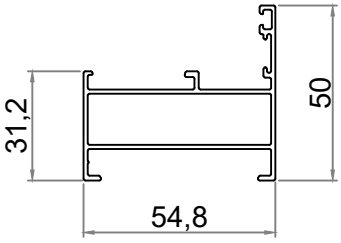
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-X3303	1.3-1.5	1.156 kg/m	03

Ngang cánh dưới - gân



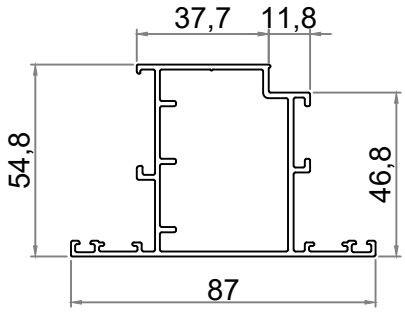
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-X3304	1.4-1.6	1.603 kg/m	02

Khung cố định



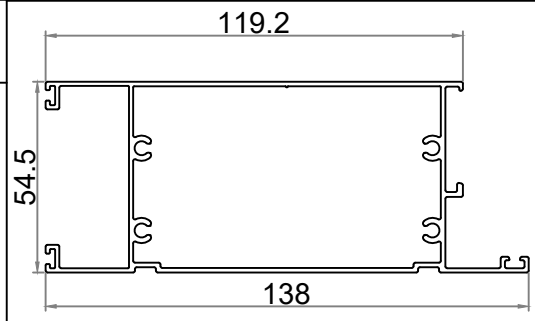
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-X3209	1.2	0.707 kg/m	04

Cánh mở ra - không gân



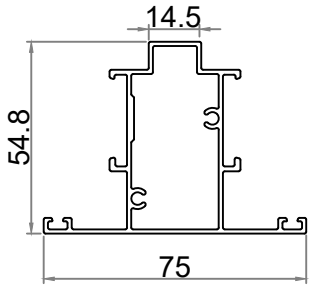
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-X3303A	1.4-1.6	1.154 kg/m	03

Ngang cánh dưới - gân



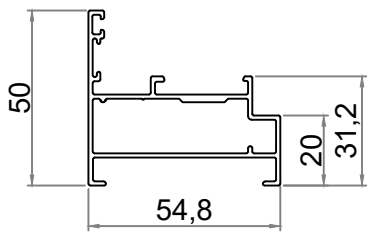
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-X3304B	1.2-1.3	1.644 kg/m	02

Đố giữa



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-X3313B	1.2	0.924 kg/m	04

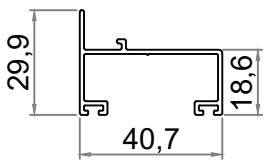
Khung bao cửa sổ



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-X3318	1.2	0.748 kg/m	04

Nẹp dưới ngang cánh 45°

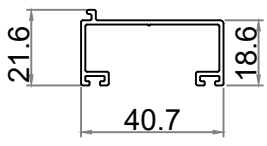
*Ghi chú : Dùng NS-3332; NS-3332A; NS-3303; NS-3303A



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-X3329A	1.2	0.371 kg/m	10

Nẹp dưới ngang cánh 90°

*Ghi chú : Dùng NS-3304; NS-3304A



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-X3329	1.2	0.335 kg/m	10

(*) Ghi chú:Độ dày cho phép dung sai ± 8% (nhôm hệ), Độ dày cho phép dung sai ± 10% (nhôm thông dụng)

NAM SUNG Aluminium Company Limited

Add : Lô N1-3, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hoà Hạ, H.Đức Hoà, Tỉnh Long An

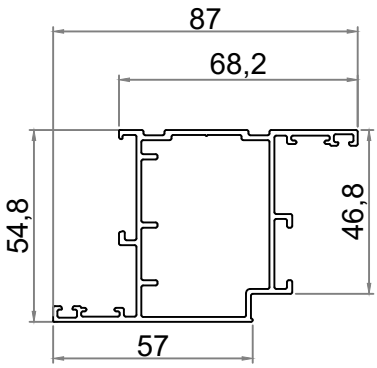
Tel : 0272 3777 815 - Fax : 0272 3768 967

Website : nhomnamsung.com.vn

NAMSUNG
ALUMINIUM CO.,LD

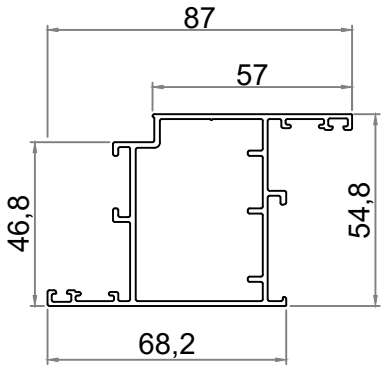
CỬA HỆ NS-55 (MỎNG)

Cánh mở quay vào trong



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-X3332	1.3-1.4	1.154 kg/m	03

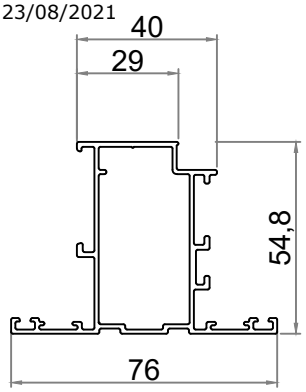
Cánh mở quay vào trong trơn



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-X3332A	1.4-1.6	1.152 kg/m	03

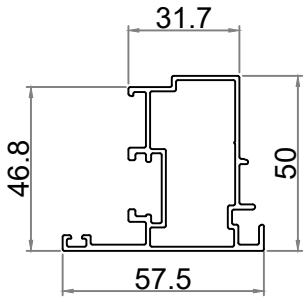
Cánh có gờ

Cập nhật 23/08/2021



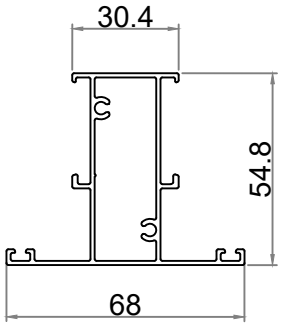
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-X3202	1.2	0.959 kg/m	04

Đố động dùng chung



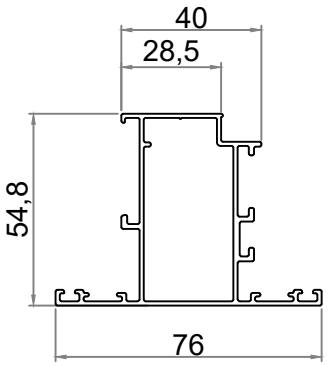
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-X3323A	1.2	0.849 kg/m	04

Đố chữ T cho k. cố định



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-X3203	1.2	0.853 kg/m	03

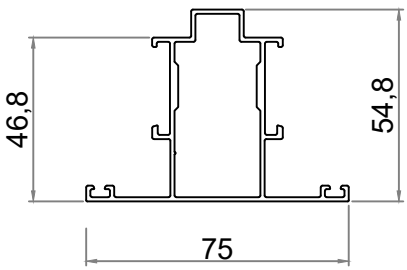
Cánh - ko gờ



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-X3202A	1.2	0.933 kg/m	04

Đố giữa khung bao

Cập nhật 07.10.2021



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-X3313	1.2	0.918 kg/m	04

(*) Ghi chú:Độ dày cho phép dung sai ± 8% (nhôm hệ), Độ dày cho phép dung sai ± 10% (nhôm thông dụng)

NAM SUNG Aluminium Company Limited

Add : Lô N1-3, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hoà Hạ, H.Đức Hoà, Tỉnh Long An

Tel : 0272 3777 815 - Fax : 0272 3768 967

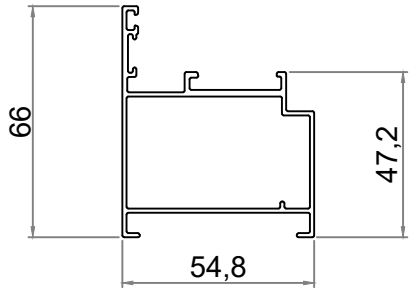
Website : nhomnamsung.com.vn

NAMSUNG
ALUMINIUM CO.,LD

CỬA HỆ NS-55 (MỎNG 1.2 MM)

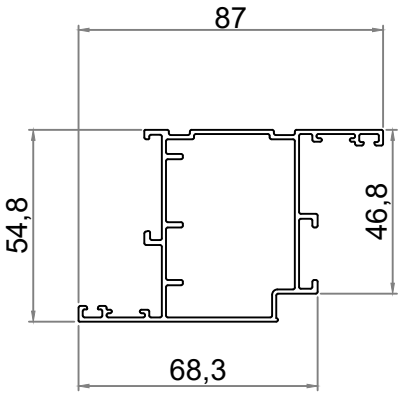
Khung bao cửa đi

Cập nhật 23.2.2022



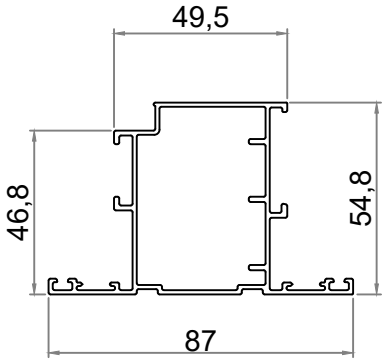
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-SS3328	1.2	0.889 kg/m	04

Cánh mở quay vào trong



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-SS3332	1.2	1.025 kg/m	03

Cánh mở ra - gân



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-SS3303	1.2	1.025 kg/m	03

(*) Ghi chú:Độ dày cho phép dung sai ± 8% (nhôm hệ), Độ dày cho phép dung sai ± 10% (nhôm thông dụng)

NAM SUNG Aluminium Company Limited

Add : Lô N1-3, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hoà Hạ, H.Đức Hoà, Tỉnh Long An

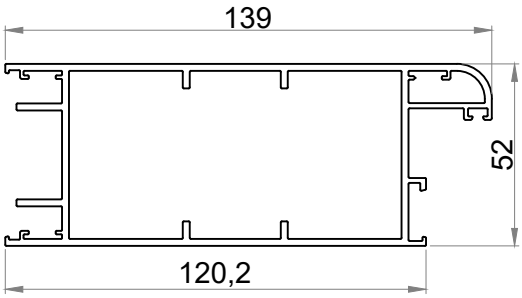
Tel : 0272 3777 815 - Fax : 0272 3768 967

Website : nhomnamsung.com.vn

NAMSUNG
ALUMINIUM CO.,LD

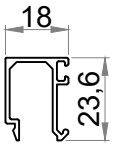
CỬA BẢN LỀ SÀN BẢN LỚN

Thanh cánh dựng



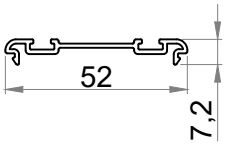
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-FL01	2.0	2.397 kg/m	01

Nẹp



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-FL02	1.2	0.249 kg/m	12

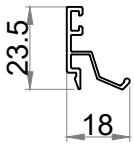
Nắp chụp



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-FL03	1.2	0.271 kg/m	10

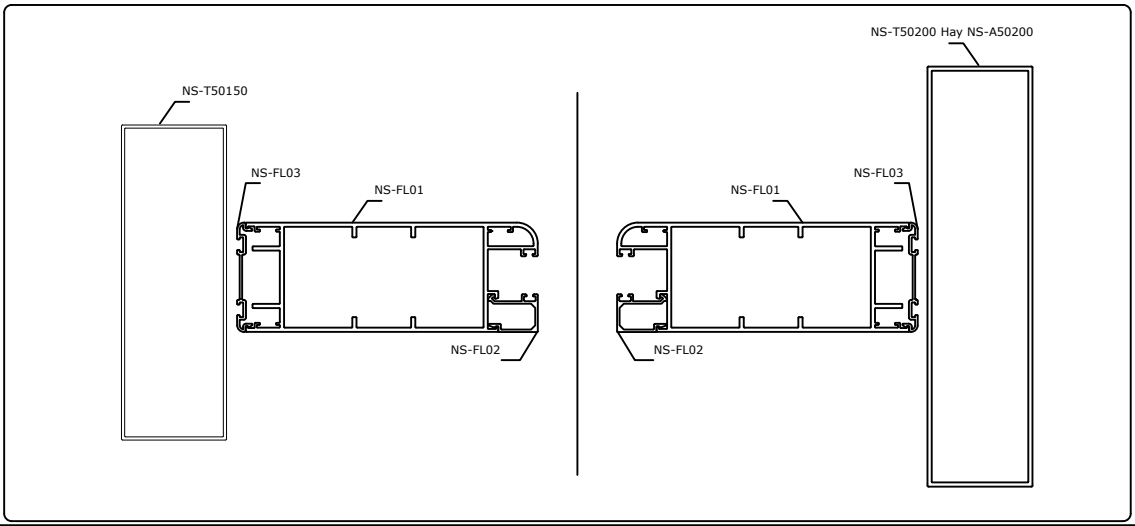
Nẹp

Cập nhật 10.09.2022



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-FL02A	1.2	0.167 kg/m	12

Ghi chú : Cửa bản lề sàn có thể dùng Khung bao hộp NS-A50200, NS-T50200, NS-T50150



(*) Ghi chú:Độ dày cho phép dung sai ± 8% (nhôm hệ), Độ dày cho phép dung sai ± 10% (nhôm thông dụng)

NAM SUNG Aluminium Company Limited

Add : Lô N1-3, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hoà Hạ, H.Đức Hoà, Tỉnh Long An

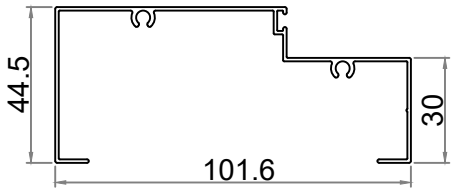
Tel : 0272 3777 815 - Fax : 0272 3768 967

Website : nhomnamsung.com.vn

NAMSUNG
ALUMINIUM CO.,LD

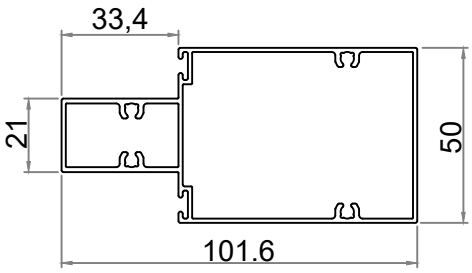
CỬA ĐI HỆ NS-1000

Khung bao



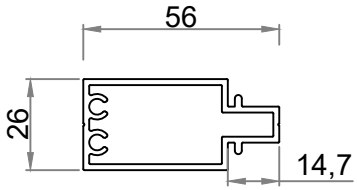
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-K141	1.0	0.645 kg/m	04
NS-T141	1.1	0.708 kg/m	04
NS-A141	1.4	0.868 kg/m	04

Trung gian



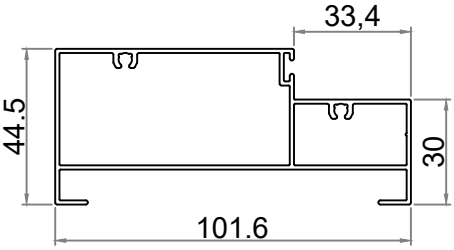
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T1071	1.2	1.269 kg/m	02

Pát liên kết



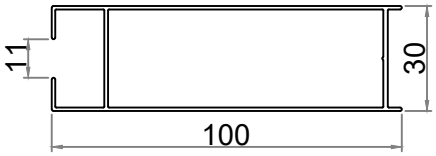
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T7646	1.7	0.844 kg/m	05

Khung bao



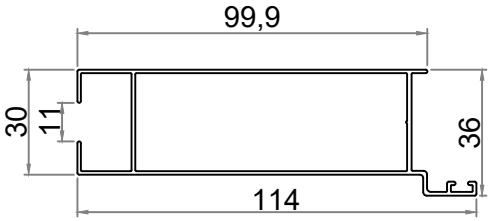
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T1070	1.2	1.145 kg/m	02

Đứng cánh bản lề



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T7052A	1.1	0.841 kg/m	04
NS-A7052A	1.4	1.054 kg/m	04

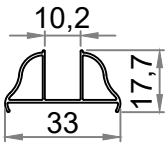
Đứng cánh khóa



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T7053A	1.1	0.932 kg/m	04
NS-A7053A	1.4	1.170 kg/m	04

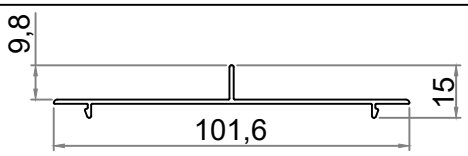
Nẹp kính

*Ghi chú : Sử dụng kính < 9 mm



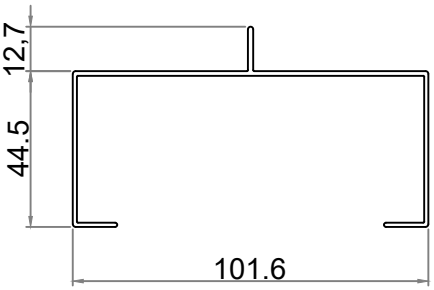
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T146	0.8	0.205 kg/m	10

Nẹp gài khung cố định



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-HTC38	1.2	0.388 kg/m	10

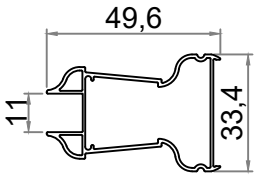
Thanh chữ C - 1 gờ



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T1009	1.2	0.776 kg/m	04

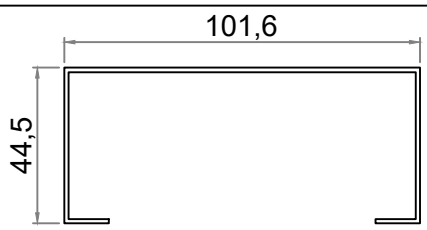
Nẹp trang trí nhỏ

*Ghi chú : Sử dụng kính < 10 mm



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T144	1.0	0.477 kg/m	06

Thanh chữ C



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T1010	1.2	0.727 kg/m	04

(*) Ghi chú:Độ dày cho phép dung sai ± 8% (nhôm hệ), Độ dày cho phép dung sai ± 10% (nhôm thông dụng)

NAM SUNG Aluminium Company Limited

Add : Lô N1-3, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hoà Hạ, H.Đức Hoà, Tỉnh Long An

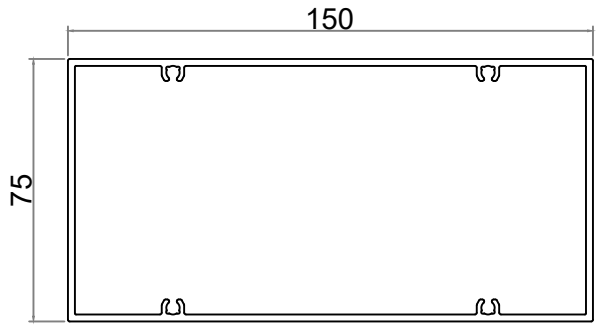
Tel : 0272 3777 815 - Fax : 0272 3768 967

Website : nhomnamsung.com.vn

NAMSUNG
ALUMINIUM CO.,LD

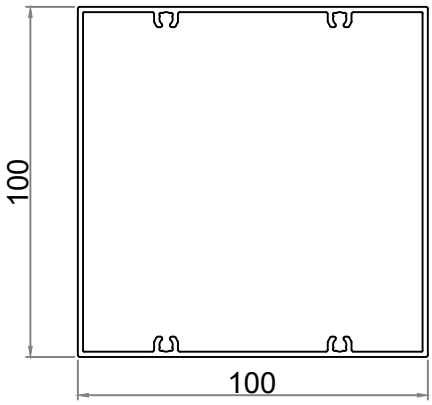
VÁCH NGĂN - CỬA LÙA 1000

Hộp - 4 lỗ vít



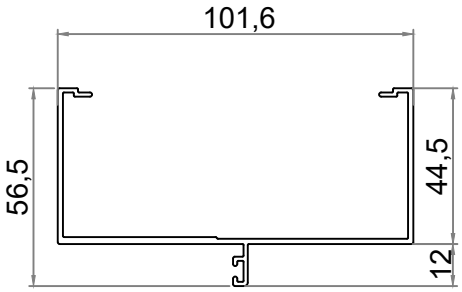
Stt.	Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
164	NS-HTC104	2.0	2.533 kg/m	01

Hộp vuông - 4 lỗ vít



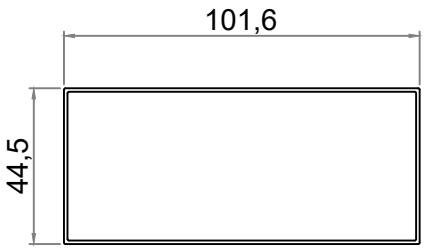
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-A1116	1.5	1.758 kg/m	01

Khung bao



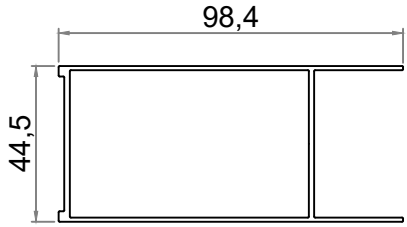
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-A1113	1.5	0.950 kg/m	04

Hình hộp



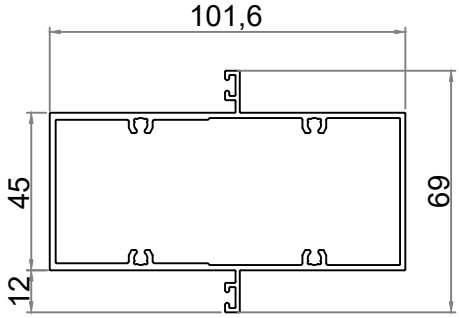
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T131	2.5	1.911 kg/m	02
NS-A1003	1.5	1.162 kg/m	02
NS-T1003	1.2	0.934 kg/m	02
NS-S1003	1.0	0.781 kg/m	02

Ngang cánh dưới



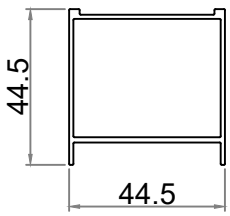
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T1054	1.2	1.009 kg/m	02

Đố trung gian



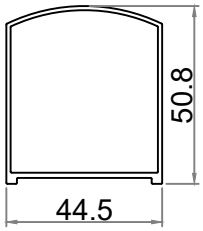
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-A1115A	1.5	1.583 kg/m	02

Ngang trên



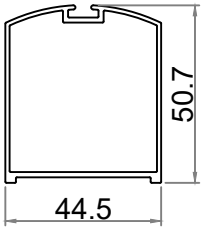
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T1051	1.2	0.613 kg/m	04

Đứng cánh trơn



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T1052	1.2	0.627 kg/m	04

Đứng cánh lông nheo



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T1053	1.2	0.673 kg/m	04

(*) Ghi chú:Độ dày cho phép dung sai ± 8% (nhôm hệ), Độ dày cho phép dung sai ± 10% (nhôm thông dụng)

NAM SUNG Aluminium Company Limited

Add : Lô N1-3, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hoà Hạ, H.Đức Hoà, Tỉnh Long An

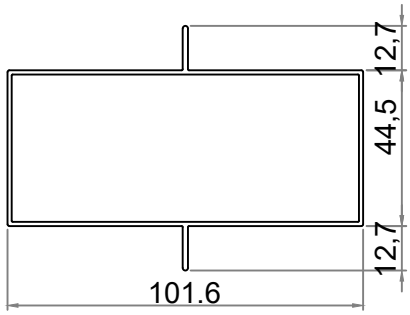
Tel : 0272 3777 815 - Fax : 0272 3768 967

Website : nhomnamsung.com.vn

NAMSUNG
ALUMINIUM CO.,LD

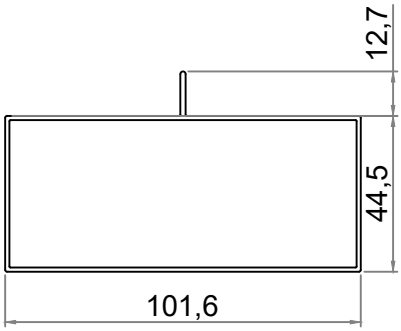
VÁCH NGĂN - CỬA LÙA 1000

Hộp - 2 gờ



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T1001	1.2	1.036 kg/m	02

Hộp - 1 gờ



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T1002	1.2	0.985 kg/m	02

(*) Ghi chú:Độ dày cho phép dung sai ± 8% (nhôm hệ), Độ dày cho phép dung sai ± 10% (nhôm thông dụng)

NAM SUNG Aluminium Company Limited

Add : Lô N1-3, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hoà Hạ, H.Đức Hoà, Tỉnh Long An

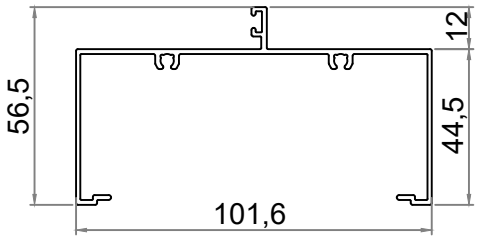
Tel : 0272 3777 815 - Fax : 0272 3768 967

Website : nhomnamsung.com.vn

NAMSUNG
ALUMINIUM CO.,LD

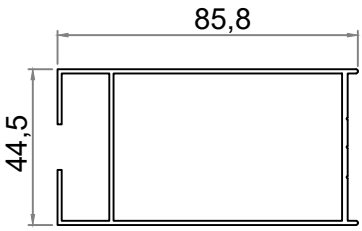
CỬA ĐI HỆ NS-1045

Khung bao



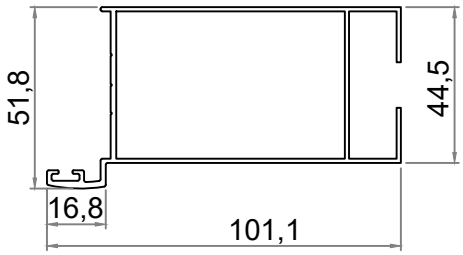
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-4501	1.2	0.889 kg/m	02

Đứng cánh bản lề



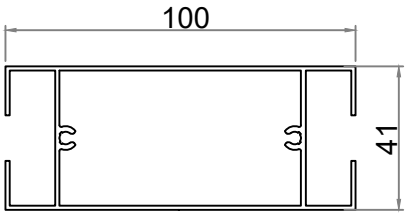
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-4504	1.2	0.97 kg/m	02

Đứng cánh khóa



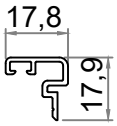
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-4504A	1.2	1.105 kg/m	02

Ngang cánh trung gian



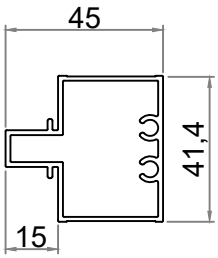
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-4503	1.2	1.17 kg/m	02

Nẹp cánh khóa



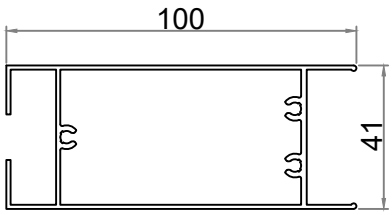
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-4505	1.2	0.177 kg/m	20

Pát chia ô



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-PAT1045	1.4	0.722 kg/m	06

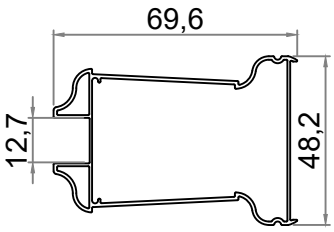
Ngang cánh trên / dưới



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-4502	1.2	1.146 kg/m	02

Nẹp kính trang trí

*Ghi chú : Sử dụng kính < 12 mm



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-4506	1.0	0.682 kg/m	04

(*) Ghi chú:Độ dày cho phép dung sai ± 8% (nhôm hệ), Độ dày cho phép dung sai ± 10% (nhôm thông dụng)

NAM SUNG Aluminium Company Limited

Add : Lô N1-3, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hoà Hạ, H.Đức Hoà, Tỉnh Long An

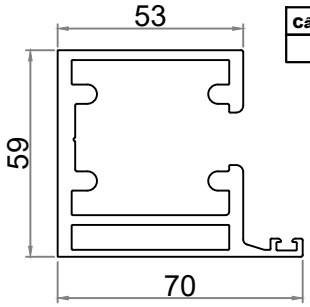
Tel : 0272 3777 815 - Fax : 0272 3768 967

Website : nhomnamsung.com.vn

NAMSUNG
ALUMINIUM CO.,LD

CỬA XẾP LÙA HỆ NS-60

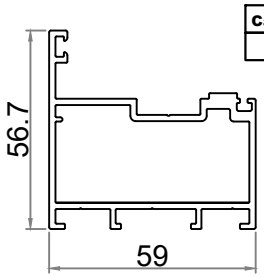
Ray treo bánh xe xếp lùa



Cây/bó: 01

Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét
NS-1411	2.8	2.580 kg/m

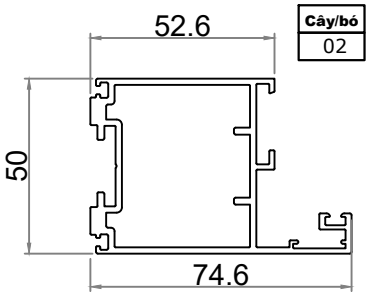
Đứng khung bao



Cây/bó: 02

Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét
NS-1412	1.8	1.250 kg/m

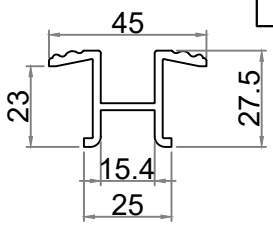
Khung cánh



Cây/bó: 02

Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét
NS-1415	1.8	1.459 kg/m

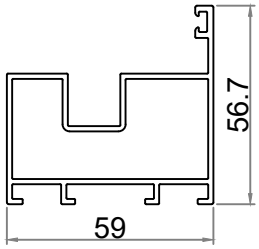
Máng chìm



Cây/bó: 06

Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét
NS-1413A	2.3	0.635 kg/m

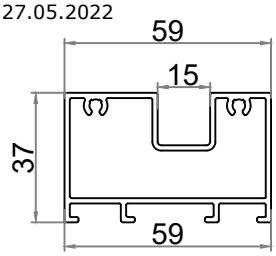
Máng nổi



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-1413	1.5	1.090 kg/m	02

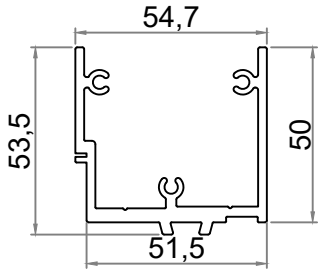
Máng chìm

Cập nhật 27.05.2022



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-1413B	1.5	1.048 kg/m	02

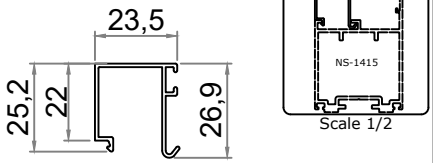
Pát liên kết khung bao



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-608	2.5	1.487 kg/m	02

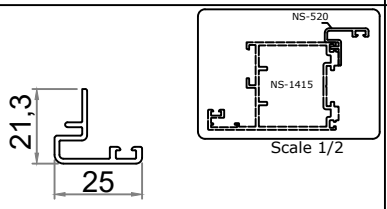
Nẹp kính

*Ghi chú : Sử dụng kính < 14 mm



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-521A	1.0	0.239 kg/m	12

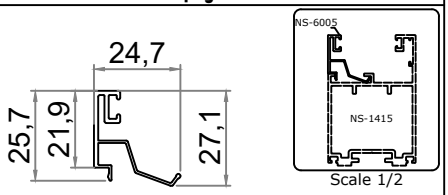
Nẹp cánh khóa



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-520	1.4	0.249 kg/m	12

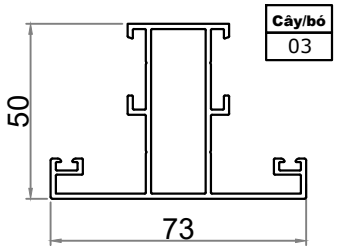
Nẹp kính hộp

*Ghi chú : Sử dụng kính < 30 mm



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-6005	1.2	0.211 kg/m	12

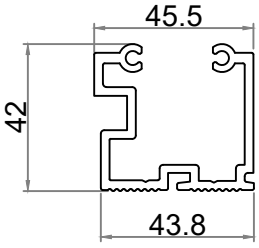
Ngang giữa



Cây/bó: 03

Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét
NS-1416	1.5	1.063 kg/m

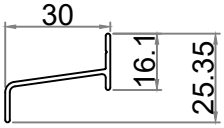
Pát liên kết



Cây/bó: 02

Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét
NS-1416B	2.5	1.230 kg/m

Ốp che mưa

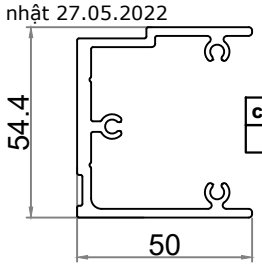


Cây/bó: 20

Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét
NS-F519	1.3	0.209 kg/m

Pát liên kết ray

Cập nhật 27.05.2022



Cây/bó: 02

Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét
NS-609	2.5-4.0	1.382 kg/m

(*) Ghi chú:Độ dày cho phép dung sai ± 8% (nhôm hệ), Độ dày cho phép dung sai ± 10% (nhôm thông dụng)

NAM SUNG Aluminium Company Limited

Add : Lô N1-3, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hoà Hạ, H.Đức Hoà, Tỉnh Long An

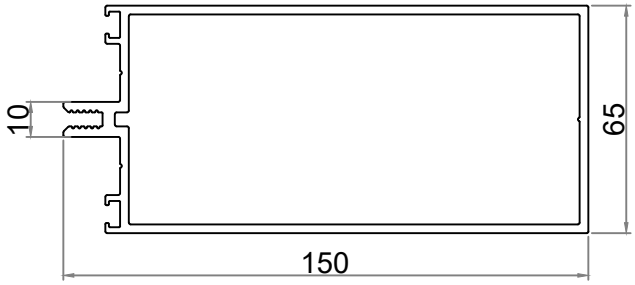
Tel : 0272 3777 815 - Fax : 0272 3768 967

Website : nhomnamsung.com.vn

NAMSUNG
ALUMINIUM CO.,LD

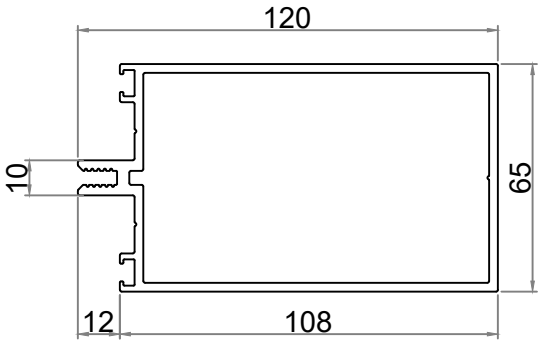
MẶT DỰNG NS-65

Thanh đứng



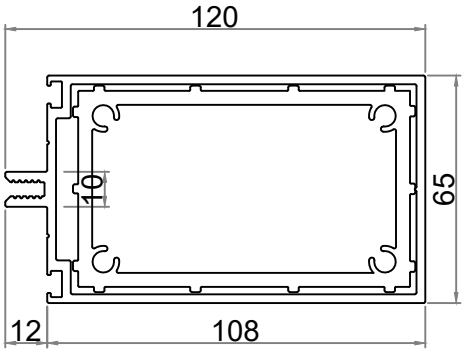
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-6509	2.5	2.973 kg/m	01

Thanh đứng chính



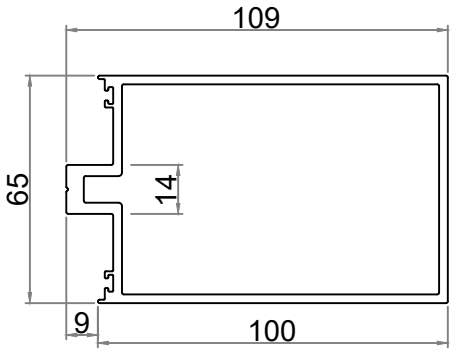
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-6501	2.5	2.561 kg/m	01

Thanh đứng chính



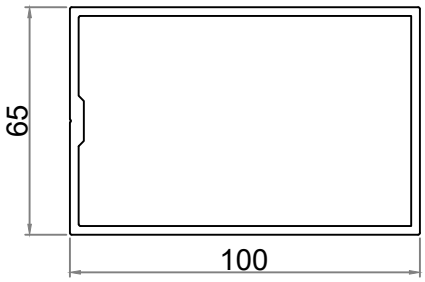
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-6501A	2.5	2.526 kg/m	01

Thanh mặt dựng - kính nổi



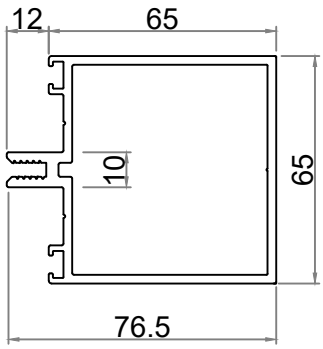
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-GK491	2.5	2.467 kg/m	01

Trụ đở lam tránh nắng



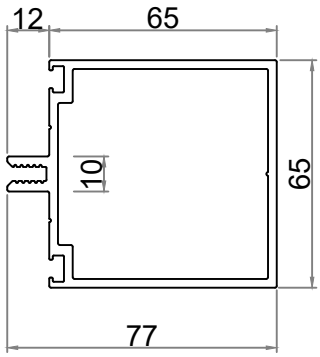
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-6508	2.5	2.219 kg/m	01

Thanh đứng



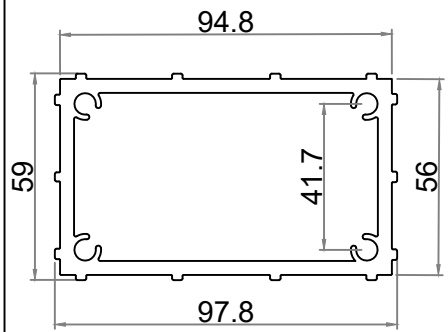
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-6502	2.5	1.986 kg/m	01

Thanh đứng



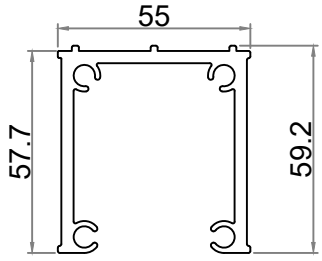
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-6502A	2.5	1.943 kg/m	01

Pát liên kết Thanh đứng NS-6501, 6501A



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-6501N	4.0	3.453 kg/m	01

Pát liên kết Thanh đứng NS-6502, 6502A



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-6503	3.5	1.813 kg/m	02

(*) Ghi chú:Độ dày cho phép dung sai ± 8% (nhôm hệ), Độ dày cho phép dung sai ± 10% (nhôm thông dụng)

NAM SUNG Aluminium Company Limited

Add : Lô N1-3, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hoà Hạ, H.Đức Hoà, Tỉnh Long An

Tel : 0272 3777 815 - Fax : 0272 3768 967

Website : nhomnamsung.com.vn

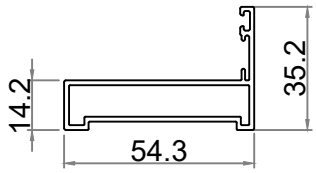
NAMSUNG
ALUMINIUM CO.,LD

MẶT DỰNG NS-65

Khung bao cửa bật - Nhôm nổi

*Ghi chú : Dùng hệ nhôm nổi (NS-6501, NS-6502)

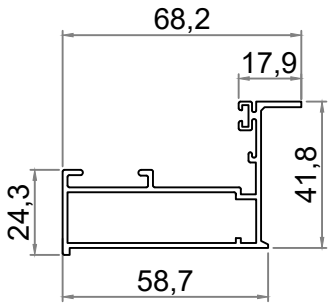
Cập nhật 18.4.2022



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-6504	1.4	0.628 kg/m	04

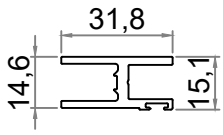
Khung cánh cửa bật - Nhôm nổi

*Ghi chú : Dùng hệ nhôm nổi (NS-6501, NS-6502)



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-6505	1.4	0.847 kg/m	04

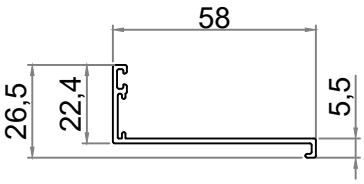
Đầu bịt kính hộp



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-6501NA	2.0	0.451 kg/m	08

Khung bao cửa bật - Kính nổi

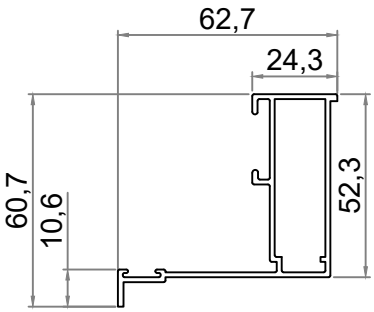
*Ghi chú : Dùng hệ kính nổi (NS-6501A, 6502A)



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-6504A	1.4	0.347 kg/m	08

Khung cánh cửa bật - Kính nổi

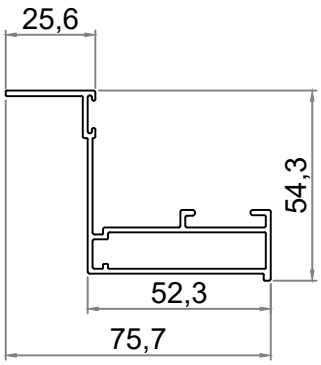
*Ghi chú : Dùng hệ kính nổi (NS-6501A, NS-6502A)



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-6505A	1.4	0.814 kg/m	04

Khung cánh cửa bật - Kính hộp

*Ghi chú : Dùng hệ kính nổi (NS-6501A, NS-6502A)



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-6505B	1.4	0.832 kg/m	04

(*) Ghi chú:Độ dày cho phép dung sai ± 8% (nhôm hệ), Độ dày cho phép dung sai ± 10% (nhôm thông dụng)

NAM SUNG Aluminium Company Limited

Add : Lô N1-3, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hoà Hạ, H.Đức Hoà, Tỉnh Long An

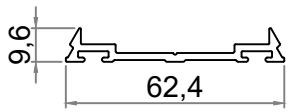
Tel : 0272 3777 815 - Fax : 0272 3768 967

Website : nhomnamsung.com.vn

NAMSUNG
ALUMINIUM CO.,LD

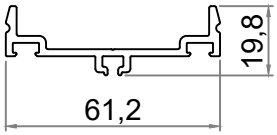
MẶT DỰNG NS-65

Pát gài mặt dựng Kính đơn



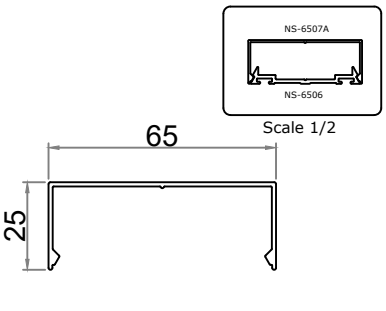
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-6506	2.0	0.471 kg/m	10

Pát gài mặt dựng Kính hộp



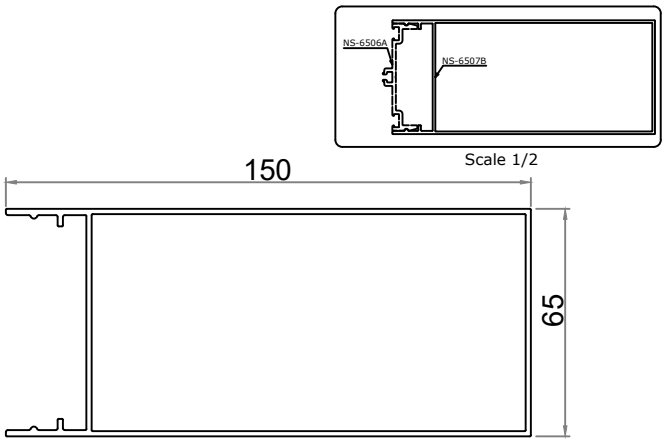
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-6506A	2.0	0.600 kg/m	06

Nắp chụp



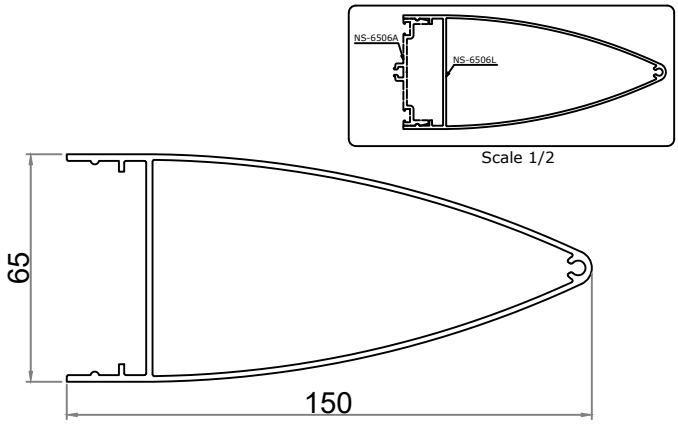
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-6507A	1.2	0.393 kg/m	10

Nắp chụp



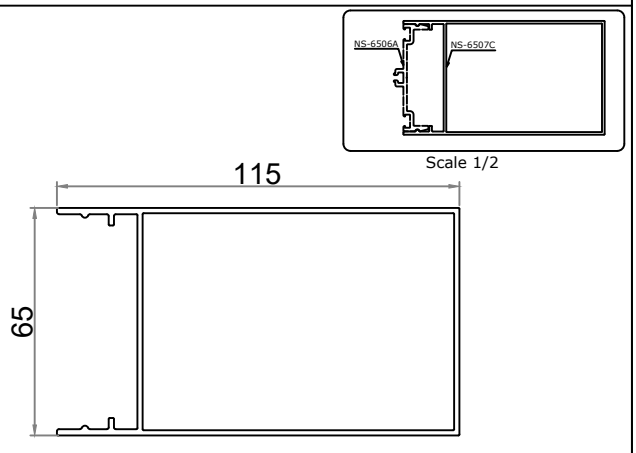
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-6507B	1.5	1.795 kg/m	01

Nắp chụp đầu đạn



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-6506L	2.0	1.754 kg/m	01

Nắp chụp



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-6507C	1.5	1.511 kg/m	01

(*) Ghi chú:Độ dày cho phép dung sai ± 8% (nhôm hệ), Độ dày cho phép dung sai ± 10% (nhôm thông dụng)

NAM SUNG Aluminium Company Limited

Add : Lô N1-3, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hoà Hạ, H.Đức Hoà, Tỉnh Long An

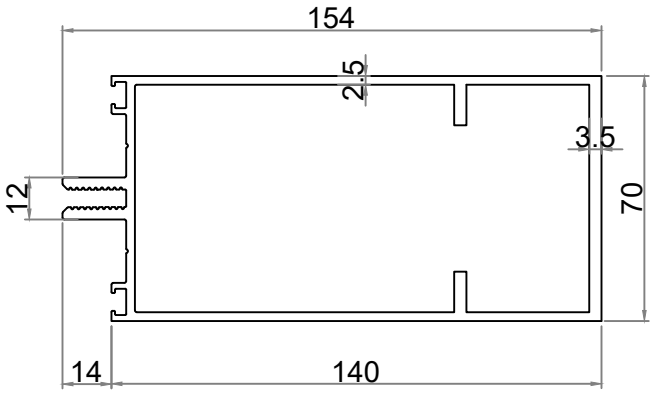
Tel : 0272 3777 815 - Fax : 0272 3768 967

Website : nhomnamsung.com.vn

NAMSUNG
ALUMINIUM CO.,LD

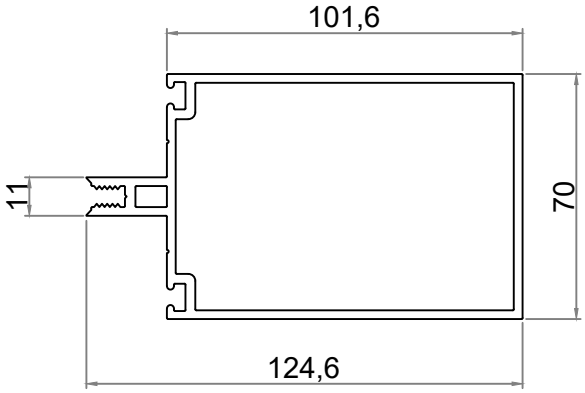
PÁT LIÊN KẾT - MẶT DỰNG 70

Thanh đứng mặt dựng



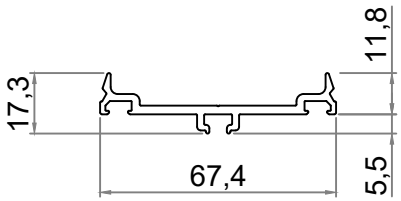
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-70140	2.5-3.5	3.527 kg/m	01

Thanh đứng mặt dựng



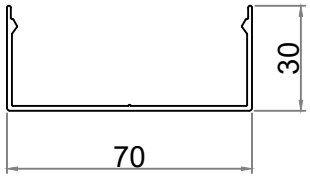
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-70100	2.5	2.742 kg/m	01

Pát kẹp kính



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-70142	2.0-2.5	0.622 kg/m	06

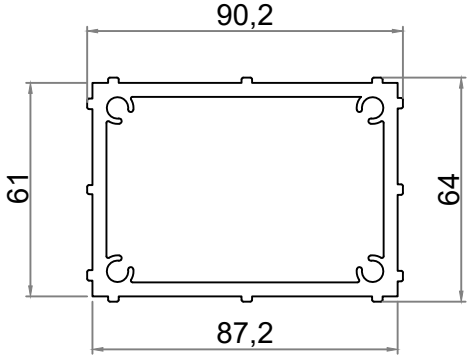
Nắp chụp



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-70143	1.4	0.495 kg/m	08

Pát liên kết

*Ghi chú : Dùng thanh NS-70140



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-70141	4.0	3.373 kg/m	01

(*) Ghi chú:Độ dày cho phép dung sai ± 8% (nhôm hệ), Độ dày cho phép dung sai ± 10% (nhôm thông dụng)

NAM SUNG Aluminium Company Limited

Add : Lô N1-3, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hoà Hạ, H.Đức Hoà, Tỉnh Long An

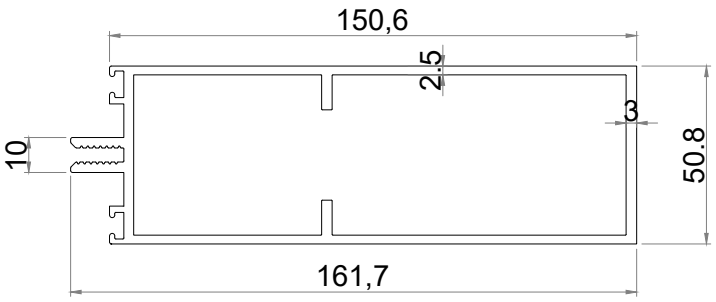
Tel : 0272 3777 815 - Fax : 0272 3768 967

Website : nhomnamsung.com.vn

NAMSUNG
ALUMINIUM CO.,LD

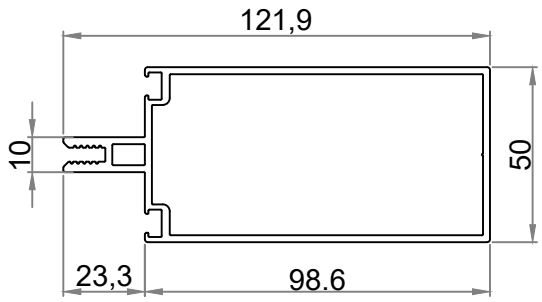
HỆ MẶT DỰNG NS-50 (NS-1600)

Thanh mặt dựng



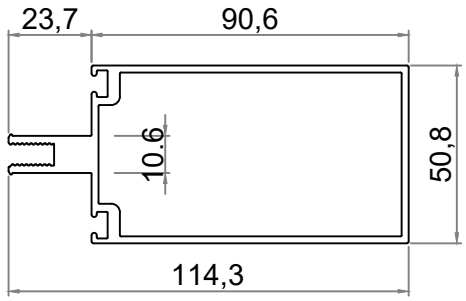
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T1601A	2.5	3.190 kg/m	01

Thanh mặt dựng - nhôm nổi



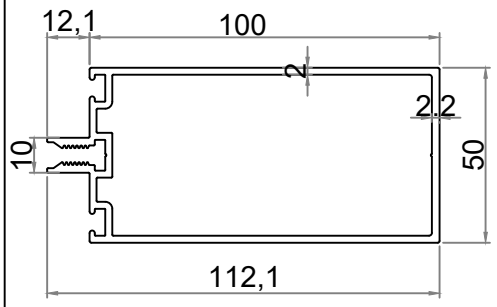
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T1624	2.0	1.958 kg/m	01

Thanh mặt dựng - nhôm nổi



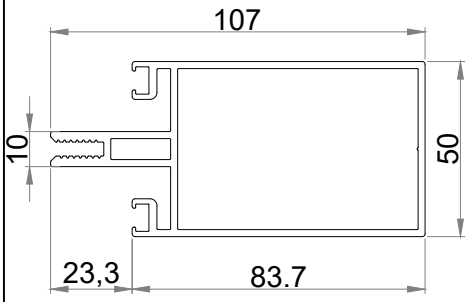
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T1625	2.0	2.092 kg/m	01

Thanh mặt dựng



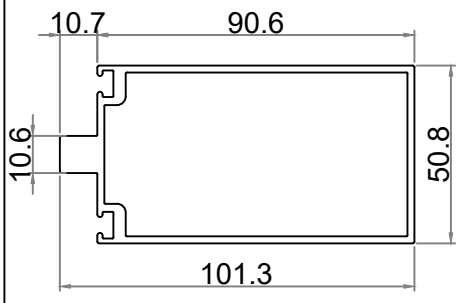
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-HTC01	2.0	1.887 kg/m	01

Thanh mặt dựng



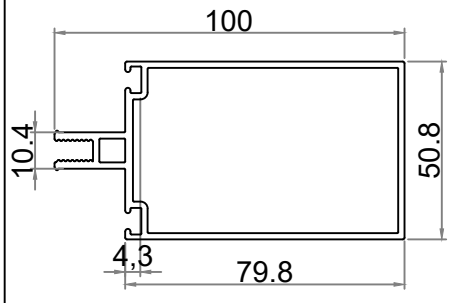
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T1603	2.0	2.025 kg/m	01

Thanh mặt dựng - nhôm nổi



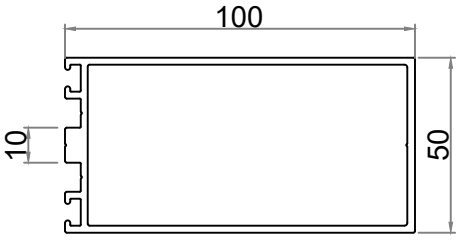
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T1625A	2.0	1.930 kg/m	01

Thanh mặt dựng - nhôm nổi



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T1623	1.8	1.584 kg/m	01

Thanh mặt dựng - kính nổi



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-HTC01A	2.0	1.799 kg/m	01

(*) Ghi chú:Độ dày cho phép dung sai ± 8% (nhôm hệ), Độ dày cho phép dung sai ± 10% (nhôm thông dụng)

NAM SUNG Aluminium Company Limited

Add : Lô N1-3, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hoà Hạ, H.Đức Hoà, Tỉnh Long An

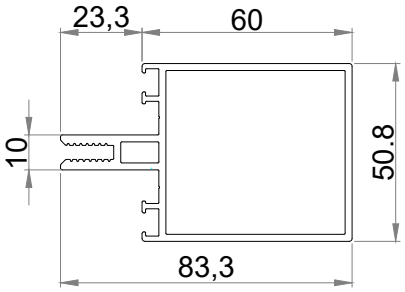
Tel : 0272 3777 815 - Fax : 0272 3768 967

Website : nhomnamsung.com.vn

NAMSUNG
ALUMINIUM CO.,LD

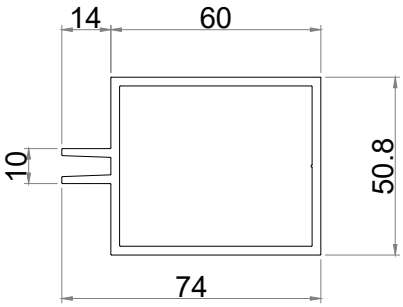
HỆ MẶT DỰNG NS-50 (NS-1600)

Thanh mặt dựng



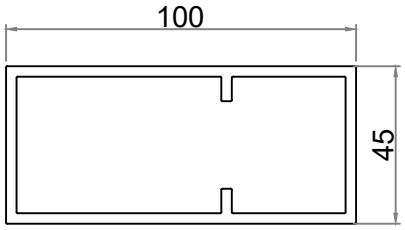
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T1604	2.0	1.600 kg/m	01

Thanh mặt dựng



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T1602	2.5	1.604 kg/m	01

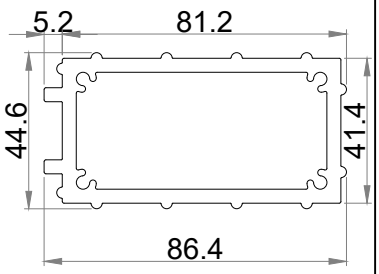
Thanh mặt dựng



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-SS180305-A11	3.0	2.373 kg/m	01

Pát liên kết

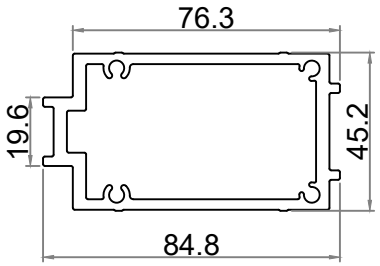
*Ghi chú : Dùng thanh NS-1624



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T1608	4.0	2.813 kg/m	01

Pát liên kết

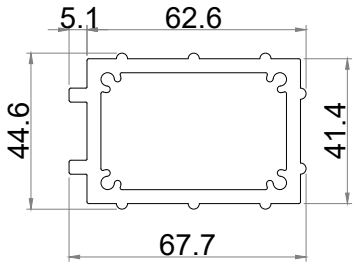
Ghi chú : Dùng thanh NS-HTC01, NS-HTC01A, NS-1625



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T1608B	3.8	2.256 kg/m	01

Pát liên kết

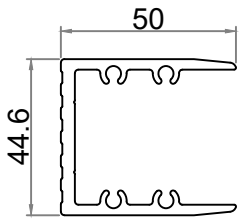
*Ghi chú : Dùng tất cả các thanh hệ NS-1600



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T1608A	4.0	2.364 kg/m	02

Pát liên kết

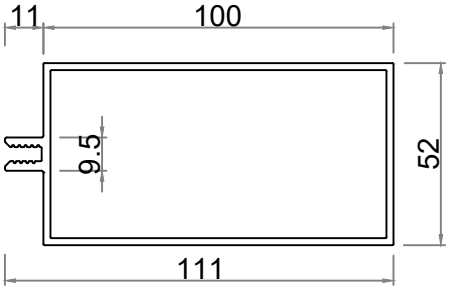
*Ghi chú : Dùng tất cả các thanh hệ NS-1600



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T1608C	4.0	1.290 kg/m	02

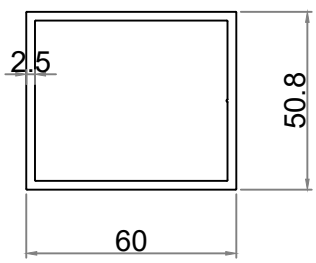
Thanh mặt dựng

Cập nhật 27.05.2022



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T1652	2.0	1.756 kg/m	01

Thanh mặt dựng



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T1602KT	2.5	1.434 kg/m	02

(*) Ghi chú:Độ dày cho phép dung sai ± 8% (nhôm hệ), Độ dày cho phép dung sai ± 10% (nhôm thông dụng)

NAM SUNG Aluminium Company Limited

Add : Lô N1-3, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hoà Hạ, H.Đức Hoà, Tỉnh Long An

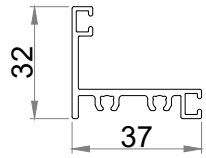
Tel : 0272 3777 815 - Fax : 0272 3768 967

Website : nhomnamsung.com.vn

NAMSUNG
ALUMINIUM CO.,LD

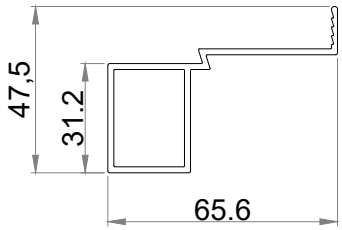
HỆ MẶT DỰNG NS-50 (NS-1600)

Khung bao cửa bật



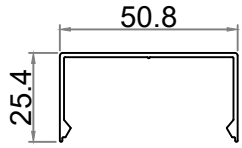
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T1606	1.8	0.471 kg/m	10

Khung cánh cửa bật



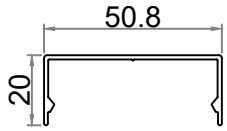
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T1607	1.7	0.738 kg/m	04

Nắp chụp

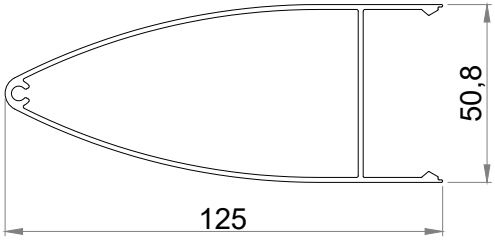


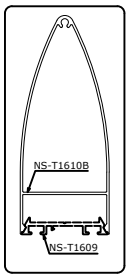
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T1610	1.2	0.347 kg/m	10

Nắp chụp



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T1610A	1.2	0.307 kg/m	10

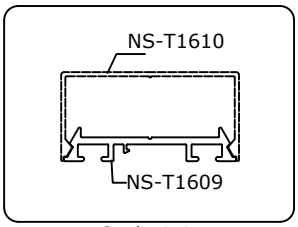




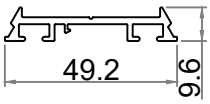
Scale 1:2

Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T1610B	1.4	1.230 kg/m	01

Pát gài - kính đơn

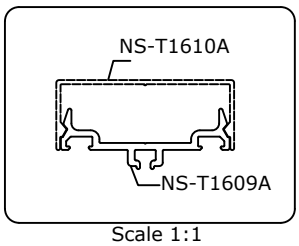


Scale 1:1

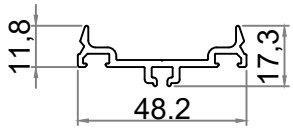


Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T1609	2.0	0.398 kg/m	10

Pát gài - kính hộp



Scale 1:1



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T1609A	2.0	0.440 kg/m	10

(*) Ghi chú:Độ dày cho phép dung sai ± 8% (nhôm hệ), Độ dày cho phép dung sai ± 10% (nhôm thông dụng)

NAM SUNG Aluminium Company Limited

Add : Lô N1-3, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hoà Hạ, H.Đức Hoà, Tỉnh Long An

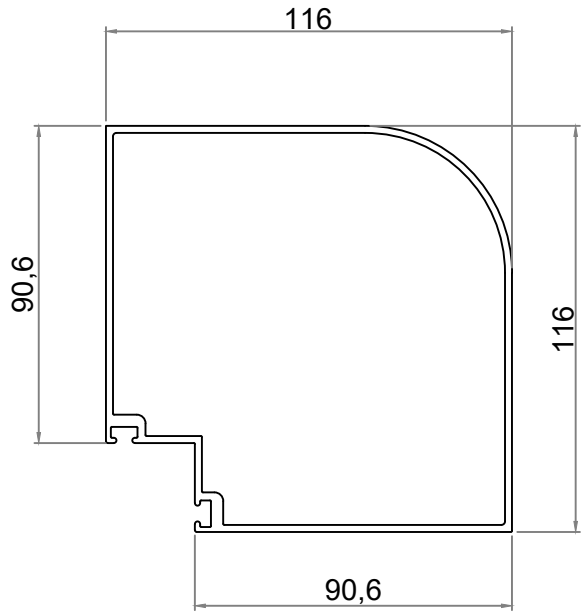
Tel : 0272 3777 815 - Fax : 0272 3768 967

Website : nhomnamsung.com.vn

NAMSUNG
ALUMINIUM CO.,LD

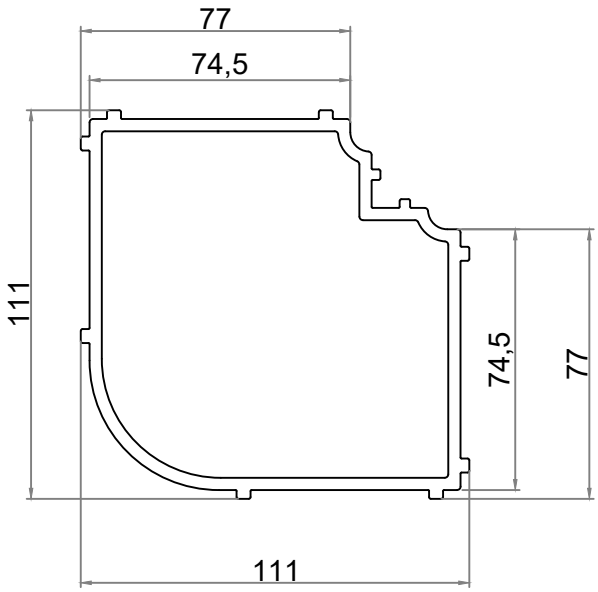
HỆ MẶT DỰNG NS-50 (NS-1600)

Thanh góc âm



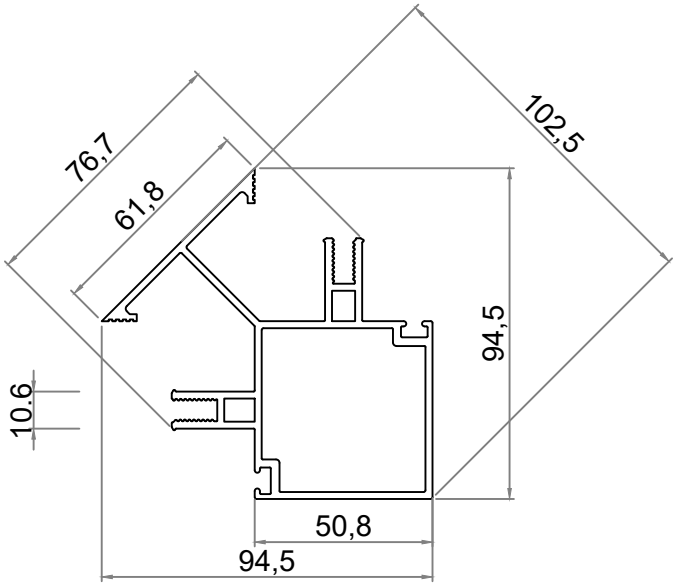
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T1625GA	2.0	2.51 kg/m	01

Cây nối dùng cho NS-T1625GA



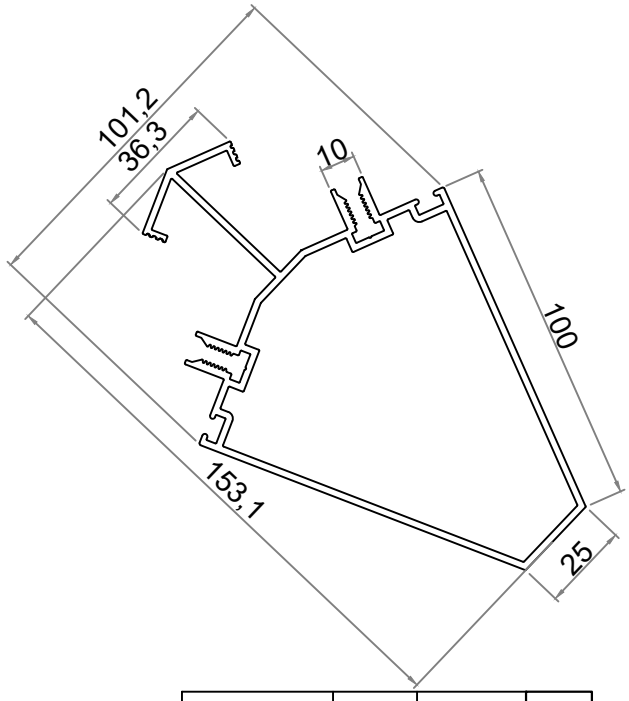
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T1625GN	3.5	3.962 kg/m	01

Thanh góc 90°



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T1625G	2.0	2.335 kg/m	01

Thanh góc 135° - Dùng cho NS-HTC01



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-HTC135GN	2.0	2.737 kg/m	01

(*) Ghi chú:Độ dày cho phép dung sai ± 8% (nhôm hệ), Độ dày cho phép dung sai ± 10% (nhôm thông dụng)

NAM SUNG Aluminium Company Limited

Add : Lô N1-3, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hoà Hạ, H.Đức Hoà, Tỉnh Long An

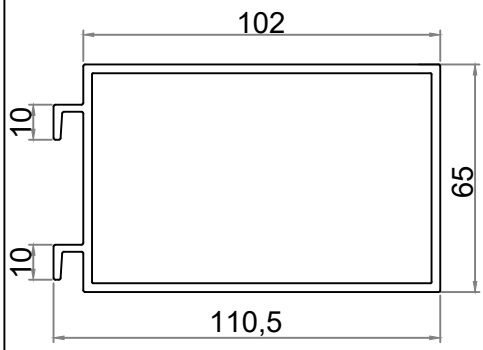
Tel : 0272 3777 815 - Fax : 0272 3768 967

Website : nhomnamsung.com.vn

NAMSUNG
ALUMINIUM CO.,LD

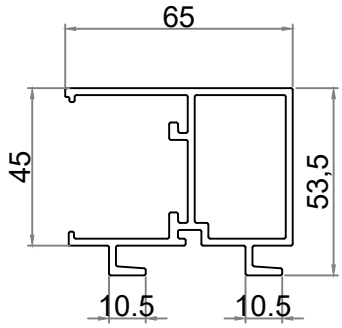
HỆ MẶT DỰNG SEMI UNITIZED

Thanh đứng chính



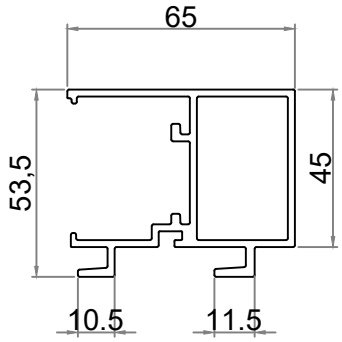
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-SM021	2.5	2.376 kg/m	01

Thanh ngang dưới (Cửa bật)



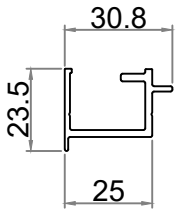
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-SM803	2.0	1.468 kg/m	02

Thanh ngang trên (Cửa bật)



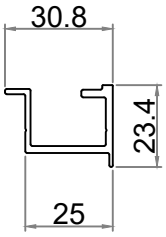
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-SM843	2.0	1.508 kg/m	02

Đứng khung kính phải



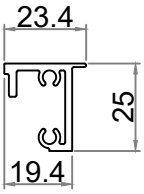
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-SM348	2.0	0.377 kg/m	10

Đứng khung kính trái



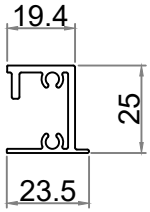
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-SM358	2.0	0.374 kg/m	10

Ngang khung kính dưới



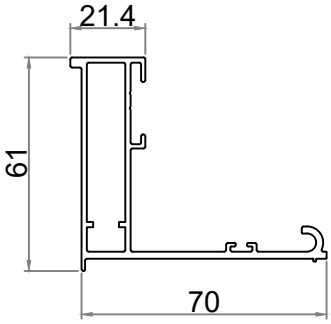
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-SM208	2.0	0.381 kg/m	10

Ngang khung kính trên



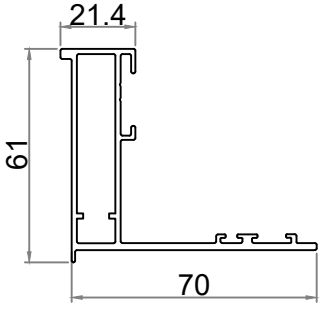
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-SM218	2.0	0.405 kg/m	10

Ngang cánh trên (Móc treo)



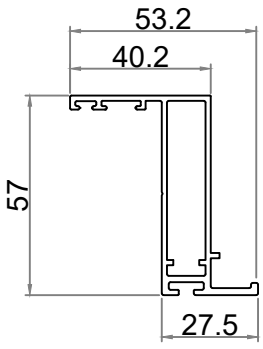
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-SM235	1.5-2.0	1.059 kg/m	04

Ngang & đứng cánh cửa

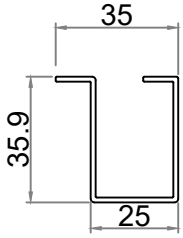


Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-SM524	1.5-2.0	1.034 kg/m	04

Ngang & đứng Kbao (Móc treo)



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-SM225	1.5-2.0	0.853 kg/m	04



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-SM-OC01	1.4	0.425 kg/m	10

(*) Ghi chú:Độ dày cho phép dung sai ± 8% (nhôm hệ), Độ dày cho phép dung sai ± 10% (nhôm thông dụng)

NAM SUNG Aluminium Company Limited

Add : Lô N1-3, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hoà Hạ, H.Đức Hoà, Tỉnh Long An

Tel : 0272 3777 815 - Fax : 0272 3768 967

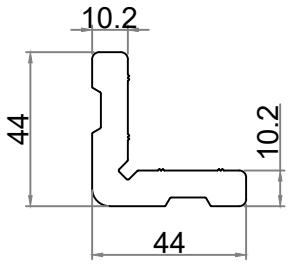
Website : nhomnamsung.com.vn

NAMSUNG
ALUMINIUM CO.,LD

HỆ MẶT DỰNG SEMI UNITIZED

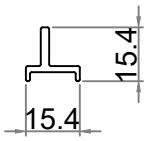
Ke góc cửa sổ móc treo

*Ghi chú : Dùng thanh NS-SM235, NS-SM524



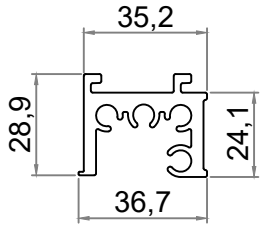
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét
NS-SM107	8.0	1.936 kg/m
		Cây/bó
		02

Thanh chặn ngang cánh trên



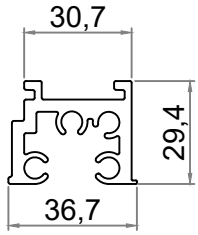
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét
NS-SM264	2.4	0.159 kg/m
		Cây/bó
		30

Thanh móc treo (NS-SM803)



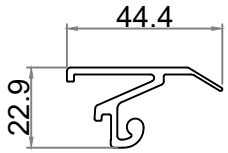
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét
NS-SM825	3.5	1.060 kg/m
		Cây/bó
		04

Thanh móc treo (NS-SM843)



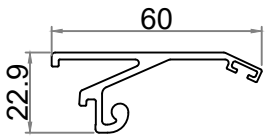
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét
NS-SM845	3.5	1.068 kg/m
		Cây/bó
		04

Thanh móc treo (NS-SM235)



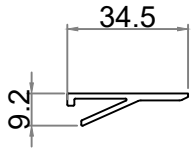
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét
NS-SM255	2.0	0.532 kg/m
		Cây/bó
		06

Thanh móc treo (NS-SM235) -Kính hộp



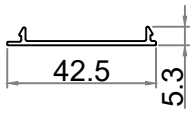
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét
NS-SM504	2.0	0.663 kg/m
		Cây/bó
		06

Thanh móc kê đỡ kính



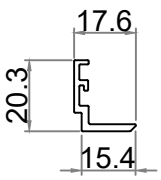
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét
NS-SM275	2.0	0.237 kg/m
		Cây/bó
		16

Nắp bịch thanh ngang NS-SM803 / NS-SM843



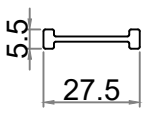
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét
NS-SM403	1.2	0.164 kg/m
		Cây/bó
		20

Pát gài đỡ kính



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét
NS-SM534	2.0	0.197 kg/m
		Cây/bó
		20

Thanh chêm móc treo



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét
NS-SM805	1.5	0.176 kg/m
		Cây/bó
		20

(*) Ghi chú:Độ dày cho phép dung sai ± 8% (nhôm hệ), Độ dày cho phép dung sai ± 10% (nhôm thông dụng)

NAM SUNG Aluminium Company Limited

Add : Lô N1-3, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hoà Hạ, H.Đức Hoà, Tỉnh Long An

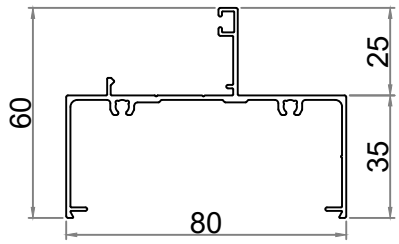
Tel : 0272 3777 815 - Fax : 0272 3768 967

Website : nhomnamsung.com.vn

NAMSUNG
ALUMINIUM CO.,LD

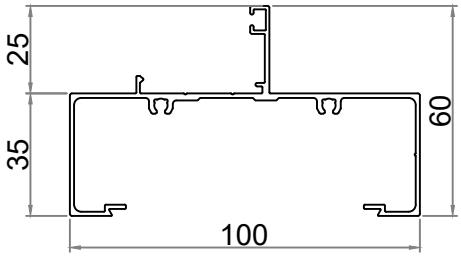
CỬA SỔ BẬT HỆ NS-838 & NS-1038

Khung cố định



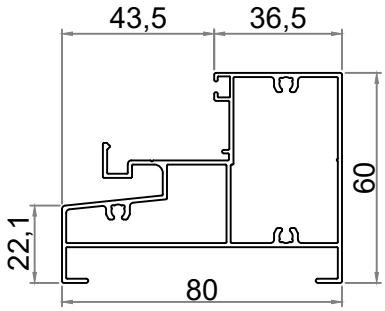
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T8301	1.2	0.777 kg/m	04

Khung cố định



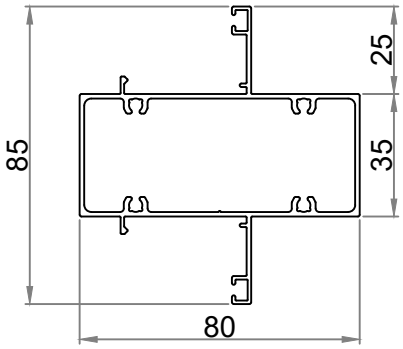
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T5301	1.3	0.947 kg/m	04

Ngang dưới khung bao



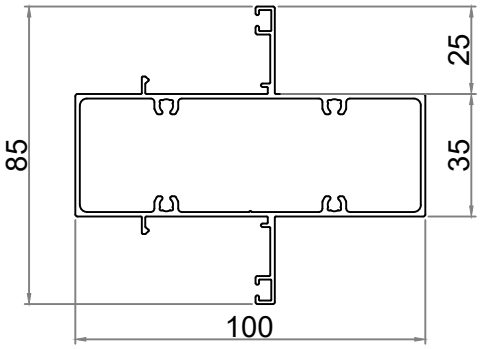
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T8309	1.2	1.255 kg/m	02

Đố giữa



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T8302	1.3	1.232 kg/m	2

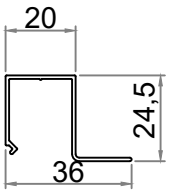
Đố giữa



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T5302	1.3	1.398 kg/m	2

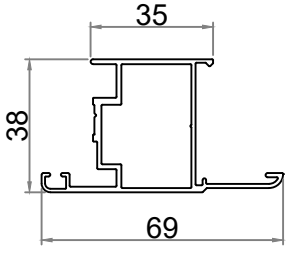
Nẹp kính

*Ghi chú : Sử dụng kính < 11 mm



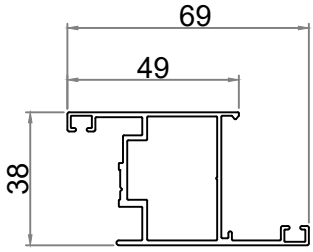
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T5305	1.0	0.222 kg/m	10

Khung cánh - nẹp nằm trong



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T5303A	1.2	0.744 kg/m	4

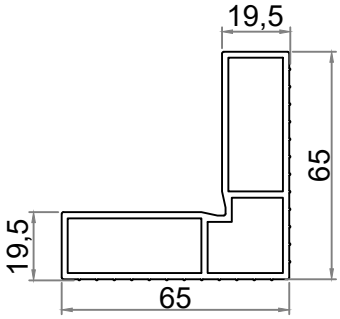
Khung cánh - nẹp nằm ngoài



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T5303	1.2	0.757 kg/m	4

Pát nối

*Ghi chú : Dùng thanh NS-5303, NS-5303A



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T5306	1.8	1.397 kg/m	2

(*) Ghi chú:Độ dày cho phép dung sai ± 8% (nhôm hệ), Độ dày cho phép dung sai ± 10% (nhôm thông dụng)

NAM SUNG Aluminium Company Limited

Add : Lô N1-3, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hoà Hạ, H.Đức Hoà, Tỉnh Long An

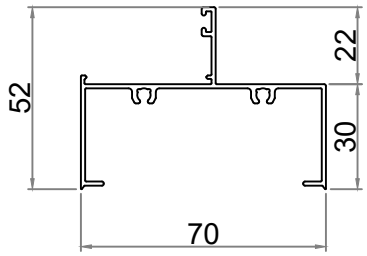
Tel : 0272 3777 815 - Fax : 0272 3768 967

Website : nhomnamsung.com.vn

NAMSUNG
ALUMINIUM CO.,LD

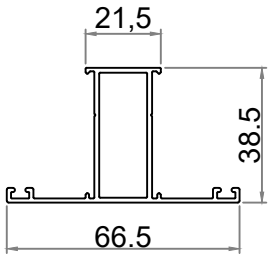
CỬA SỔ BẬT HỆ NS-380

Khung cố định



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-A3804	1.2	0.634 kg/m	04

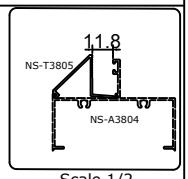
Đứng chia cánh



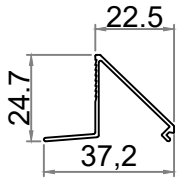
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-A3802	1.4	0.633 kg/m	06

Nẹp kính ô chết

*Ghi chú : Sử dụng kính < 10 mm

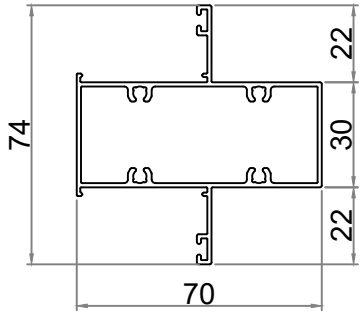


Scale 1/2



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T3805	1.0	0.195 kg/m	20

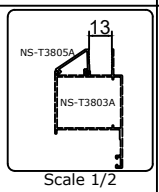
Đố giữa trung gian



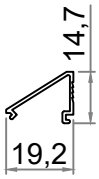
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-A3809	1.2	1.019 kg/m	02

Nẹp kính cánh

*Ghi chú : Sử dụng kính < 12 mm



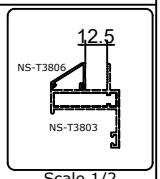
Scale 1/2



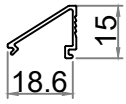
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T3805A	1.0	0.117 kg/m	30

Nẹp kính cánh

*Ghi chú : Sử dụng kính < 11 mm

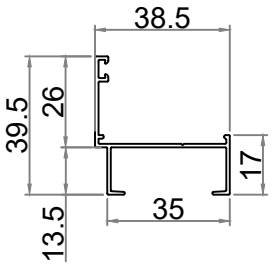


Scale 1/2



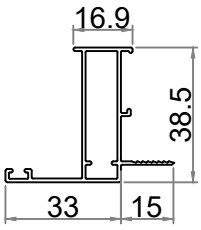
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T3806	1.0	0.114 kg/m	30

Khung cố định nhỏ



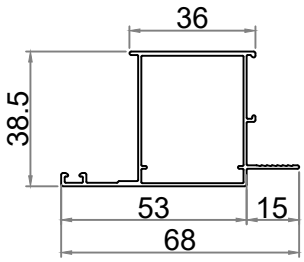
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T3801	1.0	0.295 kg/m	08

Khung cánh nhỏ



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-A3803	1.4	0.557 kg/m	06
NS-T3803	1.0	0.411 kg/m	06

Khung cánh lớn



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T3803A	1.0	0.509 kg/m	04

(*) Ghi chú:Độ dày cho phép dung sai ± 8% (nhôm hệ), Độ dày cho phép dung sai ± 10% (nhôm thông dụng)

NAM SUNG Aluminium Company Limited

Add : Lô N1-3, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hoà Hạ, H.Đức Hoà, Tỉnh Long An

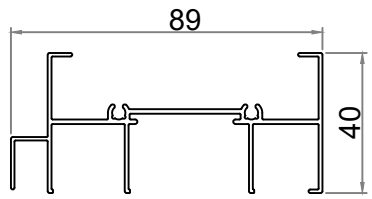
Tel : 0272 3777 815 - Fax : 0272 3768 967

Website : nhomnamsung.com.vn

NAMSUNG
ALUMINIUM CO.,LD

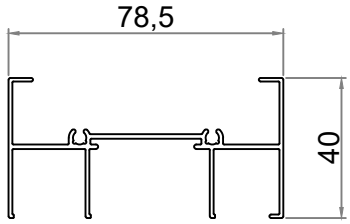
CỬA SỔ LÙA HỆ NS-888

Máng trên - có lưới



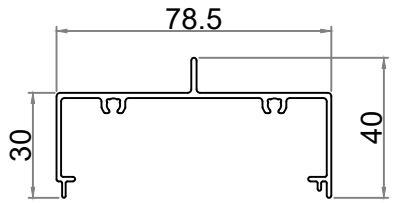
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T8801	1.1	0.808 kg/m	04

Máng trên - không lưới



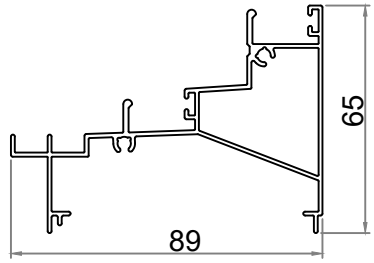
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T8801C	1.1	0.742 kg/m	04

Khung cố định



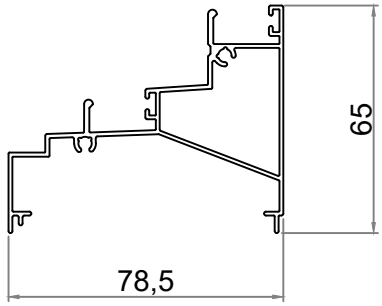
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T8401B	1.5	0.677 kg/m	06

Ray dưới - có lưới



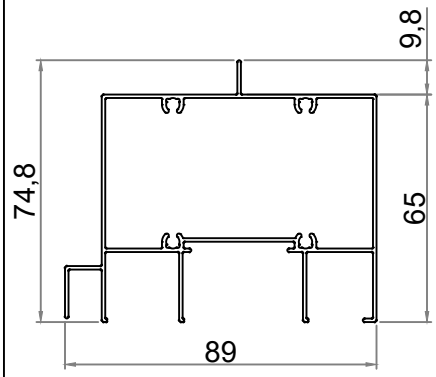
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T8802	1.1	1.011 kg/m	02

Ray dưới - không lưới



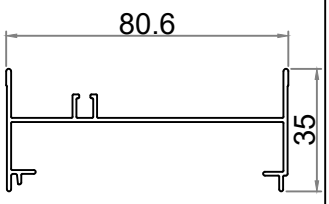
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T8802C	1.1	0.947 kg/m	02

Máng lùa có cố định trên



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T8805B	1.0	1.112 kg/m	02

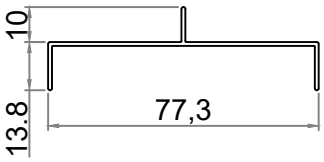
Đứng khung bao



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét
NS-T8803	1.1	0.574 kg/m

Cây/bó
06

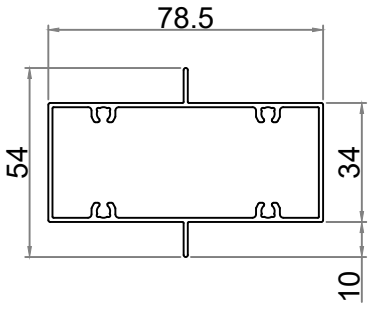
Nắp khung cố định



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét
NS-T8803C	1.1	0.334 kg/m

Cây/bó
08

Đố giữa

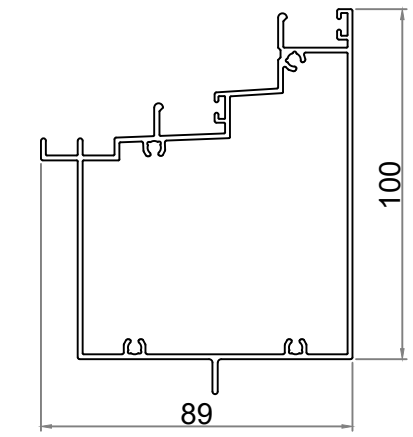


Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét
NS-A8005	1.2	0.940 kg/m

Cây/bó
03

Ray lùa có cố định dưới

Mã nhôm	THK.(mm)	WEIGHT	Cây/bó
NS-T8804	1.4~1.5	1.667 kg/m	02



(*) Ghi chú:Độ dày cho phép dung sai ± 8% (nhôm hệ), Độ dày cho phép dung sai ± 10% (nhôm thông dụng)

NAM SUNG Aluminium Company Limited

Add : Lô N1-3, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hoà Hạ, H.Đức Hoà, Tỉnh Long An

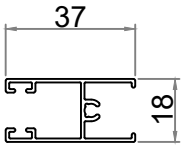
Tel : 0272 3777 815 - Fax : 0272 3768 967

Website : nhomnamsung.com.vn

NAMSUNG
ALUMINIUM CO.,LD

CỬA SỔ LÙA HỆ NS-888

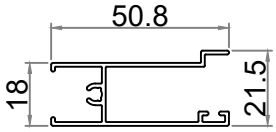
Ngang cánh trên



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét
NS-T8851	1.0	0.331kg/m

Cây/bó
10

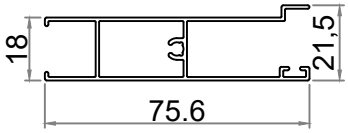
Ngang cánh dưới nhỏ



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét
NS-T8852	1.0	0.425kg/m

Cây/bó
08

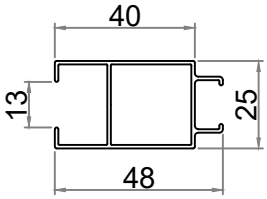
Ngang cánh dưới lớn



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét
NS-T8852A	1.0	0.568kg/m

Cây/bó
05

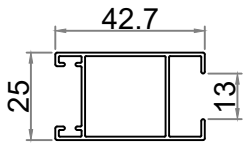
Đứng cánh nhỏ



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét
NS-T8813A	1.0	0.419 kg/m

Cây/bó
05

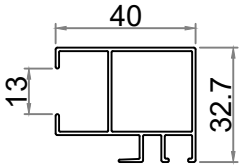
Đứng cánh trơn



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét
NS-T8855	1.0	0.416kg/m

Cây/bó
05

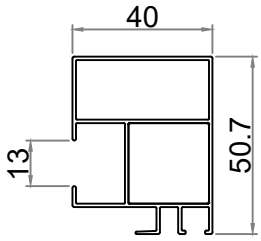
Đứng cánh móc nhỏ



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét
NS-T8856	1.0	0.449kg/m

Cây/bó
08

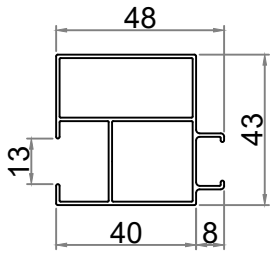
Đứng cánh móc lớn



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét
NS-T8856A	1.0	0.649kg/m

Cây/bó
06

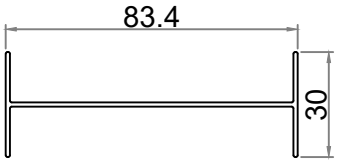
Đứng cánh trung gian lớn



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét
NS-T8813	1.0	0.620 kg/m

Cây/bó
06

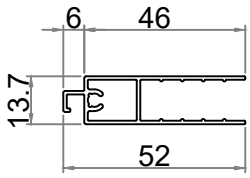
Ghép khung bao



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét
NS-SY8593	1.2	0.457 kg/m

Cây/bó
08

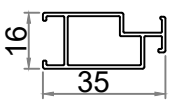
Ngang lưới muỗi



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét
NS-T8821	1.0	0.384 kg/m

Cây/bó
08

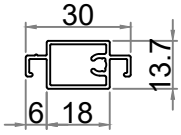
Đứng lưới muỗi



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét
NS-T8822	1.0	0.284 kg/m

Cây/bó
08

Ngang giữa lưới muỗi

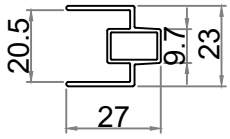


Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét
NS-T8823	1.0	0.256 kg/m

Cây/bó
10

Nẹp kính hộp

*Ghi chú : Sử dụng kính < 19 mm



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét
NS-T5425	1.25	0.297 kg/m

Cây/bó
20

(*) Ghi chú:Độ dày cho phép dung sai ± 8% (nhôm hệ), Độ dày cho phép dung sai ± 10% (nhôm thông dụng)

NAM SUNG Aluminium Company Limited

Add : Lô N1-3, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hoà Hạ, H.Đức Hoà, Tỉnh Long An

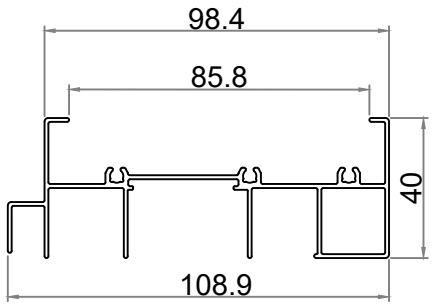
Tel : 0272 3777 815 - Fax : 0272 3768 967

Website : nhomnamsung.com.vn

NAMSUNG
ALUMINIUM CO.,LD

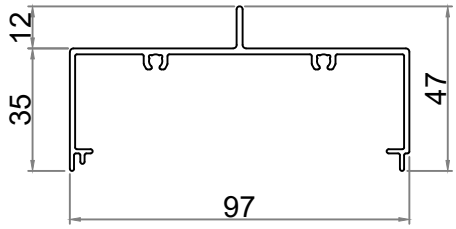
CỬA SỔ LÙA HỆ NS-188

Máng trên



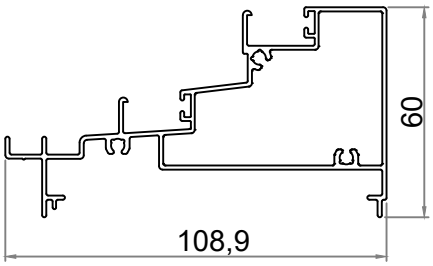
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T8101	1.1	1.008 kg/m	04

Khung cố định



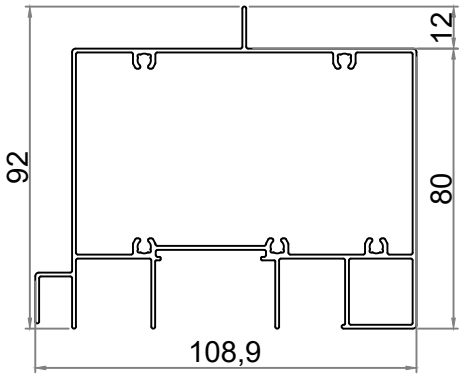
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T5401B	1.5	0.883 kg/m	04

Ray dưới



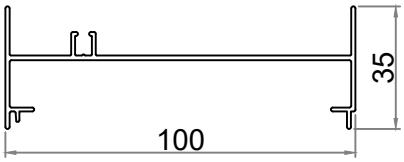
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T8102	1.2	1.273 kg/m	02

Máng lùa có cố định trên



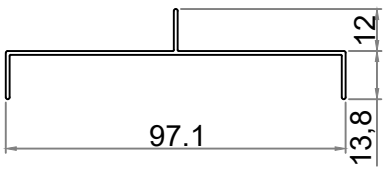
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T8105	1.1~1.15	1.620 kg/m	02

Đứng khung bao trái



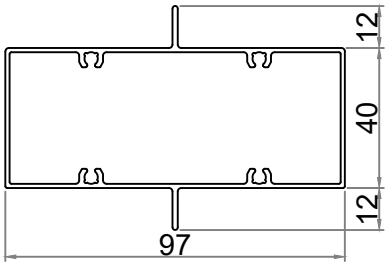
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T8103	1.2	0.672 kg/m	06

Nắp khung cố định



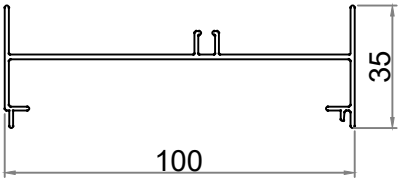
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T8103B	1.1	0.399 kg/m	06

Đố giữa



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T5405C	1.2	1.133 kg/m	02

Đứng khung bao phải



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T8103A	1.2	0.672 kg/m	06

(*) Ghi chú:Độ dày cho phép dung sai ± 8% (nhôm hệ), Độ dày cho phép dung sai ± 10% (nhôm thông dụng)

NAM SUNG Aluminium Company Limited

Add : Lô N1-3, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hoà Hạ, H.Đức Hoà, Tỉnh Long An

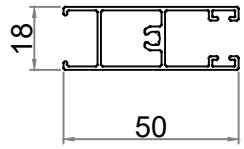
Tel : 0272 3777 815 - Fax : 0272 3768 967

Website : nhomnamsung.com.vn

NAMSUNG
ALUMINIUM CO.,LD

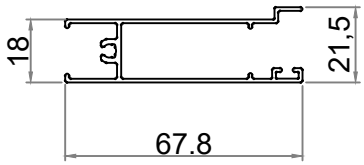
CỬA SỔ LÙA HỆ NS-188

Ngang trên cánh



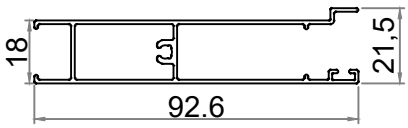
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T8106	1.0	0.463 kg/m	05

Ngang dưới cánh nhỏ



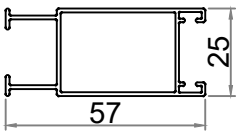
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T8108	1.05	0.537 kg/m	05

Ngang dưới cánh lớn



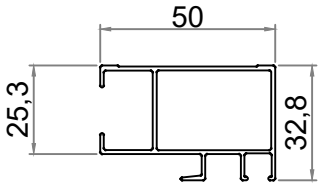
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T8109	1.05	0.712 kg/m	05

Đứng trơn



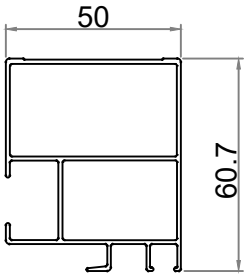
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T8110	1.1	0.527 kg/m	05

Đứng cánh móc nhỏ



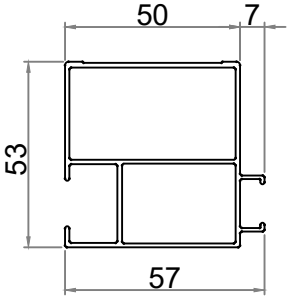
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T8111	1.15	0.559 kg/m	06

Đứng cánh móc lớn



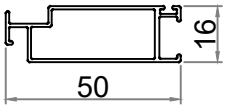
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T8112	1.15	0.901 kg/m	03

Đứng cánh trung gian



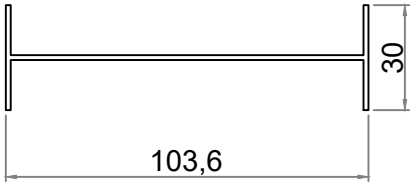
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T8113	1.25	0.919 kg/m	03

Đứng khung lưới



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T8114	0.93	0.368 kg/m	08

Ghép khung bao



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T1012	1.4	0.608 kg/m	05

(*) Ghi chú:Độ dày cho phép dung sai ± 8% (nhôm hệ), Độ dày cho phép dung sai ± 10% (nhôm thông dụng)

NAM SUNG Aluminium Company Limited

Add : Lô N1-3, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hoà Hạ, H.Đức Hoà, Tỉnh Long An

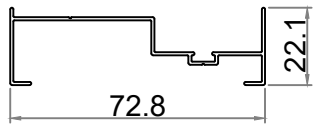
Tel : 0272 3777 815 - Fax : 0272 3768 967

Website : nhomnamsung.com.vn

NAMSUNG
ALUMINIUM CO.,LD

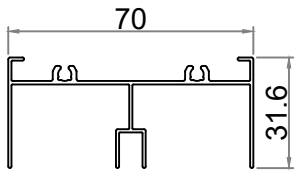
CỬA LÙA HỆ NS-500

Đứng khung bao



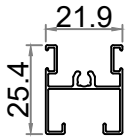
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-A5053	1.2	0.449 kg/m	08
NS-T5053	0.9	0.345 kg/m	08
NS-S5053	0.7	0.308 kg/m	08

Ngang trên khung bao



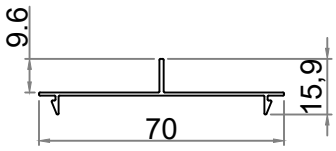
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-A5051	1.2	0.675 kg/m	06
NS-T5051	0.9	0.535 kg/m	06
NS-S5051	0.7	0.464 kg/m	06

Ngang trên cánh



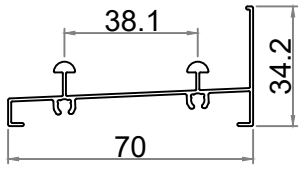
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-A5054	1.2	0.354 kg/m	08
NS-T5054	0.8	0.260 kg/m	08
NS-S5054	0.7	0.218 kg/m	08

Ghép máng



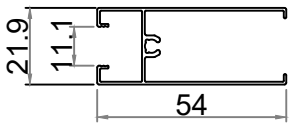
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T5058	0.9	0.238 kg/m	08
NS-A5058	1.2	0.294 kg/m	08

Ngang dưới khung bao



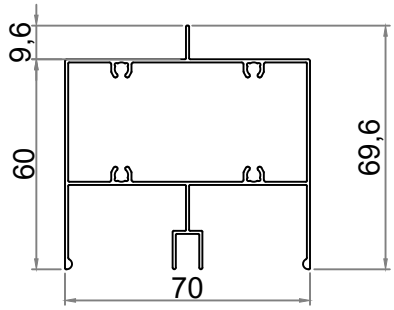
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-A5052	1.2	0.578 kg/m	06
NS-T5052	0.9	0.461 kg/m	06
NS-S5052	0.7	0.407 kg/m	06

Ngang dưới cánh



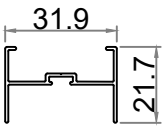
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-A5055	1.2	0.504 kg/m	08
NS-T5055	0.8	0.349 kg/m	08
NS-S5055	0.7	0.310 kg/m	08

Ngang trên KB ghép



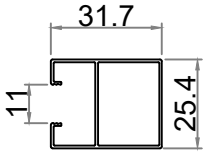
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T5005	0.9	0.872 kg/m	06

Đứng trung gian



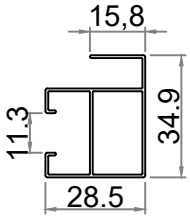
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-A5126	1.2	0.268 kg/m	10
NS-T5126	0.9	0.204 kg/m	10
NS-S5126	0.8	0.185 kg/m	10

Đứng cánh trơn



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-A5057	1.2	0.404 kg/m	08
NS-T5057	0.8	0.269 kg/m	08
NS-S5057	0.7	0.244 kg/m	08

Đứng cánh móc



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-A5056	1.2	0.461 kg/m	08
NS-T5056	0.8	0.316 kg/m	08
NS-S5056	0.7	0.279 kg/m	08

(*) Ghi chú:Độ dày cho phép dung sai ± 8% (nhôm hệ), Độ dày cho phép dung sai ± 10% (nhôm thông dụng)

NAM SUNG Aluminium Company Limited

Add : Lô N1-3, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hoà Hạ, H.Đức Hoà, Tỉnh Long An

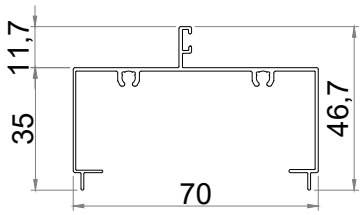
Tel : 0272 3777 815 - Fax : 0272 3768 967

Website : nhomnamsung.com.vn

NAMSUNG
ALUMINIUM CO.,LD

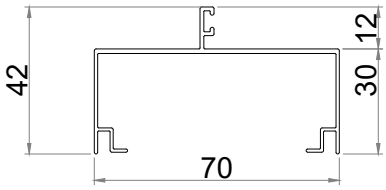
CỬA ĐI HỆ NS-700

Ngang khung bao cửa đi



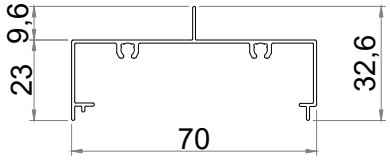
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-AA7001	1.8	0.911 kg/m	06
NS-T7001	1.1	0.573 kg/m	06

Đứng khung bao cửa đi



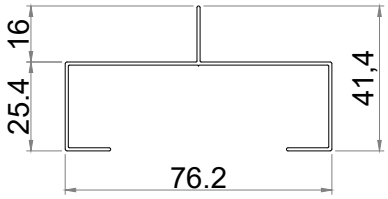
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-AA7002	1.8	0.855 kg/m	06
NS-T7002	0.9	0.523 kg/m	06
NS-S7002	0.8	0.467 kg/m	06

Khung bao



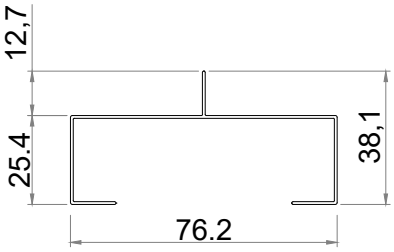
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-A7109	1.2	0.500 kg/m	06
NS-T7109	0.9	0.390 kg/m	06
NS-S7109	0.8	0.357 kg/m	06

Khung cố định - 1 gờ



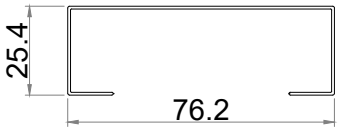
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T7019A	0.9	0.402 kg/m	06

Khung cố định - 1 gờ



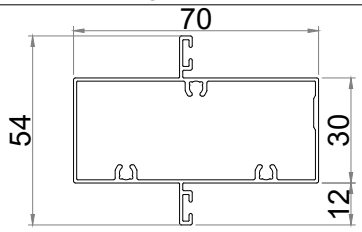
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-S7019	0.8	0.351 kg/m	06

Khung cố định không gờ



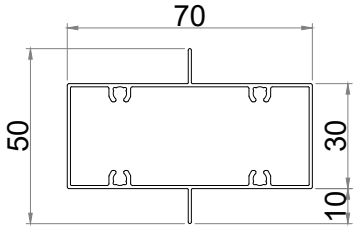
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-S7020	0.8	0.324 kg/m	06

Đố giữa cửa đi



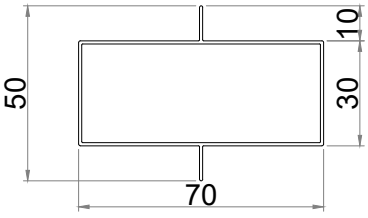
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-AA7006	1.8	1.280 kg/m	03
NS-A7006	1.2	0.902 kg/m	03
NS-T7006	0.9	0.698 kg/m	03
NS-S7006	0.8	0.617 kg/m	03

Đố giữa - 2 gờ



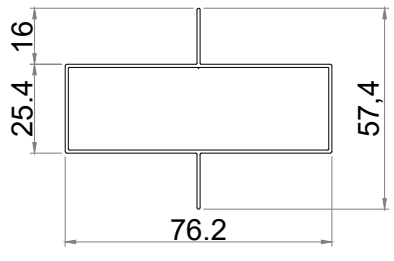
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-A7005	1.2	0.859 kg/m	03
NS-T7005	0.9	0.655 kg/m	03
NS-S7005	0.8	0.598 kg/m	03

Đố giữa - 2 gờ



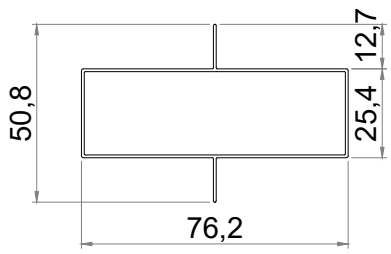
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T7008	0.9	0.527 kg/m	03
NS-S7008	0.8	0.469 kg/m	03

Hộp - 2 gờ



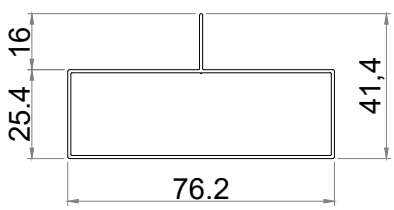
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T7011A	0.9	0.564 kg/m	03

Hộp - 2 gờ



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-S7011	0.8	0.488 kg/m	03

Hộp - 1 gờ



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T7012A	0.9	0.527 kg/m	04

(*) Ghi chú:Độ dày cho phép dung sai ± 8% (nhôm hệ), Độ dày cho phép dung sai ± 10% (nhôm thông dụng)

NAM SUNG Aluminium Company Limited

Add : Lô N1-3, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hoà Hạ, H.Đức Hoà, Tỉnh Long An

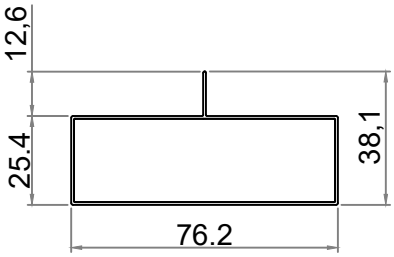
Tel : 0272 3777 815 - Fax : 0272 3768 967

Website : nhomnamsung.com.vn

NAMSUNG
ALUMINIUM CO.,LD

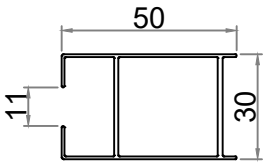
CỬA ĐI HỆ NS-700

Hộp - 1 gờ



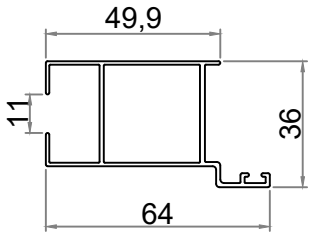
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-S7012	0.8	0.460 kg/m	04

Đứng cánh bản lề nhỏ



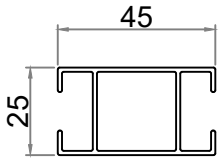
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-AA7052	1.8	0.816 kg/m	05
NS-A7052	1.25	0.653 kg/m	05
NS-T7052	1.0	0.513 kg/m	05
NS-S7052	0.8	0.454 kg/m	05

Đứng cánh khóa nhỏ



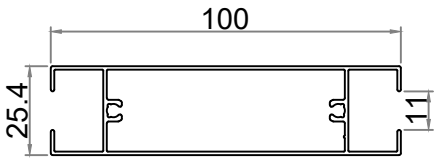
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-AA7053	1.8	0.962kg/m	05
NS-A7053	1.3	0.734kg/m	05
NS-T7053	1.0	0.604kg/m	05
NS-S7053	0.8	0.467kg/m	05

Chia đố



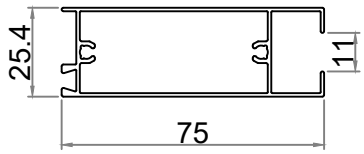
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T7056	1.2	0.515 kg/m	06

Ngang giữa



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-AA7054	1.8	1.368 kg/m	04
NS-A7054	1.4	1.085 kg/m	04
NS-T7054	1.0	0.800 kg/m	04
NS-S7054	0.8	0.676 kg/m	04

Ngang cánh



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-AA7051	1.8	1.098 kg/m	05
NS-A7051	1.4	0.877 kg/m	05
NS-T7051	1.0	0.664 kg/m	05
NS-S7051	0.8	0.541 kg/m	05

(*) Ghi chú:Độ dày cho phép dung sai ± 8% (nhôm hệ), Độ dày cho phép dung sai ± 10% (nhôm thông dụng)

NAM SUNG Aluminium Company Limited

Add : Lô N1-3, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hoà Hạ, H.Đức Hoà, Tỉnh Long An

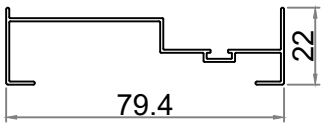
Tel : 0272 3777 815 - Fax : 0272 3768 967

Website : nhomnamsung.com.vn

NAMSUNG
ALUMINIUM CO.,LD

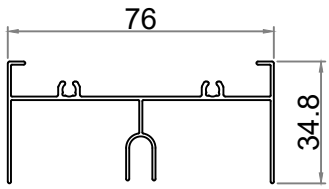
CỬA ĐI LÙA HỆ NS-720

Đứng khung bao



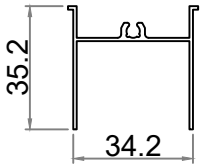
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-K082	0.9	0.371 kg/m	08

Máng trên



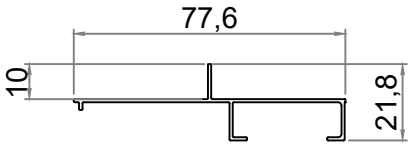
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-K080	0.9-1.0	0.551 kg/m	06

Máng trên



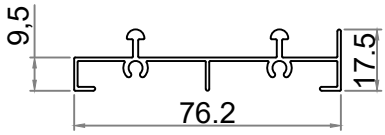
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T7251	1.0	0.322 kg/m	08

Ghép đứng khung bao



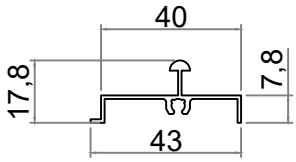
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-K082A	0.9	0.293 kg/m	08

Máng dưới



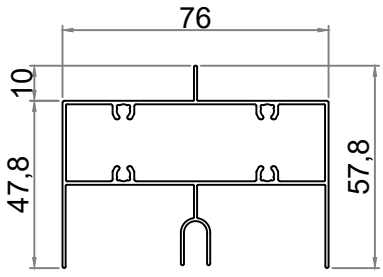
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-K081A	1.0	0.512 kg/m	08

Máng dưới



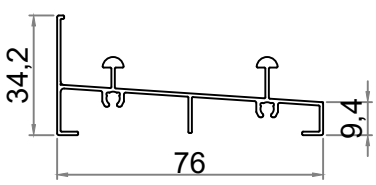
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T7252	1.0	0.249 kg/m	10

Trên cố định dưới lùa



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-K080A	1.0	0.896 kg/m	02

Máng dưới



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-K081	1.0	0.560 kg/m	06

(*) Ghi chú:Độ dày cho phép dung sai ± 8% (nhôm hệ), Độ dày cho phép dung sai ± 10% (nhôm thông dụng)

NAM SUNG Aluminium Company Limited

Add : Lô N1-3, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hoà Hạ, H.Đức Hoà, Tỉnh Long An

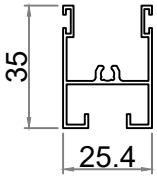
Tel : 0272 3777 815 - Fax : 0272 3768 967

Website : nhomnamsung.com.vn

NAMSUNG
ALUMINIUM CO.,LD

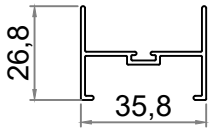
CỬA ĐI LÙA HỆ NS-720

Ngang cánh trên



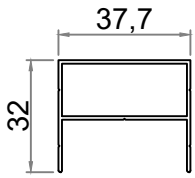
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T7254	1.0	0.371 kg/m	08

Đứng trung gian



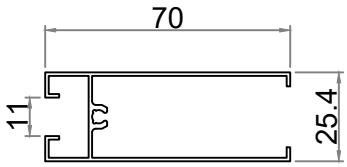
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-K083	1.2	0.321 kg/m	12

Đứng bên



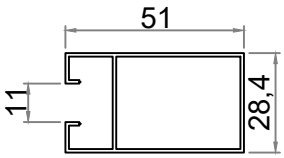
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T7259	1.0	0.365 kg/m	08

Ngang cánh dưới



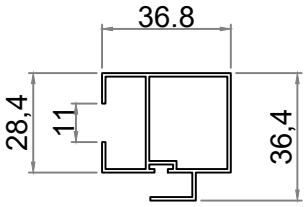
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T7255	1.0	0.549 kg/m	06

Đứng cánh trơn



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T7257	1.0	0.478 kg/m	05

Đứng cánh móc



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T7256	1.0	0.453 kg/m	08

(*) Ghi chú:Độ dày cho phép dung sai ± 8% (nhôm hệ), Độ dày cho phép dung sai ± 10% (nhôm thông dụng)

NAM SUNG Aluminium Company Limited

Add : Lô N1-3, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hoà Hạ, H.Đức Hoà, Tỉnh Long An

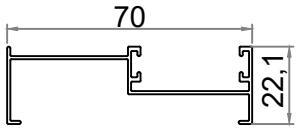
Tel : 0272 3777 815 - Fax : 0272 3768 967

Website : nhomnamsung.com.vn

NAMSUNG
ALUMINIUM CO.,LD

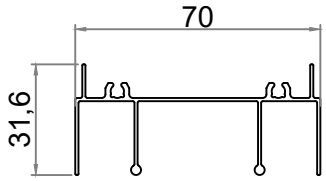
CỬA ĐI LÙA HỆ NS-720

Đứng khung bao



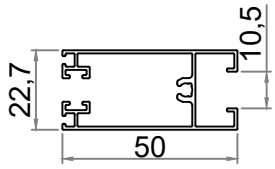
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T7207	0.9	0.367 kg/m	08

Máng trên



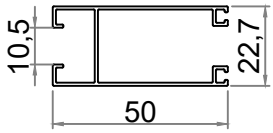
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T7205	0.9	0.525 kg/m	06

Ngang cánh trên



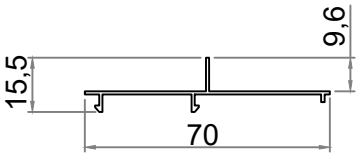
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T7203	0.9	0.468 kg/m	05

Ngang cánh dưới



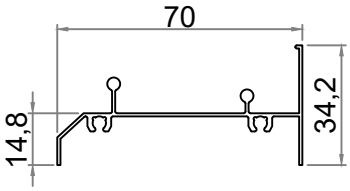
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T7204	0.9	0.377 kg/m	08

Ghép hông khung cố định



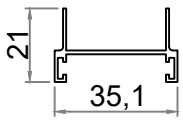
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T7211	0.9	0.232 kg/m	08

Ray lùa



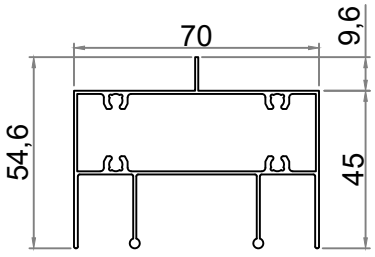
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T7206	0.9	0.439 kg/m	06

Đứng trung gian



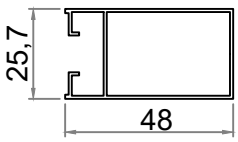
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T7208	0.9	0.239 kg/m	10

Máng lùa có cố định trên



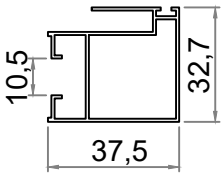
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T7210	0.9	0.883 kg/m	02

Đứng cánh trơn



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T7201	0.9	0.395 kg/m	05

Đứng cánh móc



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T7202	0.9	0.427 kg/m	08

(*) Ghi chú:Độ dày cho phép dung sai ± 8% (nhôm hệ), Độ dày cho phép dung sai ± 10% (nhôm thông dụng)

NAM SUNG Aluminium Company Limited

Add : Lô N1-3, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hoà Hạ, H.Đức Hoà, Tỉnh Long An

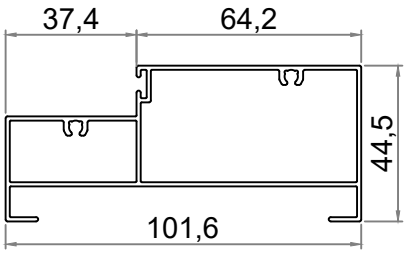
Tel : 0272 3777 815 - Fax : 0272 3768 967

Website : nhomnamsung.com.vn

NAMSUNG
ALUMINIUM CO.,LD

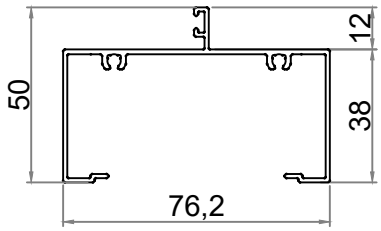
CỬA ĐI HỆ NS-760

Khung bao



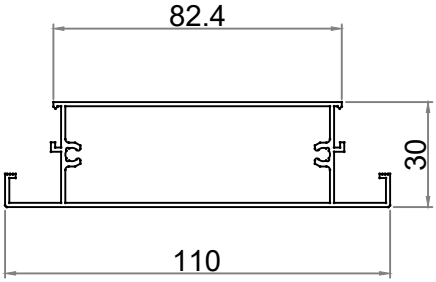
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T1076	1.2	1.145 kg/m	02

Khung bao



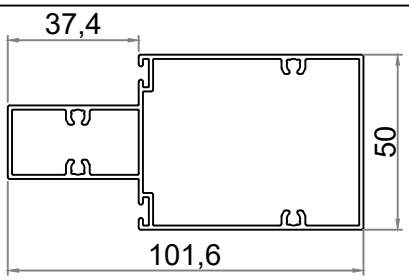
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-A7601A	1.2	0.754 kg/m	04

Ngang giữa - 2 nẹp



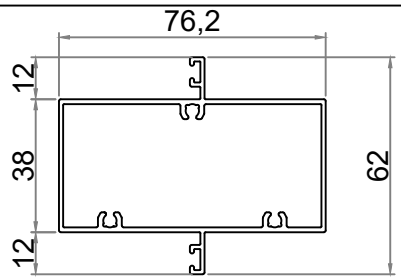
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-A7654	1.2	0.981 kg/m	04

Đố giữa trung gian



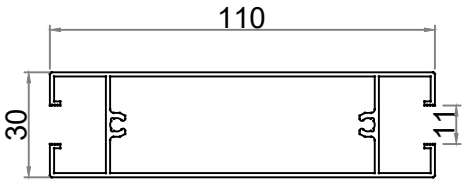
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T1077	1.2	1.232 kg/m	02

Thanh trung gian



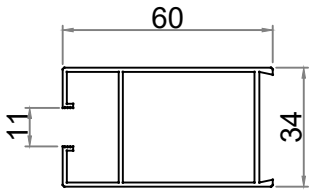
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-A7606	1.2	1.056 kg/m	02

Ngang giữa



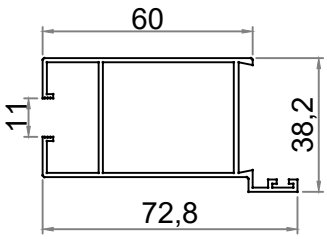
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-A7654A	1.2	1.103 kg/m	04

Đứng cánh bản lề



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-A7652	1.2	0.698 kg/m	04

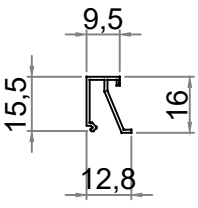
Đứng cánh khóa



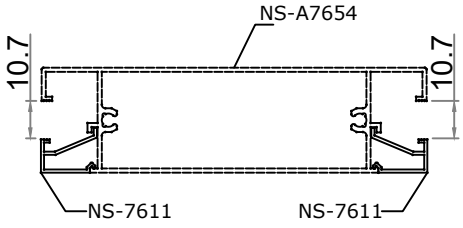
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-A7653	1.2	0.777 kg/m	04

Nẹp kính

*Ghi chú : Sử dụng kính < 9 mm

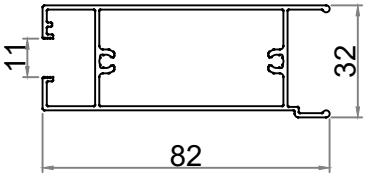


Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T7611	0.9	0.110 kg/m	20



Scale 1:1

Ngang cánh



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-A7651B	1.2	0.871 kg/m	04

(*) Ghi chú:Độ dày cho phép dung sai ± 8% (nhôm hệ), Độ dày cho phép dung sai ± 10% (nhôm thông dụng)

NAM SUNG Aluminium Company Limited

Add : Lô N1-3, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hoà Hạ, H.Đức Hoà, Tỉnh Long An

Tel : 0272 3777 815 - Fax : 0272 3768 967

Website : nhomnamsung.com.vn

NAMSUNG
ALUMINIUM CO.,LD

MẶT CẮT THƯỜNG DÙNG

Ống tròn



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T6308	0.7	0.043 kg/m	60
NS-S6308	0.5	0.032 kg/m	60

Ống tròn



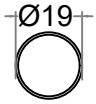
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T6312	0.8	0.076 kg/m	30
NS-S6312	0.5	0.049 kg/m	30

Ống tròn



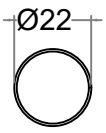
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T6316	0.7	0.091 kg/m	20
NS-S6316	0.5	0.066 kg/m	20

Ống tròn



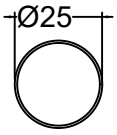
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-S6319	0.5	0.079 kg/m	20
NS-T6319	0.65	0.101 kg/m	20

Ống tròn



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T6322	0.7	0.126 kg/m	15
NS-A6322	1.2	0.212 kg/m	15

Ống tròn



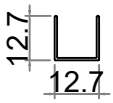
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T6325	0.7	0.144 kg/m	10

Hình U



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T6001	0.7	0.051 kg/m	60

Hình U



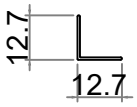
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T6002	0.7	0.069 kg/m	30

Hình U



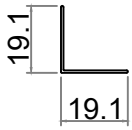
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T6003	0.7	0.055 kg/m	60

Hình V



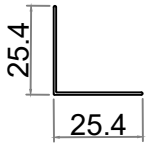
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T6201	0.7	0.046 kg/m	60

Hình V



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T6202	0.7	0.070 kg/m	60

Hình V



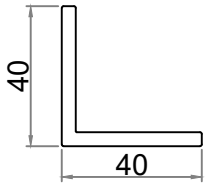
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T6203	0.7	0.094 kg/m	30

Hình V



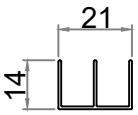
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T6204	0.7	0.036 kg/m	60

Hình V



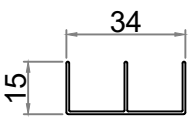
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-JE4040	4.0	0.823 kg/m	04

Chữ E



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T9742	0.8	0.130 kg/m	20

Chữ E



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T9742A	0.8	0.165 kg/m	20

(*) Ghi chú:Độ dày cho phép dung sai ± 8% (nhôm hệ), Độ dày cho phép dung sai ± 10% (nhôm thông dụng)

NAM SUNG Aluminium Company Limited

Add : Lô N1-3, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hoà Hạ, H.Đức Hoà, Tỉnh Long An

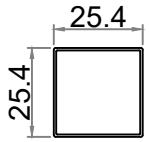
Tel : 0272 3777 815 - Fax : 0272 3768 967

Website : nhomnamsung.com.vn

NAMSUNG
ALUMINIUM CO.,LD

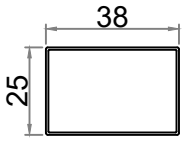
MẶT CẮT THƯỜNG DÙNG

Hình hộp



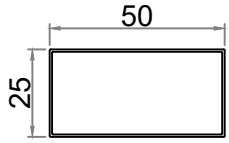
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-A6101	1.2	0.315 kg/m	20
NS-T6101	0.7	0.187 kg/m	20
NS-S6101	0.6	0.158 kg/m	20

Hình hộp



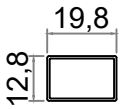
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-TT6102	0.8	0.266 kg/m	15
NS-T6102	0.7	0.233 kg/m	15
NS-S6102	0.6	0.201 kg/m	15

Hình hộp



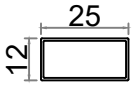
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-A6103	1.0	0.395 kg/m	10
NS-T6103	0.7	0.283 kg/m	10
NS-S6103	0.6	0.239 kg/m	10

Hình hộp



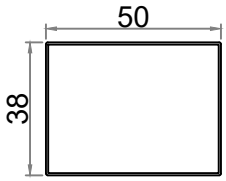
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T6105	0.7	0.117 kg/m	20
NS-S6105	0.6	0.104 kg/m	20

Hình hộp



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T6108	0.7	0.135 kg/m	20
NS-S6108	0.6	0.116 kg/m	20

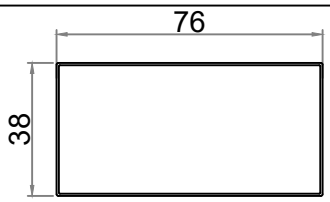
Hình hộp



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét
NS-S6109	0.65	0.304 kg/m

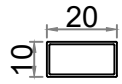
Cây/bó
06

Hình hộp



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-A6110	1.2	0.724 kg/m	04
NS-TT6110	1.0	0.606 kg/m	04
NS-T6110	0.8	0.487 kg/m	04
NS-S6110	0.65	0.398 kg/m	04

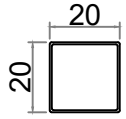
Hình hộp



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét
NS-T6111	0.7	0.108 kg/m

Cây/bó
30

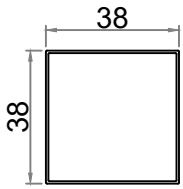
Hình hộp



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét
NS-S6113	0.6	0.126 kg/m

Cây/bó
20

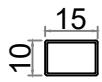
Hình hộp



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét
NS-T6114	0.7	0.283 kg/m

Cây/bó
06

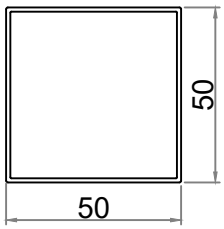
Hình hộp



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét
NS-S6116	0.6	0.077 kg/m

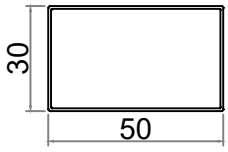
Cây/bó
30

Hình hộp



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-TC134	1.2	0.634 kg/m	04
NS-TC134A	1.5	0.788 kg/m	04

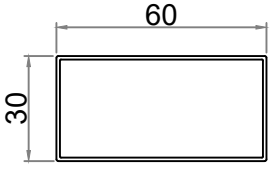
Hình hộp



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét
NS-K150	0.8	0.339 kg/m

Cây/bó
08

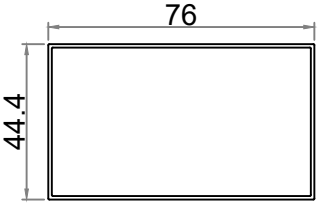
Hình hộp



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét
NS-T3060	1.0	0.476 kg/m

Cây/bó
08

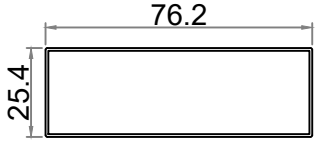
Hình hộp



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét
NS-A7004	1.2	0.767 kg/m
NS-T7004	1.0	0.641 kg/m
NS-S7004	0.8	0.529 kg/m

Cây/bó	03

Hình hộp



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét
NS-AA7013	1.2	0.644 kg/m
NS-A7013	1.1	0.592 kg/m
NS-A7013C	1.0	0.539 kg/m
NS-T7013	0.8	0.433 kg/m
NS-S7013	0.65	0.377 kg/m

Cây/bó	05

(*) Ghi chú:Độ dày cho phép dung sai ± 8% (nhôm hệ), Độ dày cho phép dung sai ± 10% (nhôm thông dụng)

NAM SUNG Aluminium Company Limited

Add : Lô N1-3, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hoà Hạ, H.Đức Hoà, Tỉnh Long An

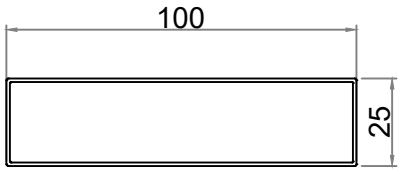
Tel : 0272 3777 815 - Fax : 0272 3768 967

Website : nhomnamsung.com.vn

NAMSUNG
ALUMINIUM CO.,LD

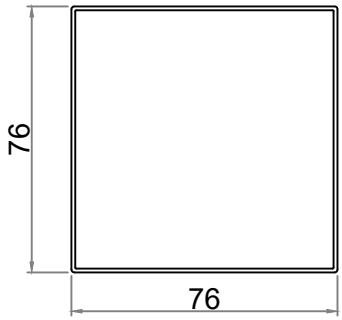
MẶT CẮT THƯỜNG DÙNG

Hình hộp



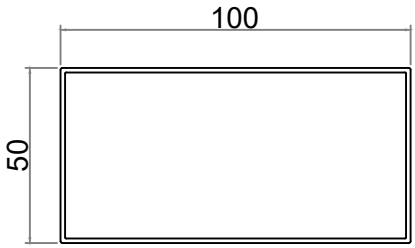
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T6112	1.0	0.666 kg/m	05

Hình hộp



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T6119	1.1	0.891 kg/m	01

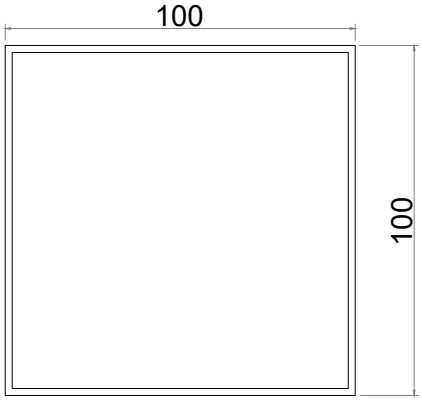
Hình hộp



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T105	1.3	1.038 kg/m	02
NS-A105	1.5	1.194 kg/m	02

Hình hộp

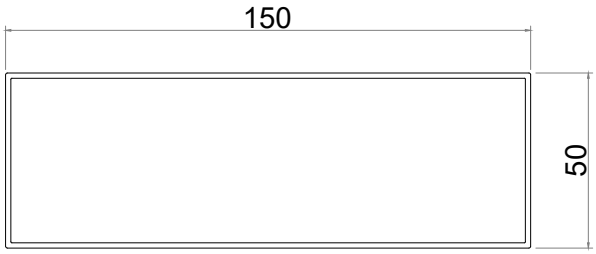
Cập nhật 18.4.2022



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-SCS01	2.0	2.329 kg/m	01

Hình hộp

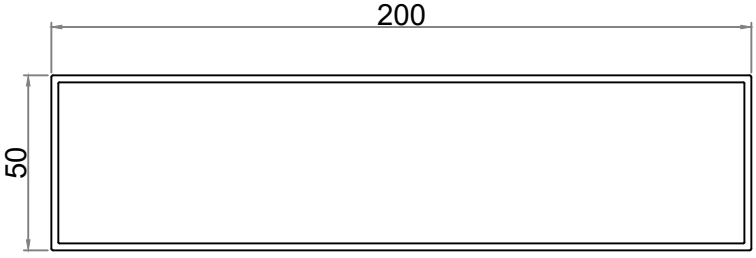
Cập nhật 18.4.2022



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T50150	1.5	1.761 kg/m	01

Hình hộp

Cập nhật 18.4.2022



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-A50200	2.0	2.933 kg/m	01
NS-T50200	1.8	2.64 kg/m	01

(*) Ghi chú:Độ dày cho phép dung sai ± 8% (nhôm hệ), Độ dày cho phép dung sai ± 10% (nhôm thông dụng)

NAM SUNG Aluminium Company Limited

Add : Lô N1-3, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hoà Hạ, H.Đức Hoà, Tỉnh Long An

Tel : 0272 3777 815 - Fax : 0272 3768 967

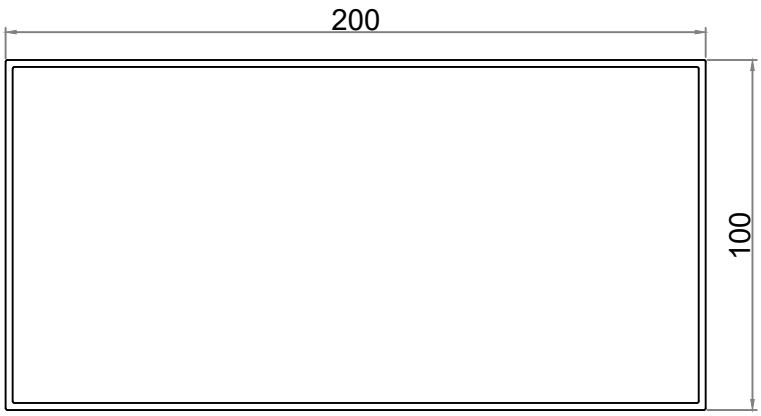
Website : nhomnamsung.com.vn

NAMSUNG
ALUMINIUM CO.,LD

MẶT CẮT THƯỜNG DÙNG

Hình hộp

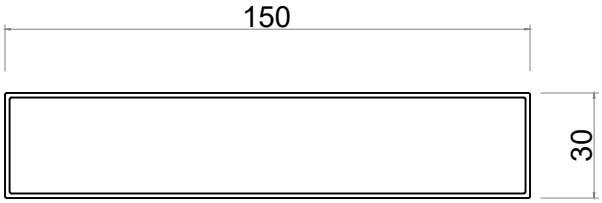
Cập nhật 18.4.2022



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-SCS02	2.0	3.529 kg/m	01

Hình hộp

Cập nhật 17.09.2022



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T30150	1.3	1.250 kg/m	03

(*) Ghi chú:Độ dày cho phép dung sai ± 8% (nhôm hệ), Độ dày cho phép dung sai ± 10% (nhôm thông dụng)

NAM SUNG Aluminium Company Limited

Add : Lô N1-3, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hoà Hạ, H.Đức Hoà, Tỉnh Long An

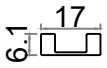
Tel : 0272 3777 815 - Fax : 0272 3768 967

Website : nhomnamsung.com.vn

NAMSUNG
ALUMINIUM CO.,LD

MẶT CẮT THƯỜNG DÙNG - THANG NHÔM

Ray dày



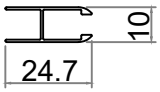
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T9743	0.8	0.150 kg/m	20

Ray mỏng



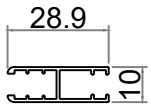
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T9744	1.0	0.092 kg/m	20

Kẹp kính nhỏ



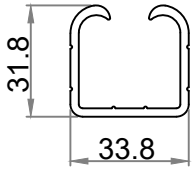
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T9745A	0.7	0.121 kg/m	20

Kẹp kính lớn



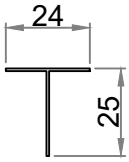
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T9745	0.9	0.184 kg/m	20

Máng cửa lùa treo



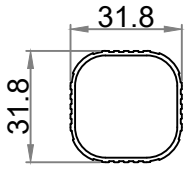
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T145	2.4	0.672 kg/m	04

Thanh chữ T



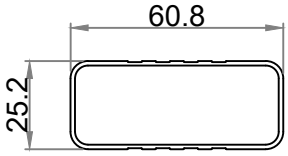
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T6801	0.75	0.098 kg/m	20

Thanh ngang thang nhôm



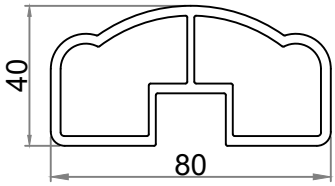
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-K093	1.3	0.338 kg/m	08

Thanh đứng thang nhôm



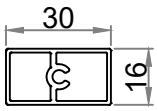
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-K004	1.3	0.535 kg/m	08

Tay vịn cầu thang



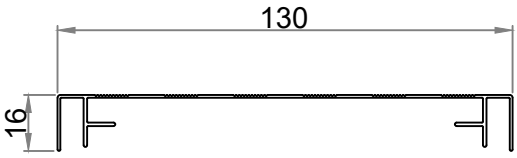
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-TC10	2.8	1.825 kg/m	02

Thanh ngang máng cáp



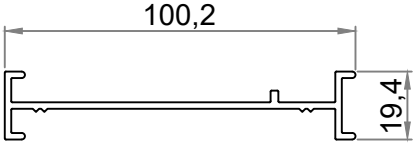
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T9780	1.1	0.359 kg/m	10

Hộp đèn



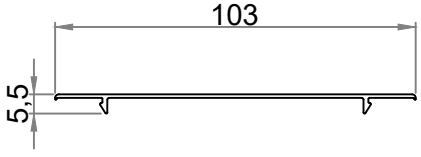
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T9711	0.8	0.441 kg/m	08

Thanh dọc máng cáp

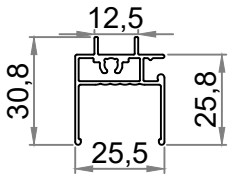


Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T9781	1.85	0.761 kg/m	05

Nắp máng điện



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-N1010	1.0	0.313 kg/m	10



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T9608	1.0	0.351 kg/m	10

(*) Ghi chú:Độ dày cho phép dung sai ± 8% (nhôm hệ), Độ dày cho phép dung sai ± 10% (nhôm thông dụng)

NAM SUNG Aluminium Company Limited

Add : Lô N1-3, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hoà Hạ, H.Đức Hoà, Tỉnh Long An

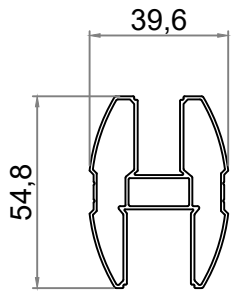
Tel : 0272 3777 815 - Fax : 0272 3768 967

Website : nhomnamsung.com.vn

NAMSUNG
ALUMINIUM CO.,LD

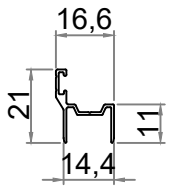
VÁCH NGĂN TẤM NHỰA COMPACT

Vách ngăn



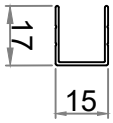
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-HTC161	1.0	0.703 kg/m	03

Vách ngăn



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-HTC162	0.8	0.126 kg/m	20

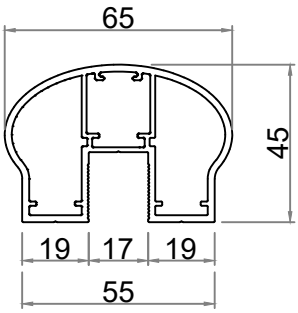
Vách ngăn



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-HTC164	0.9	0.114 kg/m	30

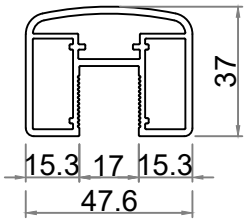
TAY VỊN LAN CAN

TAY VỊN



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-LC01	2.0	1.388 kg/m	03

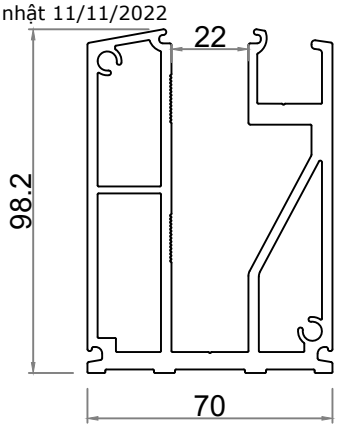
TAY VỊN



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-LC02	2.0	1.181 kg/m	03

ĐẾ LAN CAN

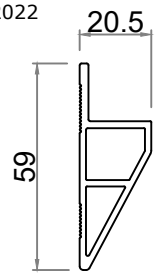
Cập nhật 11/11/2022



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-DLC01	2.0-6.0	4.516 kg/m	01

PAT CHÈN CHÂN KÍNH

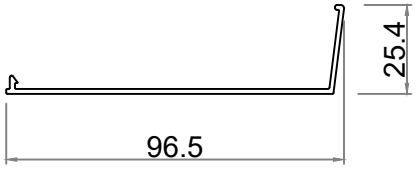
Cập nhật 11/11/2022



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-DLC02	1.8-2.5	0.683 kg/m	04

NẸP CHE ĐẾ CHÂN

Cập nhật 11/11/2022



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-DLC03	1.3-1.4	0.465 kg/m	08

(*) Ghi chú:Độ dày cho phép dung sai ± 8% (nhôm hệ), Độ dày cho phép dung sai ± 10% (nhôm thông dụng)

NAM SUNG Aluminium Company Limited

Add : Lô N1-3, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hoà Hạ, H.Đức Hoà, Tỉnh Long An

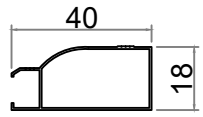
Tel : 0272 3777 815 - Fax : 0272 3768 967

Website : nhomnamsung.com.vn

NAMSUNG
ALUMINIUM CO.,LD

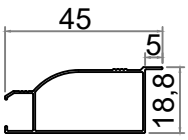
HỆ TỦ THÔNG DỤNG

Cánh tủ áo



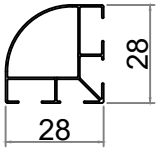
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-S9761	0.6	0.184 kg/m	10
NS-T9761	0.7	0.214 kg/m	10

Cánh tủ áo gờ



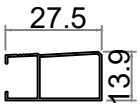
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-S9761A	0.6	0.195 kg/m	10
NS-T9761A	0.7	0.223 kg/m	10

Bo 2 rãnh



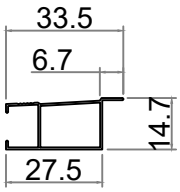
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T9759	0.6	0.223 kg/m	10
NS-S9759	0.5	0.187 kg/m	10

Cánh tủ



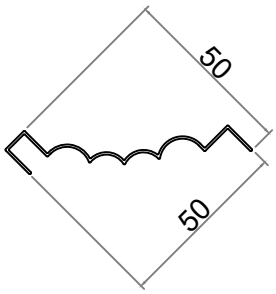
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-S9753A	0.6	0.133 kg/m	20
NS-T9753A	0.7	0.155 kg/m	20

Cánh tủ gờ



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-S9754A	0.6	0.142 kg/m	20
NS-T9754A	0.7	0.168 kg/m	20

Viền đầu tủ



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T9762	0.7	0.189 kg/m	10

(*) Ghi chú:Độ dày cho phép dung sai ± 8% (nhôm hệ), Độ dày cho phép dung sai ± 10% (nhôm thông dụng)

NAM SUNG Aluminium Company Limited

Add : Lô N1-3, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hoà Hạ, H.Đức Hoà, Tỉnh Long An

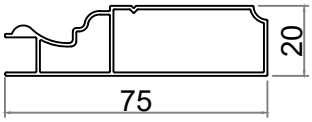
Tel : 0272 3777 815 - Fax : 0272 3768 967

Website : nhomnamsung.com.vn

NAMSUNG
ALUMINIUM CO.,LD

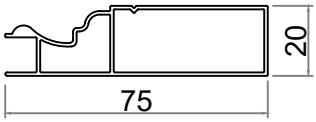
HỆ TỦ CAO CẤP

Cánh tủ bản lề



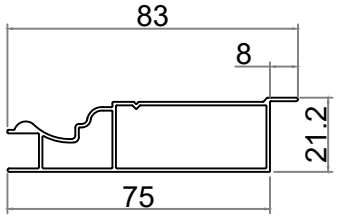
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-CT1	1.0	0.577 kg/m	06

Cánh tủ bản lề



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-CT2	1.0	0.590 kg/m	06

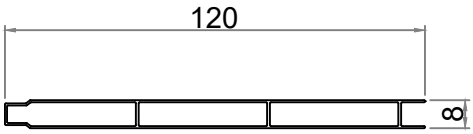
Cánh tủ khóa



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-CT3	1.0	0.608 kg/m	06

Lamri hộp phẳng

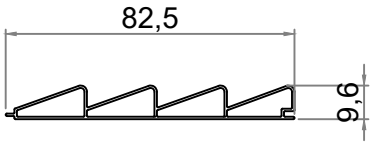
Dùng cho cả tủ và cửa



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-LR5	0.6-0.8	0.443 kg/m	05

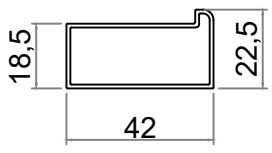
Lamri hộp sóng

Dùng cho cả tủ và cửa



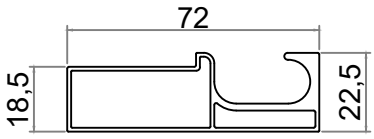
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-LR4	0.7	0.383 kg/m	05

Cánh bản lề



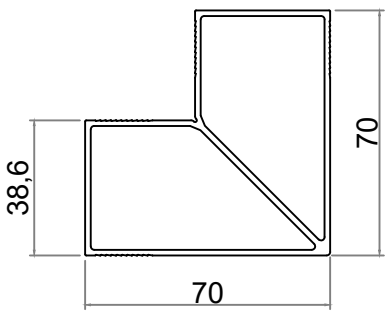
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T01	1.1	0.367 kg/m	10

Cánh khóa



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T02	1.1-3.0	0.827 kg/m	05

Ke góc tủ



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T03	1.6-1.8	1.423 kg/m	02

(*) Ghi chú:Độ dày cho phép dung sai ± 8% (nhôm hệ), Độ dày cho phép dung sai ± 10% (nhôm thông dụng)

NAM SUNG Aluminium Company Limited

Add : Lô N1-3, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hoà Hạ, H.Đức Hoà, Tỉnh Long An

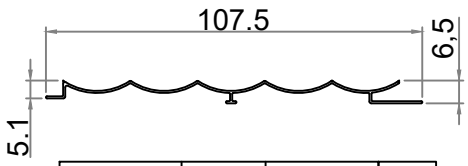
Tel : 0272 3777 815 - Fax : 0272 3768 967

Website : nhomnamsung.com.vn

NAMSUNG
ALUMINIUM CO.,LD

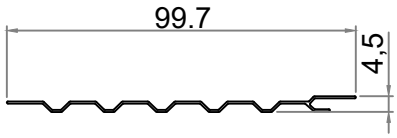
LAMRI - LAM HỘP

Lamri sóng



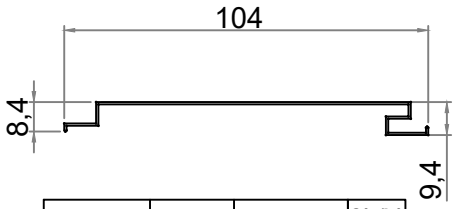
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-S4221	0.6	0.216 kg/m	10
NS-T4221	0.75	0.27 kg/m	10

Lamri sóng



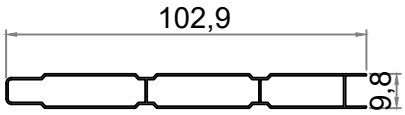
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-S4222	0.6	0.190 kg/m	10
NS-T4222	0.65	0.223 kg/m	10

Lamri phẳng



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-S4223	0.65	0.238 kg/m	10
NS-T4223	0.8	0.291 kg/m	10

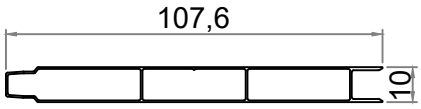
Lamri hộp



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-S4332	0.54	0.348 kg/m	05
NS-T4332	0.75	0.479 kg/m	05
NS-A4332	1.00	0.626 kg/m	05
NS-AA4332	1.4	0.874 kg/m	05

Lamri hộp phẳng

Cập nhật ngày 11.3.2022



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-S5610D	0.5	0.357 kg/m	05
NS-W5610D	0.7	0.480 kg/m	05
NS-T5610D	0.8	0.536 kg/m	05

(*) Ghi chú:Độ dày cho phép dung sai ± 8% (nhôm hệ), Độ dày cho phép dung sai ± 10% (nhôm thông dụng)

NAM SUNG Aluminium Company Limited

Add : Lô N1-3, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hoà Hạ, H.Đức Hoà, Tỉnh Long An

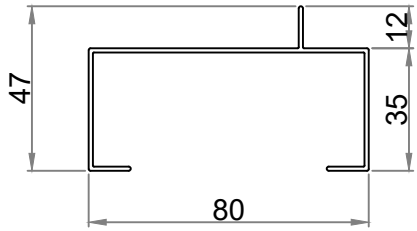
Tel : 0272 3777 815 - Fax : 0272 3768 967

Website : nhomnamsung.com.vn

NAMSUNG
ALUMINIUM CO.,LD

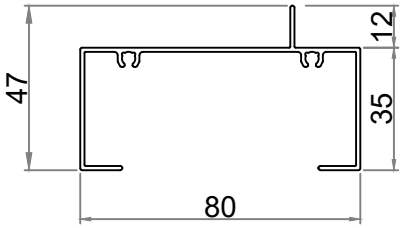
LÁ SÁCH CỐ ĐỊNH

Đứng khung bao



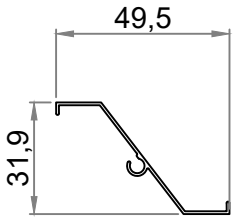
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-F203	1.2	0.587 kg/m	06

Ngang khung bao



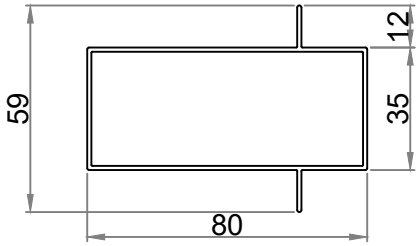
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-F203A	1.2	0.653 kg/m	06

Lá sách



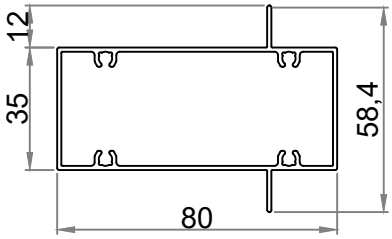
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T147	0.8	0.174 kg/m	10

Đứng trung gian



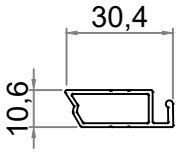
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-F201	1.2	0.809 kg/m	03

Ngang trung gian



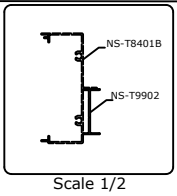
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-F201A	1.2	0.942 kg/m	03

Khung lưới muỗi

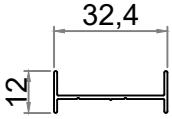


Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T6614	1.1	0.229 kg/m	10

Thanh liên kết



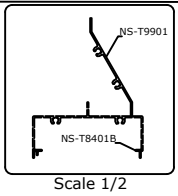
Scale 1/2



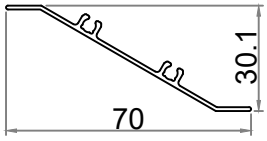
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét
NS-T9902	1.0	0.140 kg/m

Cây/bó
20

Lá sách



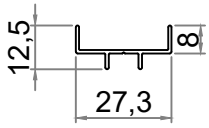
Scale 1/2



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét
NS-T9901	1.1	0.300 kg/m

Cây/bó
10

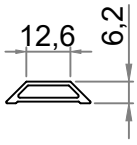
Liên kết lá sách NS-T9905



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét
NS-T9903	1.0	0.131 kg/m

Cây/bó
20

Nan trang trí



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét
NS-B507	1.1	0.148 kg/m

Cây/bó
20

(*) Ghi chú:Độ dày cho phép dung sai ± 8% (nhôm hệ), Độ dày cho phép dung sai ± 10% (nhôm thông dụng)

NAM SUNG Aluminium Company Limited

Add : Lô N1-3, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hoà Hạ, H.Đức Hoà, Tỉnh Long An

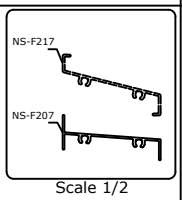
Tel : 0272 3777 815 - Fax : 0272 3768 967

Website : nhomnamsung.com.vn

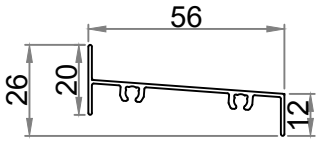
NAMSUNG
ALUMINIUM CO.,LD

LÁ SÁCH CỐ ĐỊNH

Ngang dưới khung lá sách

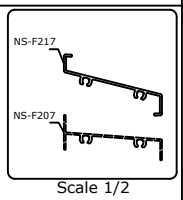


Scale 1/2

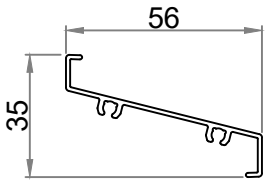


Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-F207	1.0	0.311 kg/m	10

Lá sách

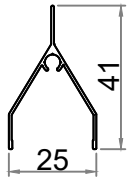


Scale 1/2



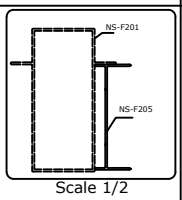
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-F217	1.2	0.35 kg/m	10

Lá sách

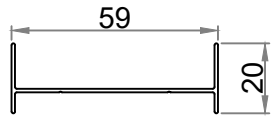


Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T9905	0.8	0.190 kg/m	10

Thanh liên kết lá sách NS-F208A

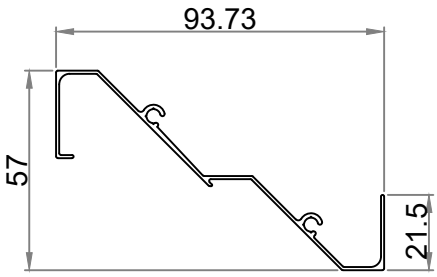


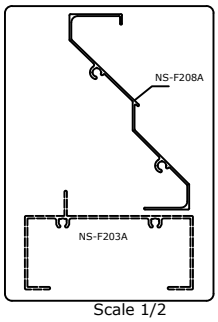
Scale 1/2



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-F205	1.0	0.261 kg/m	10

Lá sách

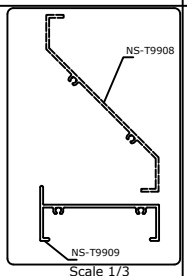




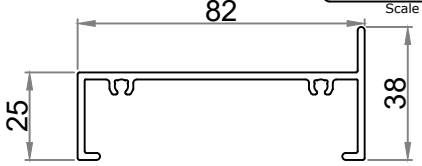
Scale 1/2

Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-F208A	0.9	0.49 kg/m	10

Thanh liên kết lá sách NS-T9908

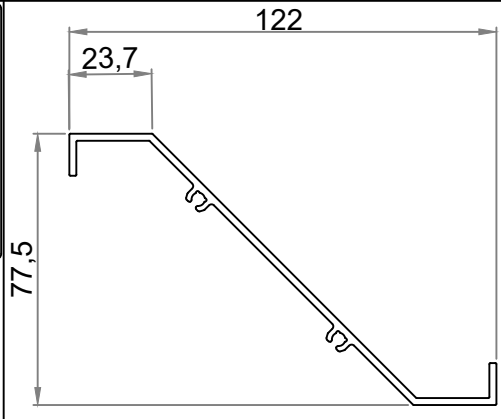


Scale 1/3



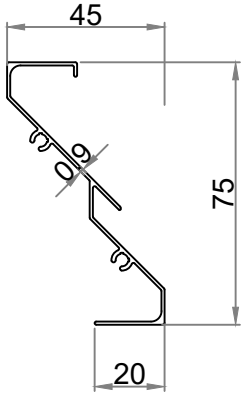
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T9909	2.0	0.888 kg/m	04

Lá sách



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T9908	2.0	1.020 kg/m	04

Lá sách



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-LS02	0.9	0.424 kg/m	10

(*) Ghi chú:Độ dày cho phép dung sai ± 8% (nhôm hệ), Độ dày cho phép dung sai ± 10% (nhôm thông dụng)

NAM SUNG Aluminium Company Limited

Add : Lô N1-3, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hoà Hạ, H.Đức Hoà, Tỉnh Long An

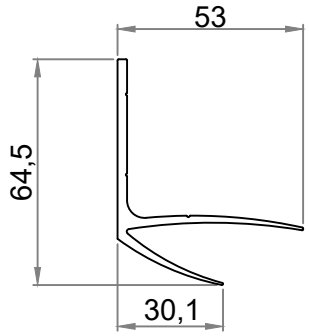
Tel : 0272 3777 815 - Fax : 0272 3768 967

Website : nhomnamsung.com.vn

NAMSUNG
ALUMINIUM CO.,LD

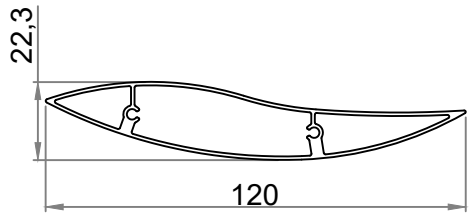
KHUNG LÁ LIỄU TRÁNH NẮNG

Pát treo dùng cho lá liễu NS-HTC137



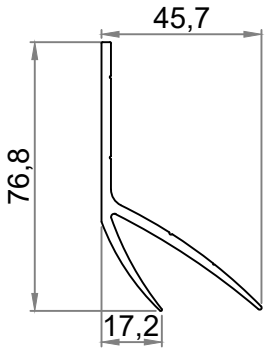
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T138A	2.7	0.791 kg/m	04

Lá liễu



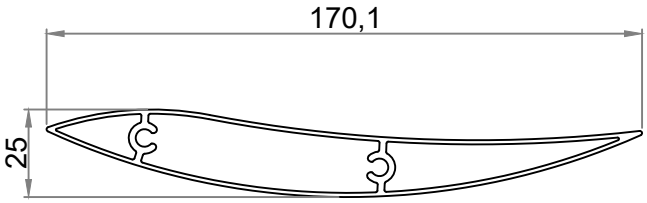
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-HTC137	1.0	0.811 kg/m	02

Pát treo dùng cho lá liễu NS-T138



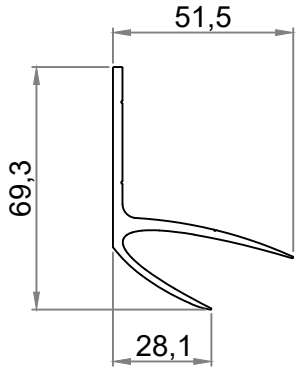
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T138B	2.7	0.891 kg/m	04

Lá liễu



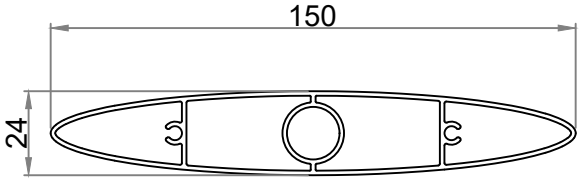
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T138	1.2	1.371 kg/m	02

Pát treo dùng cho lá liễu NS-EL150



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-B150	2.7	0.872 kg/m	04

Hình Elip



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-EL150	1.3	1.477 kg/m	02

(*) Ghi chú:Độ dày cho phép dung sai ± 8% (nhôm hệ), Độ dày cho phép dung sai ± 10% (nhôm thông dụng)

NAM SUNG Aluminium Company Limited

Add : Lô N1-3, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hoà Hạ, H.Đức Hoà, Tỉnh Long An

Tel : 0272 3777 815 - Fax : 0272 3768 967

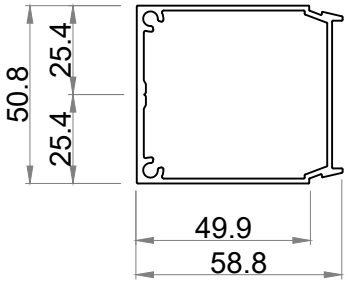
Website : nhomnamsung.com.vn

NAMSUNG
ALUMINIUM CO.,LD

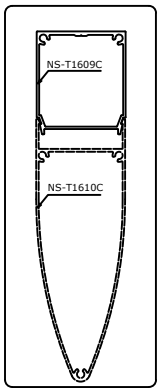
LAM SUN LOWER

ĐẾ CHÂN

Cập nhật 29/09/2021



Scale 1/2

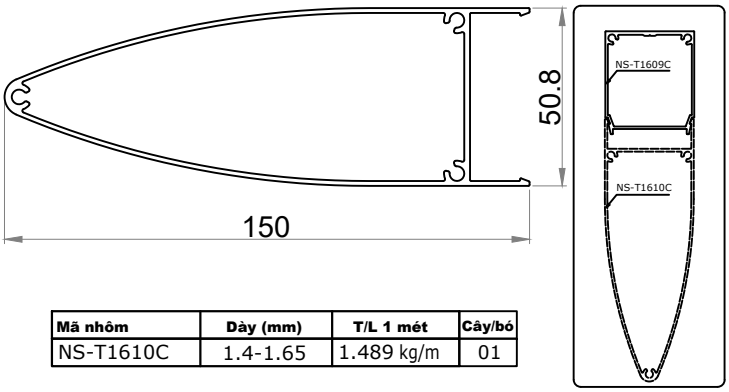


Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T1609C	1.4-2.0	0.970 kg/m	02

LAM ĐẦU ĐẠN

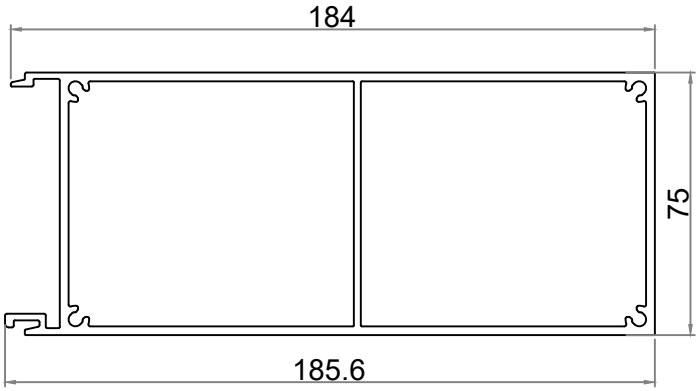
Cập nhật 29/09/2021

Scale 1/2



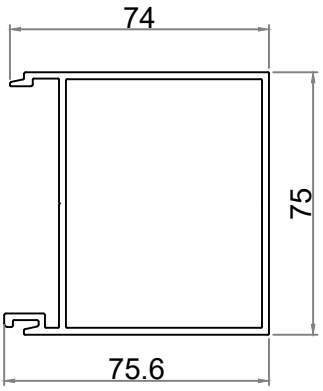
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T1610C	1.4-1.65	1.489 kg/m	01

Lam hộp ghép

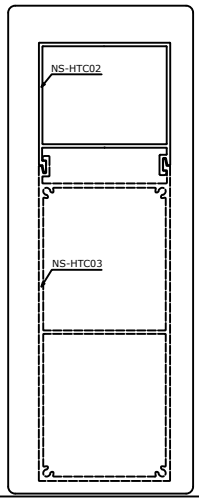


Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-HTC03	2.5	3.976 kg/m	01

Lam hộp ghép



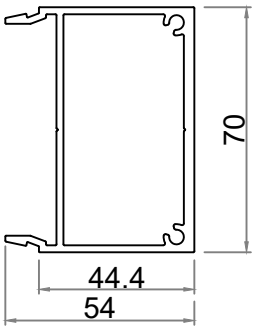
Scale 1/2



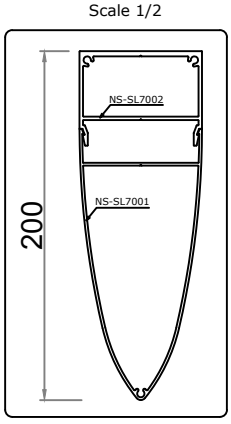
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-HTC02	2.0	1.637 kg/m	01

ĐẾ CHÂN

Cập nhật 11/11/2022



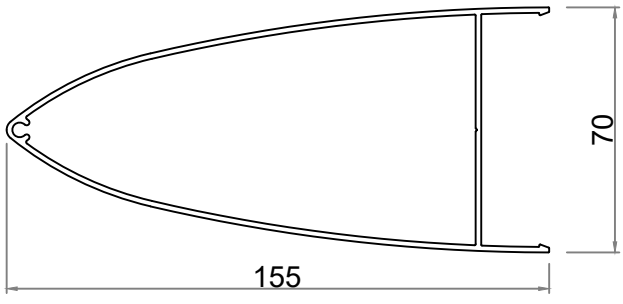
Scale 1/2



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-SL7002	2.0-3.0	1.572 kg/m	02

LAM ĐẦU ĐẠN

Cập nhật 11/11/2022



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-SL7001	1.6	1.701 kg/m	01

(*) Ghi chú:Độ dày cho phép dung sai ± 8% (nhôm hệ), Độ dày cho phép dung sai ± 10% (nhôm thông dụng)

NAM SUNG Aluminium Company Limited

Add : Lô N1-3, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hoà Hạ, H.Đức Hoà, Tỉnh Long An

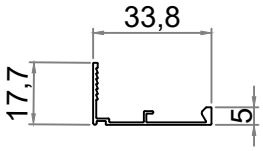
Tel : 0272 3777 815 - Fax : 0272 3768 967

Website : nhomnamsung.com.vn

NAMSUNG
ALUMINIUM CO.,LD

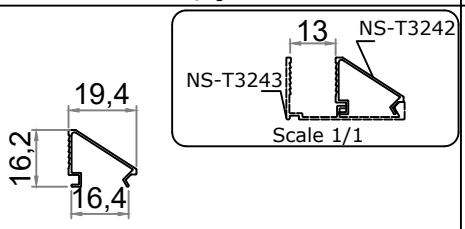
NẸP GÀI

Đế nẹp



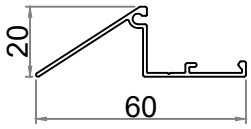
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T3243	0.7	0.149 kg/m	30

Nẹp
*Ghi chú : Sử dụng kính < 12 mm



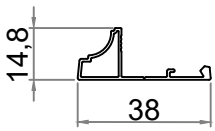
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T3242	0.6	0.087 kg/m	30

Đế nẹp



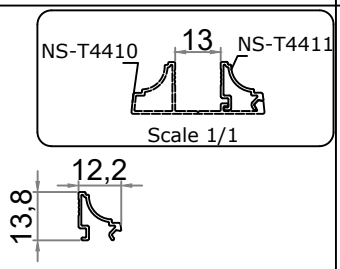
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-HTC37	1.1	0.292 kg/m	20

Đế nẹp



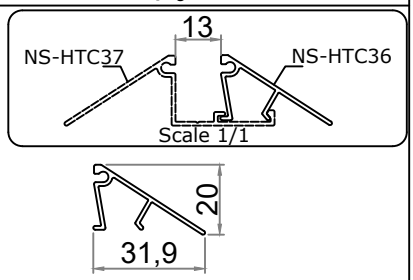
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T4410	0.8	0.182 kg/m	20

Nẹp
*Ghi chú : Sử dụng kính < 12 mm



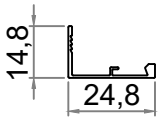
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T4411	0.8	0.086 kg/m	20

Nẹp
*Ghi chú : Sử dụng kính < 12 mm



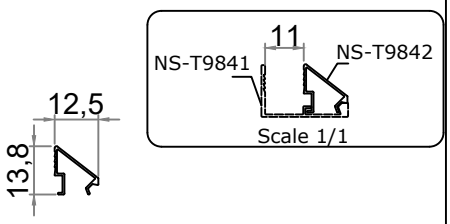
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-HTC36	1.1	0.211 kg/m	20

Đế nẹp
*Ghi chú : Có thể làm vách kính



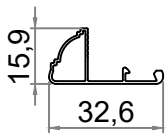
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T9841	0.7	0.111 kg/m	30

Nẹp
*Ghi chú : Sử dụng kính < 10 mm



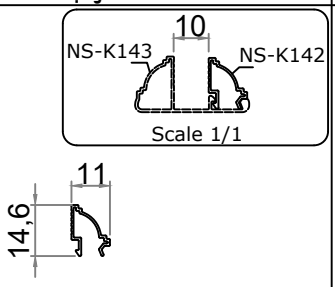
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-T9842	0.55	0.060 kg/m	30

Đế nẹp



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-K143	0.8	0.164 kg/m	20

Nẹp
*Ghi chú : Sử dụng kính < 9 mm



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-K142	0.6	0.071 kg/m	30

(*) Ghi chú:Độ dày cho phép dung sai ± 8% (nhôm hệ), Độ dày cho phép dung sai ± 10% (nhôm thông dụng)

NAM SUNG Aluminium Company Limited

Add : Lô N1-3, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hoà Hạ, H.Đức Hoà, Tỉnh Long An

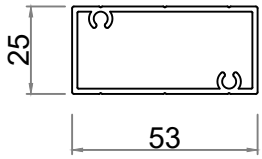
Tel : 0272 3777 815 - Fax : 0272 3768 967

Website : nhomnamsung.com.vn

NAMSUNG
ALUMINIUM CO.,LD

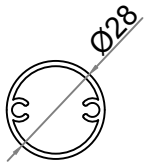
SONG CHẮN NHÔM

SONG CHẮN HỘP ĐỨNG



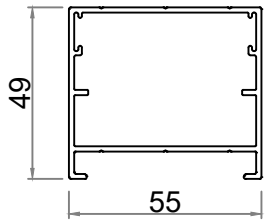
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-SC01	1.5	0.684 kg/m	05

SONG CHẮN TRÒN



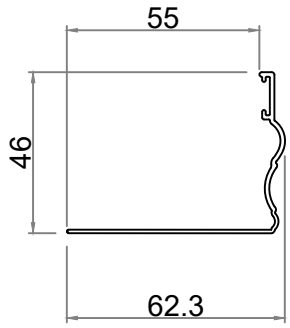
Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-SC02	1.5	0.409 kg/m	10

KHUNG BAO SC HỘP



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-SC03	1.5	0.911 kg/m	04

NẸP PHÀO CHỈ SONG CHẮN



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-SC04	1.0	0.351 kg/m	10

PAT LK SONG CHẮN TRÒN



Mã nhôm	Dày (mm)	T/L 1 mét	Cây/bó
NS-SC05	1.5	0.400 kg/m	10

(*) Ghi chú:Độ dày cho phép dung sai ± 8% (nhôm hệ), Độ dày cho phép dung sai ± 10% (nhôm thông dụng)



www.nhomnamsung.com.vn

Địa Chỉ:
Lô N1-3, Đường số 2, KCN Hải Sơn (GD 3+4)
Ấp Bình Tiên 2, Xã Đức Hòa Hạ, Huyện Đức Hòa,
Tỉnh Long An, Việt Nam

Điện Thoại - Fax
T : 0272 3777 815 - F : 0272 3768 967

Email:
info@nhomnamsung.com

Website:
www.nhomnamsung.com.vn